

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ

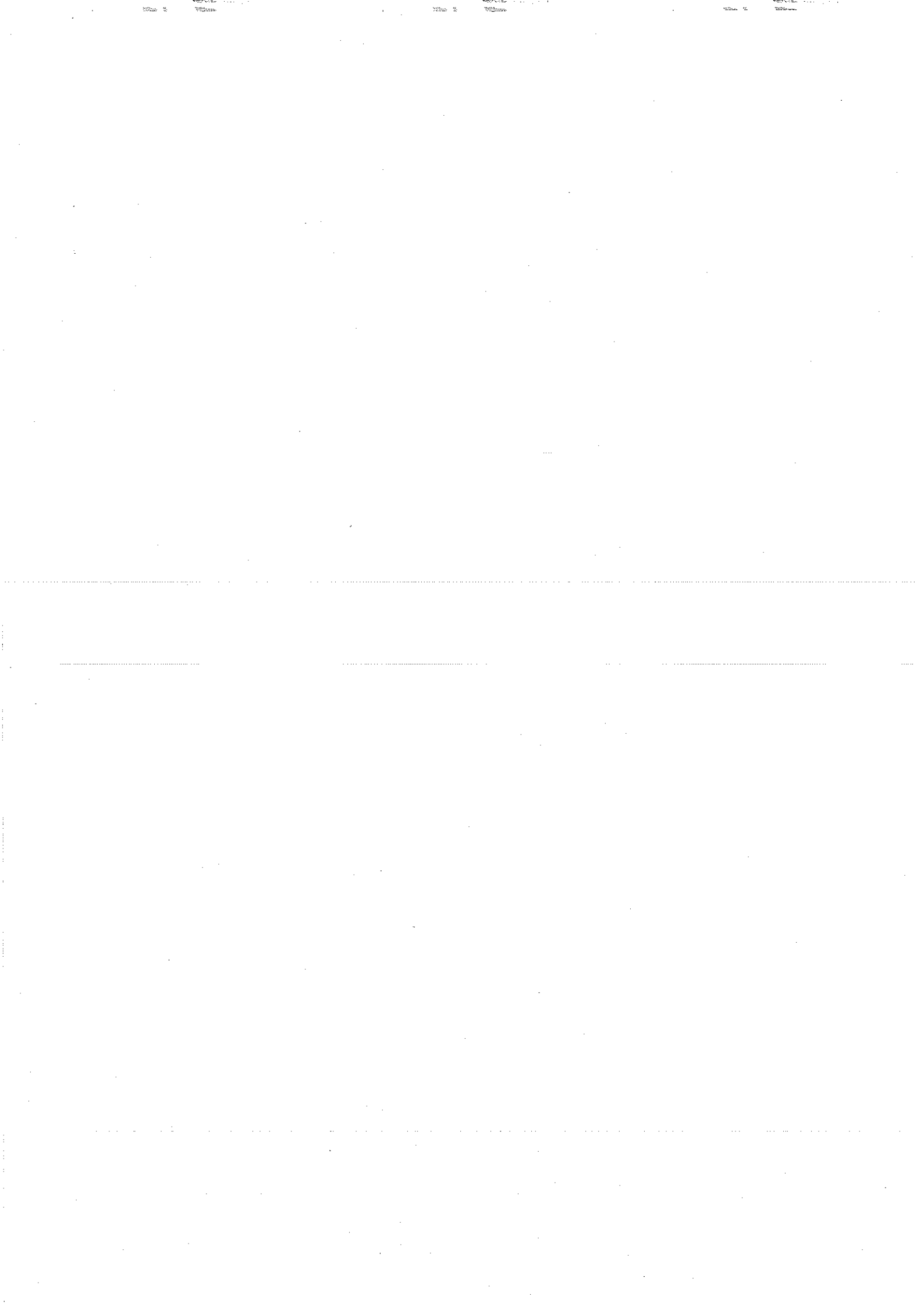
**Quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp thuộc quỹ
đất công do UBND xã Đông Dư quản lý**

Năm 2019



MỤC LỤC HỒ SƠ

STT	NỘI DUNG
1	Mục lục hồ sơ mời đấu giá
2	Thông báo mời đấu giá
3	Quyết định ban hành “ Phương án đấu giá quyền thuê đất ”
4	Phương án đấu giá quyền thuê đất
5	Quy chế cuộc đấu giá
6	Nội quy phòng đấu giá
7	Trích đo thửa đất



Số: 1455/TB-TTPTQĐ

Gia Lâm, ngày 10 tháng 9 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc mời tham gia đấu giá quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp thuộc quỹ đất công do UBND xã Đông Dư quản lý

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm thông báo mời tham gia đấu giá quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp đối với các thửa đất tại xã Đông Dư, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Tên đơn vị tổ chức việc đấu giá:

- Đơn vị tổ chức việc đấu giá: UBND huyện Gia Lâm giao nhiệm vụ cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm thực hiện.

- Địa chỉ: Khu C, Số 101 đường Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

SĐT: 024 36763595.

2. Thông tin về các thửa đất mời đấu giá

STT	Khu đất cho thuê	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đ/m ²)	Bước giá (đ/m ²)	Phí tham gia đấu giá (đ/hồ sơ)	Khoản tiền đặt trước (đ/thửa)
1	Khu đầm biến	A1	881,3	1.300	150	200.000	1.100.000
2	Khu đầm biến	A1-1	2.395,5	1.300	150	200.000	2.900.000
3	Khu đầm biến	A3	8.023,0	1.300	150	200.000	9.900.000
4	Khu đầm biến	A4-1	4.230,4	1.300	150	200.000	5.200.000
5	Khu đầm biến	A4-2	4.283,4	1.300	150	200.000	5.200.000
6	Khu đầm biến	A5	11.625,7	1.300	150	200.000	14.300.000
7	Hồ đầm biến	B12	60.463,0	1.000	150	200.000	57.400.000
8	Khu Cựu chiến binh	B21-3	591,5	1.000	150	200.000	550.000
9	Khu Cựu chiến binh	B21-5	707,6	1.000	150	200.000	650.000
10	Khu Cựu chiến binh	B21-6	697,9	1.000	150	200.000	650.000
11	Khu Cựu chiến binh	B21-7	673,9	1.000	150	200.000	600.000
12	Khu Cựu chiến binh	B21-8	654,2	1.000	150	200.000	600.000
13	Khu Cựu chiến binh	B21-9	673,4	1.000	150	200.000	600.000
14	Khu Cựu chiến binh	B21-14	1.045,7	1.000	150	200.000	900.000
15	Khu Cựu chiến binh	B21-15	2.316,3	1.000	150	200.000	2.200.000
16	Khu Cựu chiến binh	B21-16	341,4	1.000	150	200.000	300.000
17	Khu Cựu chiến binh	B21-17	731,3	1.000	150	200.000	650.000
18	Khu Cựu chiến binh	B21-18	634,1	1.000	150	200.000	600.000
19	Khu Cựu chiến binh	B21-19	613,1	1.000	150	200.000	550.000
20	Khu Cựu chiến binh	B21-20	1.958,8	1.000	150	200.000	1.800.000
21	Khu Cựu chiến binh	B21-21	1.546,6	1.000	150	200.000	1.400.000
22	Khu Cựu chiến binh	B21-22	919,5	1.000	150	200.000	850.000
23	Khu Cựu chiến binh	B21-23	908,8	1.000	150	200.000	850.000
24	Khu Cựu chiến binh	B21-27	827,2	1.000	150	200.000	750.000
25	Khu Cựu chiến binh	B21-28	763,2	1.000	150	200.000	700.000



T. H.

STT	Khu đất cho thuê	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đ/m ²)	Bước giá (đ/m ²)	Phí tham gia đấu giá (đ/hồ sơ)	Khoản tiền đặt trước (đ/thửa)
26	Khu Cự chiến binh	B21-30	695,6	1.000	150	200.000	650.000
27	Khu Cự chiến binh	B21-34	2.516,2	1.000	150	200.000	2.300.000
28	Khu Cự chiến binh	B21-35	959,8	1.000	150	200.000	900.000
29	Khu Cự chiến binh	B21-36	889,0	1.000	150	200.000	800.000
30	Khu Cự chiến binh	B21-37	703,1	1.000	150	200.000	650.000
31	Khu Cự chiến binh	B21-38	564,1	1.000	150	200.000	500.000
32	Khu Cự chiến binh	B21-40	882,5	1.000	150	200.000	800.000
33	Khu Cự chiến binh	B21-43	860,2	1.000	150	200.000	800.000
34	Khu Cự chiến binh	B21-44	1.421,1	1.000	150	200.000	1.300.000
35	Khu Cự chiến binh	B21-45	1.201,3	1.000	150	200.000	1.100.000
36	Khu Cự chiến binh	B21-46	963,0	1.000	150	200.000	900.000
37	Khu Cự chiến binh	B21-47	944,4	1.000	150	200.000	900.000
38	Khu Cự chiến binh	B21-52	2.607,2	1.000	150	200.000	2.400.000
39	Khu Cự chiến binh	B21-53	2.905,8	1.000	150	200.000	2.700.000
40	Ao Cửa hàng	C3	3.232,5	1.500	150	200.000	4.600.000
41	Ao trước cổng UBND xã	C28	703,2	1.500	150	200.000	1.000.000
42	Khu Ao Mẫu Tư	C52	5.897,5	1.400	150	200.000	7.800.000
43	Khu Ao Ngõ Công	C53	6.241,4	1.400	150	200.000	8.300.000

- Đối tượng được tham gia đấu giá: Hộ gia đình, cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Đông Dư có đủ năng lực hành vi dân sự và thuộc đối tượng được Nhà nước cho thuê đất theo quy định tại khoản 2, điều 2 Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

3. Hình thức và thời hạn cho thuê đất:

- Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.
- Thời gian thuê đất: Thời hạn thuê đất 05 năm.
- Mục đích cho thuê: Sản xuất nông nghiệp, đối với các vị trí là ao phục vụ nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo thoát nước vào mùa mưa, không gây úng ngập.

4. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu kín trực tiếp cho từng thửa đất tại cuộc đấu giá.

- Phương thức đấu giá: Trả giá lên

5. Phát hành hồ sơ mời tham gia đấu giá và tiếp nhận hồ sơ đăng ký đấu giá:

- Thời gian từ ngày 11/9/2019 đến 17h00 ngày 30/9/2019 (giờ hành chính).
- Địa điểm: Trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm. Địa chỉ: Khu C – UBND huyện Gia Lâm, số 101 đường Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Tham khảo thông tin hồ sơ đấu giá tại Cổng thông tin điện tử Sở Tài nguyên & Môi trường Hà Nội (<http://tnmtnd.hanoi.gov.vn>) và Cổng thông tin điện tử UBND huyện Gia Lâm (<http://gialam.hanoi.gov.vn>)

- Tiền mua hồ sơ: 200.000 đồng/hồ sơ/thửa đất (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng trên một bộ hồ sơ trên một thửa đất).

Hình thức nộp hồ sơ:

- Nộp trực tiếp tại: Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm.

- Địa chỉ: Khu C – UBND huyện Gia Lâm, số 101 đường Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Lưu ý: Hồ sơ đăng ký của người tham gia đấu giá phải được nhận trước 17h00 ngày 30/9/2019. Các trường hợp nộp sau 17h00 ngày 30/9/2019 sẽ không được tiếp nhận.

6. Khoản tiền đặt trước tham gia đấu giá:

Người đăng ký tham gia đấu giá phải nộp tiền khoản tiền đặt trước tham dự đấu giá tương ứng với thửa đất đăng ký đấu giá.

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ ngày 27/9 đến 17h00 ngày 30/9/2019 (giờ hành chính).

Hình thức nộp tiền:

- Hình thức nộp tiền: Tiền mặt

- Đơn vị nhận tiền: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm.

- Địa chỉ: Số 101 đường Cổ Bi - Gia Lâm - Hà Nội.

7. Thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra thực địa:

- Đối với hộ gia đình, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá đã xác định được vị trí khu đất đấu giá, có thể trực tiếp đến xem xét thực địa khu đất.

- Đối với hộ gia đình, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá chưa xác định được vị trí khu đất đấu giá: Liên hệ với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm để xem thực địa trong 01 ngày là: Ngày 28/9/2019 (giờ hành chính).

8. Thời gian xét điều kiện người tham gia đấu giá:

- Thời gian: Ngày 01/10/2019 (Thứ Ba)

9. Thời gian, địa điểm đấu giá:

- Thời gian tổ chức phiên đấu giá: 14 giờ 00 phút ngày 02/10/2019.

- Địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Hội trường Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm. Địa chỉ: Khu C- UBND huyện Gia Lâm, số 101, đường Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

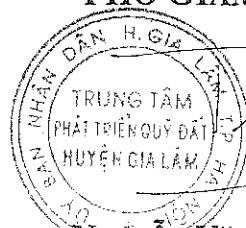
Mọi thông tin liên hệ:

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm. Điện thoại: 0243.6763.595

Nơi nhận:

- UBND huyện Gia Lâm;
- Sở Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội;
- Hội đồng đấu giá QSD đất;
- Cổng thông tin điện tử huyện Gia Lâm;
- UBND Đông Dư ;
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC 
PHÓ GIÁM ĐỐC




Nguyễn Văn Thuyết





Số: 3360/QĐ-UBND

Gia Lâm, ngày 23 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án đấu giá quyền thuê đất để thực hiện việc đấu giá quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp đối với 79 vị trí đất công tại xã Đông Dư

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản và Thông tư hướng dẫn thi hành số 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019;

Căn cứ Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi một số điều tại Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của UBND thành phố về tỷ lệ (%) đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung quy định kèm theo Quyết định số 96/QĐ-UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy định việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 làm căn cứ xác định giá đất cho một số trường hợp sử dụng đất được pháp luật quy định trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 30/01/2019 của UBND huyện Gia Lâm khắc phục các tồn tại, hạn chế trong việc quản lý, sử dụng quỹ đất công do UBND các xã, thị trấn quản lý trên địa bàn huyện Gia Lâm năm 2019;

Căn cứ Văn bản số 487/UBND-TNMT ngày 07/3/2019 của UBND huyện Gia Lâm về việc chấp thuận giao UBND xã Đông Dur tiếp tục ký hợp đồng cho các hộ gia đình, cá nhân thuê đất tại 79 vị trí đất công do UBND xã Đông Dur quản lý để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tại Tờ trình số 236TTr-TTPTQĐ ngày 27/3/2019; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 823/TTr-TN&MT ngày 01/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đấu giá quyền thuê đất để thực hiện việc đấu giá quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại 790 vị trí đất công tại xã Đông Dur với các nội dung chính như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ.

III. QUY CHẾ ĐẤU GIÁ.

IV. NGUỒN KINH PHÍ ĐẢM BẢO CHO HOẠT ĐỘNG ĐẤU GIÁ QUYỀN THUÊ ĐẤT.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

(Có phương án chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Trung tâm phát triển quỹ đất tổ chức thực hiện đấu giá quyền thuê đất để thực hiện việc đấu giá quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại 79 vị trí đất công tại xã Đông Dur theo đúng phương án đấu giá đã được phê duyệt và các quy định hiện hành về lĩnh vực đấu giá quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Trưởng các phòng: Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính-Kế hoạch, Thanh tra; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gia Lâm; Chủ tịch UBND xã Đông Dư; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

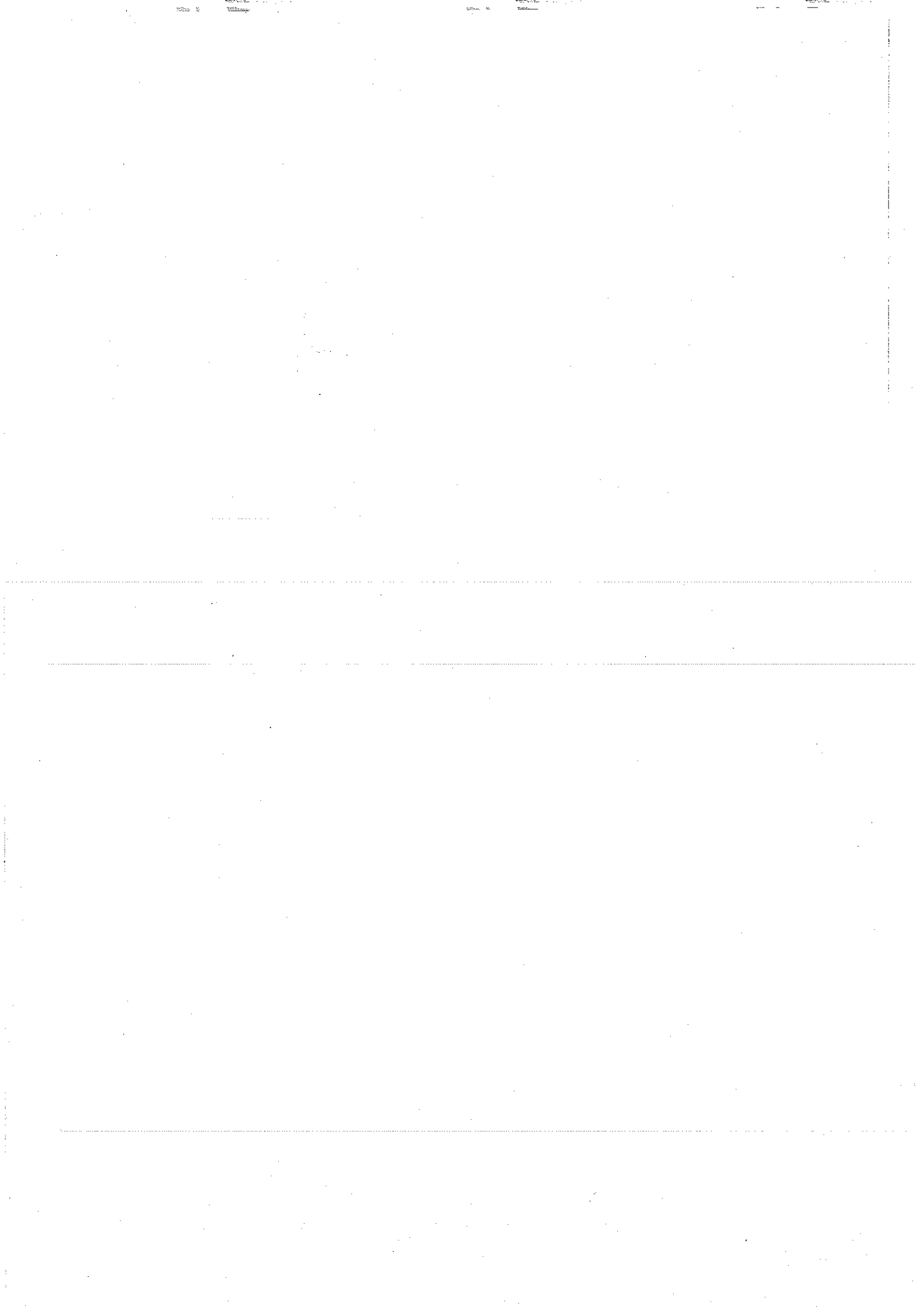
- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND Huyện;
- TT HU-HĐND và UBND Huyện (để b/c);
- Lưu VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Thuận



**PHƯƠNG ÁN ĐẤU GIÁ QUYỀN THUÊ ĐẤT ĐỂ SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THUỘC QUỸ ĐẤT CÔNG
DO UBND XÃ ĐÔNG DƯ QUẢN LÝ**

(Kèm theo Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày ...2.3 /5/2019 của UBND huyện Gia Lâm)

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG:

1. Phạm vi điều chỉnh

Phương án đấu giá này quy định về nội dung, trình tự, thủ tục, phương thức đấu giá, quyền và trách nhiệm của Trung tâm phát triển quỹ đất, Hội đồng đấu giá quyền thuê đất huyện Gia Lâm và người tham gia đấu giá quyền thuê đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Gia Lâm.

2. Mục đích yêu cầu

Tổ chức đấu giá quyền thuê đất công để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại các xã, thị trấn để lựa chọn các hộ gia đình, cá nhân tại địa phương có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng tài chính, có nhu cầu sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế hộ gia đình, cá nhân.

Việc tổ chức đấu giá quyền thuê đất công để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại các xã thị trấn địa bàn huyện Gia Lâm phải đảm bảo công khai và theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Giải thích các thuật ngữ

3.1. Người tham gia đấu giá: Là hộ gia đình, cá nhân tại xã Đông Dư từ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng tài chính, có nhu cầu thuê đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

3.2. Giá khởi điểm (giá sàn): Là mức giá cho thuê tối thiểu quy định cho 1m² đất/1 năm để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

3.3. Bước giá: Là khoảng cách giá quy định để người tham gia đấu giá trả giá và là phần chênh lệch giữa giá trúng và giá không trúng thấp hơn liền kề cho 01m² đất.

3.4. Giá trả đấu giá hợp lệ: Là mức giá ghi trong phiếu tham gia đấu giá và bằng giá khởi điểm cộng với số nguyên lần bước giá. Trường hợp người tham gia đấu giá bỏ sai bước giá sẽ được làm tròn theo nguyên tắc cộng tăng lên cho tròn bước giá kế tiếp.

3.5. Giá trúng đấu giá: Là giá trả hợp lệ cao nhất cho 1m² đất.

3.6. Khoản tiền đặt trước: Là một khoản tiền nhất định người tham gia đấu giá phải nộp để xác định trách nhiệm tham gia đấu giá của mình.

3.7. Đồng tiền sử dụng: Trong mọi giao dịch theo Phương án này là đồng tiền Việt Nam (Việt Nam đồng) viết tắt là VNĐ.

3.8. Các từ ngữ, thuật ngữ khác: Trong bản phương án này các từ ngữ, thuật ngữ khác được sử dụng và hiểu theo nghĩa các từ ngữ, thuật ngữ của Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. QUY CHẾ ĐẤU GIÁ QUYỀN THUÊ ĐẤT

1. Vị trí, diện tích khu đất.

* Thông tin về khu đất đấu giá.

STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn
Xã Đông Du					
1	Ao ông Hiền, thôn 9	C60	3.900,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
2	Khu đầm biển	A1	3.334,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
3	Khu đầm biển	A2	1.600,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
4	Khu đầm biển	A3	7.500,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
5	Khu đầm biển	A4	7.500,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
6	Khu đầm biển	A5	12.000,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
7	Khu đầm biển	A6	2.280,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
8	Khu Vậu thượng	B3	8.933,9	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
9	Hồ đầm biển	B12	80.464,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
10	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B15+B16	55.531,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
11	Khu trạm bơm	B17	322,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
12	Khu Cừ điểm thượng	B18	7.695,8	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
13	Bãi bồi ven sông Hồng (Khu cừ chiến binh)	B21	55.752,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
14	Khu Đệ Nhất	B22	28.059,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
15	Khu Đầm Biển	B23	22.970,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
16		C1	143,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
17		C2	61,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
18	Ao Cửa hàng	C3	3.112,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
19	Ao Cửa đình	C4	9.133,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
20		C9	122,8	Sản xuất nông nghiệp	5 năm

21		C10	249,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
22		C11	23,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
23		C12	137,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
24		C13	376,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
25		C14	79,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
26		C15	386,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
27		C16	124,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
28	Ao cạnh nhà	C17	2.044,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
29		C25	200,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
30		C26	82,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
31	Ao cạnh nhà	C27	319,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
32	Ao trước cổng UBND xã	C28	745,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
33		C33	154,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
34		C34	91,3	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
35		C35	157,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
36	Ao cửa nhà	C37	360,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
37		C38	270,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
38		C45	461,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
39		C46	83,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
40		C47	233,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
41		C48	61,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
42		C49	340,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
43		C50	259,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
44	Khu Ao ông Bi	C51	3.233,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
45	Khu Ao Mẫu Tư	C52	6.130,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
46	Khu Ao Ngõ Cổng	C53	5.986,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
47		C55	230,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
48		C56	112,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
49	Ao cổng trường học	C57	2.126,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
50	Khu Sườn Bò	C66	273,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm

51	Khu Sườn Bò	C67	224,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
52	Khu Sườn Bò	C68	323,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
53		C69	232,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
54		C70	360,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
55		C71	71,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
56		C72	260,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
57	Khu Sườn Bò	C73	192,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
58	Khu Sườn Bò	C74	466,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
59	Khu Lò Vôi	C75	294,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
60	Đất ven đê	C86	3.935,8	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
61	Khu Cửa Đình	C87	1.027,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
62		C60b	238,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
63		C72b	64,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
64		B8b	1.000,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
65		C75b	85,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
66		B7b	540,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
67		B7c	381,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
68		C32b	146,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
69		C30b	83,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
70		C33a	23,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
71		B8a	300,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
72		B9b	949,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
73		C33b	104,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
74		B17a	5.200,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
75		B17b	2.000,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
76		C67a	263,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
77		C67b	413,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
78		C75c	168,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm
79		C75d	72,0	Sản xuất nông nghiệp	5 năm

2. Hình thức và thời hạn thuê đất.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.
- Mục đích cho thuê: Sản xuất nông nghiệp, đối với các vị trí là ao phục vụ nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo thoát nước vào mùa mưa, không gây úng ngập và phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp.

- Thời gian thuê đất: Thời hạn thuê đất 05 năm.

- Loại đất: Đất công do UBND xã quản lý.

3. Đơn vị tổ chức việc đấu giá quyền thuê đất. (Căn cứ Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017).

Đơn vị tổ chức việc đấu giá: UBND huyện Gia Lâm giao Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm là đơn vị tổ chức việc đấu giá quyền thuê đất.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm có trụ sở tại: Số 101 Đường Cổ Bi, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị tổ chức việc đấu giá quyền thuê đất(Căn cứ Điều 47 Luật đấu giá tài sản 2016, Điều 4 Thông tư 48/2017/TT-BTC)

4.1. Quyền hạn:

- Tham gia giám sát phiên đấu giá.
- Yêu cầu dừng phiên đấu giá nếu phát hiện có vi phạm.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Trách nhiệm:

- Lập phương án đấu giá quyền thuê đất (trong đó có Quy chế đấu giá quyền thuê đất thể hiện đầy đủ nội dung quy định tại Điều 34 Luật Đấu giá tài sản 2016) gửi đến Phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện thẩm định để báo cáo UBND huyện Gia Lâm phê duyệt.

- Phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND xã, thị trấn (nơi có đất) thực hiện khảo sát, đề xuất giá khởi điểm trình UBND huyện phê duyệt theo quy định.

- Lập dự toán chi phí tổ chức thực hiện công tác đấu giá quyền thuê đất trình UBND Huyện phê duyệt.

- Xác định chính xác diện tích đất đấu giá trước khi tổ chức đấu giá.

- Phát hành thông báo mời đấu giá.

- Thực hiện việc phát hành hồ sơ mời đấu giá, thu hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và các khoản tiền phí tham gia đấu giá, khoản tiền đặt trước theo quy định.

- Tổ chức xét duyệt điều kiện người tham gia đấu giá; Thông báo công khai danh sách những người không đủ điều kiện tham gia đấu giá; Chủ trì tổ chức buổi đi thăm thực địa khu đất đấu giá.

- Ban hành nội quy phiên đấu giá theo quy định.

- Báo cáo phòng Tài nguyên và Môi trường, trình UBND Huyện quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền thuê đất trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tổ chức phiên đấu giá.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, thông báo bằng văn bản cho người trúng đấu giá về việc nộp tiền trúng đấu giá.

- Hoàn trả lại tiền đặt trước cho người không trúng đấu giá (và không vi phạm quy định phải bị xử lý tịch thu khoản tiền đặt trước) chậm nhất là hai (02) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên bán đấu giá.

- Nộp tiền thu được từ đấu giá, tiền thu của những người tham gia đấu giá vi phạm quy chế, tiền phí tham gia đấu giá không chi hết, tiền phạt chậm nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Thanh toán, quyết toán chi phí thực hiện công tác đấu giá theo quy định pháp luật.

5. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng đấu giá quyền thuê đất (Căn cứ Khoản 5, Điều 8 Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)

5.1. Quyền hạn:

- Truất quyền tham gia cuộc đấu giá và lập biên bản xử lý đối với người tham gia đấu giá có hành vi gây rối trật tự cuộc đấu giá, thông đồng, móc nối để đìm giá hoặc hành vi khác làm ảnh hưởng đến tính khách quan, trung thực của cuộc đấu giá.

- Dừng cuộc đấu giá và báo cáo người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng đấu giá để xử lý khi phát hiện có hành vi vi phạm trình tự, thủ tục đấu giá, hành vi thông đồng, móc nối để đìm giá hoặc hành vi khác làm ảnh hưởng đến tính khách quan, trung thực của cuộc đấu giá.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Trách nhiệm:

- Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền thuê đất.

- Tổ chức thực hiện đấu giá theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật, phương án đấu giá đã được phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm về kết quả cuộc đấu giá trước pháp luật và người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng.

- Giải quyết khiếu nại tố cáo trong quá trình đấu giá, tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng giải quyết khiếu nại phát sinh sau cuộc đấu giá, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Thẩm định điều kiện đối tượng tham gia phiên đấu giá.

- Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; theo phương án đấu giá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất.

- Báo cáo người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng đấu giá quyền thuê đất về kết quả đấu giá.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Đối tượng được tham gia đấu giá và không được tham gia phiên đấu giá quyền thuê đất (Căn cứ Điều 7 Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017).

6.1. Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá:

- Đối tượng được tham gia đấu giá: thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 56 của Luật đất đai 2013.

- Hộ gia đình, cá nhân tại địa phương(xã, thị trấn) tham gia đấu giá thuê đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thuộc quỹ đất công ích, đất bãi bồi ven sông, đất chưa sử dụng của xã, thị trấn.

- Bảo đảm đủ các điều kiện về năng lực tài chính, không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

6.2. Đối tượng không được tham gia đấu giá:

- Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

- Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của Hội đồng đấu giá điều hành cuộc đấu giá.

- Người tham gia đấu giá quyền thuê đất sử dụng vốn từ ngân sách Nhà nước.

- Cá nhân, tổ chức không thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Các trường hợp không đủ điều kiện tham gia quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Quyết định 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017.

7. Quyền và trách nhiệm người tham gia đấu giá.

7.1. Quyền:

- Được tham dự phiên đấu giá (Bỏ giá đấu giá, ký các giấy tờ, tài liệu liên quan) nếu đủ điều kiện theo quy định của Quy chế này.

- Được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến ô đất đấu giá.

- Người tham gia đấu giá không trúng đấu giá (và không vi phạm quy chế bị áp dụng hình thức xử lý khoản tiền đặt trước) sẽ được hoàn trả khoản tiền đặt

trước chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá. (Khoản tiền đặt trước không được hưởng bất kỳ khoản lãi nào).

7.2. Trách nhiệm:

- Chấp hành nghiêm chỉnh nội dung quy chế đấu giá trong phương án này, Nội quy phiên đấu giá và quy định của pháp luật liên quan.

- Nộp hồ sơ để đăng ký tham gia đấu giá, nộp khoản tiền đặt trước, tiền phí tham gia đấu giá theo đúng quy định trong phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thông báo mời đấu giá do tổ chức đấu giá phát hành.

- Người tham gia đấu giá phải có mặt đầy đủ, đúng giờ, đúng địa điểm để tham gia phiên đấu giá theo quy định. Trường hợp vì lý do bất khả kháng không thể có mặt tham dự phiên đấu giá được phải bỏ cuộc (Do gặp thiên tai hoặc tai nạn bất ngờ trong quá trình di chuyển đến địa điểm tham dự phiên đấu giá) thì trong vòng 24 giờ phải thông báo cho đơn vị thực hiện phiên đấu giá và phải có xác nhận của chính quyền nơi xảy ra sự việc. Nếu không có lý do chính đáng là vi phạm quy chế đấu giá.

- Khi đến tham gia phiên đấu giá, Người tham gia đấu giá phải xuất trình Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu và giấy uỷ quyền hợp lệ (trường hợp uỷ quyền) cho đơn vị thực hiện phiên đấu giá; không sử dụng các chất kích thích và không mang theo vũ khí, chất gây cháy, gây nổ.

- Không được rút đơn hoặc từ chối tham gia đấu giá sau khi đơn vị tổ chức việc đấu giá đã công bố kết quả xác định điều kiện tham gia đấu giá.

8. Kinh phí, nguồn chi phí thực hiện việc đấu giá (Căn cứ Điều 3 Thông tư 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính).

Nguồn kinh phí đảm bảo cho hoạt động đấu giá quyền thuê đất, bao gồm:

- Bố trí từ ngân sách Huyện (nguồn thu tiền đấu giá khu đất cho thuê);
- Phí tham gia đấu giá quyền thuê đất thu của người tham gia đấu giá theo quy định;
- Khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được hoàn trả do vi phạm Quy chế đấu giá;

- Các nguồn kinh phí hợp lệ khác theo quy định của pháp luật.

9. Niêm yết, thông báo công khai hồ sơ mời đấu giá, hồ sơ tham gia đấu giá quyền thuê đất (Căn cứ Điều 35 và Điều 57 Luật Đấu giá tài sản 2016, Điều 13 của Quyết định 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017).

Nội dung thông báo mời đấu giá quyền thuê đất có các nội dung chủ yếu: Tên, địa chỉ của đơn vị tổ chức đấu giá và thực hiện phiên đấu giá; Thời gian, địa điểm: mở phiên đấu giá, xem thực địa khu đất đấu giá, phát hành hồ sơ mời đấu giá, đăng ký tham gia đấu giá; Địa điểm, số lượng, diện tích khu đất đấu giá; Giá khởi điểm đấu giá.

Việc niêm yết thông báo mời đấu giá quyền thuê đất thực hiện chậm nhất là 15 ngày trước ngày mở phiên bán đấu giá. Niêm yết công khai tại các điểm sau: nơi tổ chức đấu giá, trụ sở UBND xã, thị trấn có liên quan; Thông báo công khai 02 lần mỗi lần cách nhau 03 ngày trên đài phát thanh của Huyện và đài truyền thanh của xã, thị trấn; đồng thời được thực hiện tại Cổng thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường, Cổng thông tin điện tử UBND huyện Gia Lâm.

Trên nội dung của thông báo mời đấu giá phải có đường dẫn đến nội dung hồ sơ mời đấu giá. Hồ sơ mời đấu giá theo quy định tại mục c khoản 1 Điều 13 Quyết định 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

Hồ sơ mời đấu giá quyền thuê đất được niêm yết tại trụ sở đơn vị tổ chức đấu giá bằng bản giấy và thực hiện cung cấp bản số để công khai tại Cổng thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường, Cổng thông tin điện tử UBND huyện Gia Lâm. Thời gian niêm yết công khai hồ sơ mời đấu giá quyền thuê đất kể từ ngày thông báo đến khi kết thúc phiên đấu giá quyền thuê đất.

10. Nguyên tắc đấu giá, hình thức đấu giá (Căn cứ Điều 40, Điều 42 Luật đấu giá tài sản 2016, Điều 3 Thông tư 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017).

10.1. Nguyên tắc đấu giá:

Việc đấu giá được thực hiện theo nguyên tắc công khai, liên tục, khách quan, trung thực, bình đẳng giữa Người tham gia đấu giá, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

10.2. Hình thức đấu giá:

Đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu kín **01 vòng** cho tất cả các thửa đất đưa ra đấu giá, kết quả được công bố công khai ngay sau khi hết thời gian bỏ phiếu. Thời gian viết và bỏ phiếu trả giá không quá **15 phút**. Hội đồng đấu giá điều hành phiên đấu giá sẽ công khai các nội dung trong các phiếu đấu giá.

Cách thức tiến hành đấu giá: Sau khi Hội đồng đấu giá thông báo giá khởi điểm, bước giá, thời gian trả giá thì mỗi người tham gia đấu giá được phát 01 phiếu trả giá. Người tham gia đấu giá ghi đầy đủ các thông tin trên phiếu theo hướng dẫn, ghi mức giá (bằng chữ và bằng số thống nhất) muốn trả vào phiếu của mình và bỏ phiếu vào hòm phiếu. Hội đồng đấu giá công khai giá đã trả trước sự chứng kiến của các thành phần tham dự phiên đấu giá. Kết quả giá trả đấu giá hợp lệ của người tham gia đấu giá sẽ được sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp.

10.3. Việc mở phiên đấu giá phải tiến hành theo nguyên tắc:

Số lượng người tham gia đấu giá tối thiểu phải gấp 02 (hai) lần số lượng thửa đất đưa ra đấu giá trở lên; Trường hợp thông báo mời đấu giá tất cả các thửa đất thuộc phiên đấu giá, mà số người đăng ký tham gia đấu giá ít hơn quy định để thực hiện đấu giá thì Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm báo cáo UBND Huyện quyết định số lượng thửa đất đưa ra đấu giá, đảm bảo đủ điều kiện để phiên đấu giá vẫn được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm sẽ thông báo cụ thể cho những người tham gia đấu giá ngay sau khi có quyết định của UBND huyện Gia Lâm. Người tham gia đấu giá phải tuân thủ quyết định lựa chọn những thửa đất được tổ chức đấu giá và chấp hành việc tham gia đấu giá theo đúng quy định pháp luật và quy chế đấu giá đã ban hành.

Người tham gia đấu giá có thể đăng ký đấu giá một hay nhiều thửa đất với điều kiện phải nộp phí tham gia đấu giá và tiền đặt trước tương ứng với số lượng thửa đất đăng ký đấu giá.

Đến thời điểm xác định điều kiện nếu không đủ số lượng người tham gia đấu giá hợp lệ để tổ chức phiên đấu giá theo quy định thì đơn vị tổ chức việc đấu giá sẽ quyết định tạm dừng việc tổ chức đấu giá, người tham gia đấu giá đã đăng ký tham gia đấu giá có thể rút lại khoản tiền đặt trước và phí tham gia đấu giá, hoặc chấp nhận chờ đợi cho đến khi đủ điều kiện tổ chức đấu giá.

11. Nội dung hồ sơ mời tham gia đấu giá và đăng ký tham gia đấu giá (Căn cứ Điều 38, Điều 39 và Điều 42 Luật Đấu giá tài sản 2016, Điều 13, Điều 14 của Quyết định 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017; Điều 3 Thông tư 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017).

11.1. Hồ sơ mời tham gia đấu giá:

a. Hồ sơ mời tham gia đấu giá gồm có:

- Thông báo mời đấu giá;
- Phương án đấu giá quyền thuê đất;
- Quy chế, nội quy cuộc đấu giá;
- Trích lục vị trí khu đất, vị trí các thửa đất (nếu có);

11.2. Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư gồm:

a. Đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu):

Việc đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt trước tại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm.

b. Bản chính chứng từ xác định các khoản tiền người tham gia đấu giá đã nộp để đăng ký tham gia đấu giá quyền thuê đất.

c. Bản sao Giấy chứng minh nhân dân (còn thời hạn) hoặc Hộ chiếu và Hộ khẩu thường trú hoặc Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu có).

Hồ sơ tham gia đấu giá được tiếp nhận không hạn chế về số lượng và được bảo quản theo chế độ "mật". Thời điểm nộp tiền đăng ký tham gia đấu giá và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (trong giờ hành chính không kể thứ 7, chủ nhật và ngày lễ, tết) liên tục kể từ ngày niêm yết việc đấu giá quyền thuê đất cho đến trước ngày mở phiên đấu giá 02 (hai) ngày.

- Thời gian xem xét thực địa: Tối thiểu 2 ngày trước khi mở phiên đấu giá, đơn vị đấu giá có trách nhiệm tổ chức cho người tham gia đấu giá đến xem thực địa khu đấu giá.

Người tham gia đấu giá quyền thuê đất có thể tự tìm hiểu thực địa khu đất, không phải thông qua đơn vị tổ chức đấu giá quyền thuê đất.

11.3. Các khoản tiền phải nộp khi đăng ký tham gia đấu giá quyền thuê đất:

a. Khoản tiền đặt trước.

- Người tham gia đấu giá khi nộp Hồ sơ dự đấu giá phải nộp một khoản tiền đặt trước do đơn vị tổ chức việc đấu giá quy định.

- Khoản tiền đặt trước không được hoàn trả cho người tham gia đấu giá và được nộp vào ngân sách Nhà nước trong trường hợp Người tham gia đấu giá vi phạm quy chế đấu giá và theo quy định pháp luật.

- Khoản tiền đặt trước đã nộp của người trúng đấu giá được tính vào tổng số tiền phải nộp cho thửa đất trúng đấu giá.

- Người không trúng đấu giá và không vi phạm quy chế, quy định của pháp luật bị áp dụng hình thức tịch thu tiền đặt trước thì sẽ được hoàn trả khoản tiền đặt trước chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.

b. Người tham gia đấu giá có thể đăng ký đấu giá một hay nhiều thửa đất với điều kiện phải nộp tiền đặt trước tương ứng với số lượng thửa đất đăng ký đấu giá.

c. Phí tham gia đấu giá (*Căn cứ Điều 3 Thông tư số 48/2017/TT-BTC*) :

- Người tham gia đấu giá khi đăng ký tham dự đấu giá phải nộp khoản phí tham gia theo quy định là : **200.000 đồng/01 hồ sơ** (Hai trăm nghìn đồng chẵn trên một hồ sơ).

12. Thời gian, địa điểm phát hồ sơ và nộp hồ sơ tham dự đấu giá, xem thực địa khu đất đấu giá và tổ chức phiên đấu giá quyền thuê đất.

Thực hiện theo Thông báo mời đấu giá do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm phát hành và đã được niêm yết công khai theo quy định.

13. Rút lại đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn đăng ký.

Trước khi hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá mà người đã nộp hồ sơ rút đăng ký thì xử lý như sau:

- Phí tham gia đấu giá và tiền đặt trước của người đã đăng ký được hoàn trả lại trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức phiên đấu giá.

14. Giá khởi điểm, bước giá, tiêu chuẩn xét giá, công thức bỏ giá và giá trúng đấu giá.

14.1. Giá khởi điểm:

Giá khởi điểm để đấu giá quyền thuê đất công để cho thuê sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại các xã, thị trấn do UBND huyện Gia Lâm phê duyệt.

Giá khởi điểm để cho thuê đất tối thiểu (đồng) bằng diện tích đất (m²) nhân với giá đất cụ thể (đồng/m²).

14.2. Bước giá:

Là khoảng cách giá quy định để người tham gia đấu giá bỏ giá và là phần chênh lệch giữa giá trúng và giá không trúng thấp hơn liền kề cho 01 m² đất.

Bước giá áp dụng chung với tất cả các thửa đất đấu giá cho thuê là: **150đ/m²** (Một trăm năm mươi đồng trên một mét vuông).

14.3. Công thức bỏ giá:

Giá hợp lệ của vòng đấu = Giá đất cụ thể (A) + n lần bước giá (n là các số tự nhiên: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6...vv).

Giá hợp lệ được công bố là “A” thì giá bỏ hợp lệ sẽ phải bằng từ “A” trở lên, cụ thể là: Có thể là “A” hoặc A + n lần bước giá.

14.4. Tiêu chuẩn xét giá:

Việc đánh giá xếp hạng người tham gia đấu giá được xem xét trên 2 tiêu chí: Có phiếu dự đấu giá hợp lệ và giá dự đấu giá hợp lệ.

a. Phiếu đấu giá hợp lệ là: Phiếu dự đấu giá do đơn vị tổ chức việc đấu giá (Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm) và đơn vị thực hiện phiên đấu giá phát hành (phiếu theo mẫu in sẵn có đóng dấu treo của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm). Phiếu ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu và thống nhất với hồ sơ xác định tư cách người tham gia đấu giá.

Số tiền bỏ giá bằng chữ và bằng số trong phiếu đấu giá phải thống nhất, nếu có sự sai lệch thì sẽ lấy giá trị bằng chữ để xét giá.

b. Giá trả đấu giá hợp lệ là: Giá do người tham gia đấu giá trả giá cho 01m² đất được ghi trong phiếu dự đấu giá, và quy định :

- Giá tối thiểu phải bằng giá cụ thể để đấu giá (đồng/m²).

- Trường hợp người tham gia đấu giá nếu bỏ sai bước giá sẽ được làm tròn theo nguyên tắc cộng tăng lên cho tròn bước giá kế tiếp để xét giá. Người tham gia đấu giá đồng ý cộng tăng làm tròn bước giá kế tiếp sẽ phải xác nhận vào phiếu đấu giá đã ghi sai bước giá của mình. Trường hợp người tham gia đấu giá không đồng ý cộng tăng làm tròn bước giá kế tiếp sẽ không được tiếp tục tham gia đấu giá và bị áp dụng hình thức xử lý vi phạm

- Trường hợp người tham gia đấu giá nếu bỏ dưới giá đất cụ thể làm cơ sở xác định giá khởi điểm để đấu giá theo quy định thì coi như không hợp lệ, sẽ bị áp dụng hình thức xử lý vi phạm tịch thu tiền đặt trước và không được tiếp tục tham gia đấu giá.

14.5. Giá trúng đấu giá và tổng số tiền người trúng đấu giá phải nộp:

a. Giá trúng đấu giá: Là giá trả hợp lệ cao nhất tính trên một mét vuông đất (quy định lớn hơn giá không trúng liền kề một bước giá trở lên), được Hội đồng

đấu giá công bố tại phiên đấu giá, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm xác nhận và cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b. Tổng số tiền người trúng đấu giá quyền thuê đất phải trả được xác định như sau: Giá trúng đấu giá nhân diện tích thửa đất trúng đấu giá thực tế bàn giao ngoài thực địa.

15. Xét duyệt điều kiện tham gia đấu giá và giám sát thực hiện phiên đấu giá quyền thuê đất (Căn cứ Điều 15 của Quyết định 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND Thành phố).

15.1. Xét duyệt điều kiện tham gia đấu giá:

Việc xét điều kiện tham gia đấu giá được tiến hành ngay sau khi hết thời hạn nộp hồ sơ tham gia đấu giá. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm tổ chức xét duyệt điều kiện tham gia đấu giá của các người tham gia đấu giá. Việc tổ chức xét duyệt điều kiện tham gia đấu giá được thực hiện trong điều kiện bảo mật và được lập biên bản, các thành phần tham dự phải ký tên xác nhận nội dung biên bản và được lưu trữ trong hồ sơ đấu giá. Thông báo công khai danh sách những người tham gia đấu giá không đủ điều kiện tại đơn vị tổ chức việc đấu giá và đơn vị thực hiện phiên đấu giá quyền sử dụng đất. Hồ sơ xét duyệt điều kiện tham gia đấu giá, danh sách nhà đầu tư và danh sách nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia đấu giá được bảo quản theo chế độ Mật.

15.2. Giám sát thực hiện phiên đấu giá quyền thuê đất:

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm mời đại diện cơ quan tư pháp, tài chính, chính quyền xã, thị trấn nơi có đất đấu giá và đại diện tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến tham dự, giám sát thực hiện phiên đấu giá quyền thuê đất.

16. Trình tự mở phiên đấu giá, nguyên tắc bỏ giá và xét giá, biên bản đấu giá (Căn cứ Điều 42, 44 của Luật Đấu giá tài sản 2016)

16.1. Trình tự mở phiên đấu giá:

- Thông báo nội quy của cuộc đấu giá.
- Công bố danh sách người tham gia đấu giá đủ điều kiện và điểm danh xác định người đại diện người tham gia đấu giá tại phiên.
- Giới thiệu khu đất đấu giá, các thửa đất đấu giá.
- Thông báo giá khởi điểm và bước giá, thời gian trả giá.
- Trả lời các câu hỏi của người tham gia đấu giá (nếu có).
- Phát phiếu đấu giá cho từng người tham gia đấu giá. Người tham gia đấu giá được phát 01 phiếu dự đấu giá theo mẫu in sẵn (Có đóng dấu treo của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm). Nếu viết nhầm (trước khi bỏ phiếu) phải yêu cầu đổi phiếu khác, không được tẩy xóa, sửa chữa trên phiếu đấu giá. Việc đổi phiếu trong thời gian quy định và được sự chấp thuận của Hội đồng đấu giá. Người tham gia đấu giá phải nộp lại tờ phiếu đã bị hỏng để lưu hồ sơ theo quy định.

- Hướng dẫn người tham gia đấu giá viết và bỏ phiếu vào hòm phiếu; người tham gia đấu giá có trách nhiệm ghi rõ họ tên, địa chỉ, giá trả đấu giá (bằng số và bằng chữ) và các nội dung khác trong mẫu phiếu dự đấu giá và bỏ vào hòm kín trước sự chứng kiến của các thành phần dự phiên đấu giá.

- Thời gian viết và bỏ giá là **15 phút** (kể cả viết và bỏ phiếu đấu giá).

- Công bố công khai nội dung ghi trong phiếu đấu giá của từng người tham gia đấu giá.

- Phiếu dự đấu giá không hợp lệ không được xét giá.

16.2. Nguyên tắc bỏ giá và xét giá:

- Việc bỏ giá đấu giá ở các thửa đất được tiến hành một vòng duy nhất, tất cả những Người tham gia đấu giá đã đăng ký đấu giá đủ điều kiện sẽ cùng tham gia bỏ giá 01 lần.

- Một Người tham gia đấu giá sẽ được phát 01 tờ phiếu tham dự đấu giá và chỉ được bỏ 01 giá cho tất cả số lượng thửa đất đã đăng ký đấu giá.

- Việc xét giá được tiến hành công khai, tại chỗ. Hội đồng đấu giá xem xét các phiếu dự đấu giá hợp lệ. Việc xếp hạng theo giá dự đấu giá từ cao xuống thấp để xác định danh sách Người trúng giá, có sự kiểm tra giám sát của đơn vị tổ chức việc đấu giá và chứng kiến của Người tham gia đấu giá.

16.3. Biên bản đấu giá:

- Diễn biến của phiên đấu giá phải được ghi vào biên bản đấu giá. Biên bản đấu giá phải được lập tại phiên đấu giá và có chữ ký của Hội đồng đấu giá điều hành phiên đấu giá, người ghi biên bản, người trúng đấu giá, người có tài sản đấu giá, đại diện của những người tham gia đấu giá.

17. Nội quy phiên đấu giá quyền thuê đất.

Nội quy phiên đấu giá quyền thuê đất do đơn vị tổ chức việc đấu giá (Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm) ban hành. Gồm các nội dung như sau:

- Người không đủ điều kiện tham gia đấu giá không được vào phòng tổ chức phiên đấu giá.

- Người tham gia đấu giá phải có mặt tại phòng tổ chức phiên đấu giá đúng giờ, ngày quy định theo thông báo đấu giá. Sau khi phiên đấu giá khai mạc và kết thúc thủ tục điểm danh người tham gia đấu giá, những người tham gia đấu giá đến trễ (được quy định trong quy chế đấu giá quyền thuê đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt) không được vào phòng tổ chức đấu giá và không được hoàn trả khoản tiền đặt trước.

- Người tham gia đấu giá ngồi đúng vị trí ban tổ chức đã hướng dẫn, không đi lại lộn xộn trong phòng đấu giá. Người tham gia đấu giá là 01 người duy nhất có tên trong danh sách đủ điều kiện tham dự phiên đấu giá và phải trực tiếp trả giá (trường hợp có người đại diện theo ủy quyền thì cần phải có văn bản ủy

quyền hợp lệ). Không được nói chuyện, trao đổi với cá nhân khác trong phòng đấu giá.

- Người tham gia đấu giá không hút thuốc, không sử dụng điện thoại di động hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông nào trong phòng đấu giá, không tự ý ra khỏi phòng đấu giá nếu chưa có sự đồng ý của Hội đồng đấu giá.

- Người tham gia đấu giá không được mang chất cháy nổ, vũ khí, chất kích thích vào khu vực tổ chức phiên đấu giá. Không được sử dụng chất kích thích khi đến tham dự đấu giá.

- Người tham gia đấu giá phải tuân thủ tuyệt đối sự điều hành phiên đấu giá của Hội đồng đấu giá. Không tranh luận với Hội đồng đấu giá vì bất kỳ lý do nào.

- Người tham gia đấu giá có hành vi phá rối, cản trở cuộc bán đấu giá hoặc liên kết, thông đồng đim giá thì bị truất quyền tham gia đấu giá và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Người tham gia đấu giá không được quay phim, chụp hình trong phòng tổ chức phiên đấu giá.

- Người tham gia đấu giá vi phạm Nội quy, Quy chế tùy mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

18. Xác định người trúng đấu giá và xử lý trường hợp phát sinh (Căn cứ Điều 39, 42, 50, 51 Luật đấu giá tài sản năm 2016)

18.1. Xác định người trúng đấu giá quyền thuê đất:

- Người trúng đấu giá: Là những người tham gia đấu giá có phiếu dự đấu giá hợp lệ và giá trả cho 01m² đất hợp lệ được chọn từ cao nhất xuống thấp dần cho đến khi đủ số lượng thửa đất đưa ra đấu giá được Hội đồng đấu giá công bố tại phiên đấu giá, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm xác nhận và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Trường hợp 01 thửa đất có nhiều người bỏ giá bằng nhau và là giá trả hợp lệ xét trúng đấu giá thì cho những người đó đấu giá tiếp để chọn được người trả giá cao nhất. Nếu tất cả những người đó không đồng ý đấu giá tiếp thì tổ chức cho những người đó bốc thăm để xác định người trúng đấu giá.

- Trường hợp tại mức giá xét trúng đấu giá cuối cùng mà số lượng thửa đất đấu giá còn lại nhỏ hơn số lượng thửa đất đăng ký của những người bỏ cùng mức giá thì tổ chức cho những người đó đấu giá tiếp để chọn được người trúng giá. Nếu tất cả những người bỏ cùng mức giá này từ chối không bỏ giá tiếp thì tổ chức bốc thăm để xác định người trúng đấu giá.

- Việc lựa chọn thửa đất của người trúng đấu giá dựa trên nguyên tắc: Người có giá bỏ cao hơn sẽ được lựa chọn trước theo thứ tự từ 01 đến hết các thửa đất tổ chức đấu giá. Nếu tại cùng mức giá trúng đấu giá, có hai hay nhiều

người tham gia đấu giá bỏ giá bằng nhau thì việc phân định thứ tự quyền ưu tiên lựa chọn thửa đất được xác định bằng hình thức bốc thăm.

- Bất cứ trường hợp nào bỏ giá thấp hơn giá khởi điểm đều bị coi là vi phạm Quy chế và không được tiếp tục tham gia đấu giá.

- Danh sách người trúng đấu giá được lập cùng Biên bản phiên đấu giá và công bố ngay sau khi kết thúc phiên đấu giá, có sự chứng kiến của đại diện các bên.

18.2. Xử lý tình huống phát sinh khi người tham gia đấu giá rút lại giá đã trả hoặc từ chối nhận quyền trúng đấu giá:

a. Trước khi công bố kết quả đấu giá:

Tại phiên đấu giá quyền thuê đất, người đã trả giá cao nhất mà rút lại giá đã trả trước khi Hội đồng đấu giá điều hành phiên đấu giá công bố người trúng đấu giá thì phiên đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó. Trong trường hợp không có người trả giá tiếp thì phiên đấu giá coi như không thành

Người rút lại giá đã trả bị trút quyền tham gia đấu giá và không được hoàn trả khoản tiền đặt trước. Khoản tiền đặt trước của người rút lại giá đã trả sẽ xử lý thu hồi nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

b. Sau khi công bố kết quả đấu giá:

b.1. Tại phiên đấu giá, khi Hội đồng đấu giá điều hành phiên đấu giá đã công bố người trúng đấu giá quyền thuê đất mà người này từ chối không nhận quyền trúng đấu giá thì thửa đất được cho thuê người trả giá liền kề nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối quyền trúng đấu giá. Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả giá liền kề, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối quyền trúng đấu giá thì thửa đất được cho thuê một trong hai người trả giá liền kề đó, sau khi Hội đồng đấu giá tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá.

Trong trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối quyền trúng đấu giá thì phiên đấu giá coi như không thành.

b.2. Trong trường hợp người trả giá liền kề không đồng ý nhận quyền trúng đấu giá thì phiên đấu giá coi như không thành.

b.3. Khoản tiền đặt trước của người từ chối không nhận quyền trúng đấu giá bị tịch thu và nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định, thửa đất đấu giá sẽ được xem xét tổ chức đấu giá lại vào một thời điểm khác.

19. Quyền và trách nhiệm của người trúng đấu giá (Căn cứ Điều 18 Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017, Điều 48 Luật đấu giá tài sản 2016).

19.1. Quyền:

- Được công nhận kết quả trúng đấu giá và làm các thủ tục để thuê đất.

- Được hưởng các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai 2013.

- Chịu sự quản lý và giám sát của Nhà nước trong quá trình sử dụng đất; sử dụng đúng mục đích cho thuê là sản xuất nông nghiệp.

19.2. Trách nhiệm:

- Nộp đầy đủ tiền trúng đấu giá quyền thuê đất theo quyết định công nhận kết quả đấu giá quyền thuê đất, theo Quy chế đấu giá và quy định pháp luật có liên quan.

- Chịu sự quản lý và giám sát của Nhà nước về đất đai, môi trường, quy hoạch, đầu tư xây dựng, trong quá trình sử dụng đất.

20. Vi phạm quy chế đấu giá

20.1. Các trường hợp không được nhận lại tiền đặt trước (Căn cứ Khoản 6, Điều 39 Luật Đấu giá tài sản 2016)

a. Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng.

b. Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 điều 9 Luật Đấu giá tài sản:

- Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá;

- Thông đồng, móc nối với Hội đồng đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân tổ chức khác để đim giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

- Cản trở hoạt động đấu giá tài sản, gây rối mất trật tự tại cuộc đấu giá;

- Đe dọa, cưỡng ép Hội đồng đấu giá, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

- Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

c. Rút lại giá đã trả;

d. Từ chối kết quả trúng đấu giá;

Đối với các trường hợp vi phạm trên, người tham gia đấu giá (nhà đầu tư) sẽ không được hoàn trả lại tiền đặt trước, toàn bộ số tiền đặt trước này được xử lý thu hồi nộp ngân sách Nhà nước.

20.2. Các trường hợp bị truất quyền tham gia đấu giá:

- Người tham gia đấu giá không ghi đầy đủ các thông tin quy định có trên phiếu đấu giá. Hội đồng đấu giá sẽ hướng dẫn trực tiếp để hoàn thiện cho đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định. Nếu người tham gia đấu giá không đồng ý hoàn thiện theo hướng dẫn thì bị coi là phiếu không hợp lệ và không xét giá.

- Người tham gia đấu giá trả giá cao hơn mức giá đất cụ thể làm cơ sở xác định giá khởi điểm nhưng chọn sai bước giá và không đồng ý cộng tăng làm tròn cho phù hợp với giá trả hợp lệ theo quy định.

- Người tham gia đấu giá trả giá thấp hơn giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất (đồng/m²)

III. THỰC HIỆN KẾT QUẢ ĐẤU GIÁ

1. Phê duyệt kết quả đấu giá quyền thuê đất (Căn cứ Điều 17 Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017).

1.1. Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tổ chức phiên đấu giá, đơn vị tổ chức việc đấu giá quyền thuê đất báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường, trình Ủy ban nhân dân huyện công nhận kết quả trúng đấu giá quyền thuê đất.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm: Hồ sơ đấu giá quyền thuê đất; Hợp đồng thuê đơn vị thực hiện phiên đấu giá quyền thuê đất (nếu có); Biên bản xét duyệt điều kiện tham gia đấu giá; Biên bản kết quả đấu giá thành công quyền thuê thửa đất.

Phòng tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền thuê đất trong thời hạn không quá bảy (07) ngày làm việc.

1.2. Ủy ban nhân dân huyện quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền thuê đất với các nội dung chính như sau:

- Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định;
- Vị trí, diện tích, mục đích, thời hạn sử dụng đất và cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với thửa đất (nếu có) được quyết định công nhận trúng đấu giá;
- Tên, địa chỉ người đã trúng đấu giá quyền thuê đất.
- Số tiền trúng đấu giá quyền thuê đất và phương thức, thời gian phải nộp tiền trúng đấu giá.

2. Hủy kết quả đấu giá quyền thuê đất, quyết định đấu giá không thành, hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền thuê đất (Căn cứ điều 20 Quyết định 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 Điều 72 Luật Đấu giá tài sản 2016).

1. Việc hủy kết quả đấu giá quyền thuê đất thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Đấu giá tài sản 2016.

1.1 Theo thỏa thuận giữa người có tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản và người trúng đấu giá về việc hủy kết quả đấu giá tài sản hoặc giữa người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá về việc hủy giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức;

1.2 Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá bị Tòa tuyên bố vô hiệu theo quy định của pháp luật về dân sự trong trường hợp

người trúng đấu giá có hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản;

1.3 Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản bị hủy bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 33 Luật Đấu giá tài sản;

1.4 Người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản, Hội đồng đấu giá có hành vi thông đồng, móc nối, đùn giá trong quá trình tham gia đấu giá dẫn đến làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá hoặc hồ sơ tham gia đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản;

1.5 Theo quyết định của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp đấu giá tài sản Nhà nước khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật Đấu giá tài sản;

2.2. Các trường hợp hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền thuê đất: Nhà đầu tư trúng đấu giá không nộp hoặc nộp không đủ số tiền theo kết quả trúng đấu giá quyền thuê đất.

Nhà đầu tư trúng đấu giá không được hoàn trả lại khoản tiền đặt trước; số tiền sử dụng đất đã nộp (nhưng chưa đủ) được hoàn lại mà không được tính lãi suất, trượt giá.

3. Nộp tiền thuê đất sau khi có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền thuê đất (Căn cứ điều 19 Quyết định 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017).

3.1. Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, đơn vị tổ chức việc đấu giá quyền thuê đất gửi thông báo nộp tiền thuê đất cho người trúng đấu giá.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của đơn vị tổ chức việc đấu giá quyền thuê đất, người trúng đấu giá có trách nhiệm nộp tiền thuê đất theo quy định.

3.2. Thông báo nộp tiền sử dụng đất bao gồm các nội dung sau:

- Số tiền thuê đất phải nộp và phương thức, thời gian phải nộp theo kết quả trúng đấu giá đã được Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm quyết định công nhận;

- Thời hạn chuyển giao chứng từ đã nộp tiền thuê đất cho đơn vị tổ chức việc đấu giá quyền thuê đất.

3.3. Người trúng đấu giá quyền thuê đất có trách nhiệm nộp tiền thuê đất cho UBND các xã, thị trấn nơi có đất đấu giá và sao nộp chứng từ cho đơn vị tổ chức việc đấu giá quyền thuê đất để được hướng dẫn các thủ tục bàn giao đất tại hiện trường và ký Hợp đồng thuê đất theo quy định.

3.4. Người trúng đấu giá quyền thuê đất không nộp đủ tiền thuê đất trong thời hạn theo thông báo nêu tại Khoản 1 của Điều này thì cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền thuê đất.

4. Ký hợp đồng cho thuê đất, giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá.

Sau khi người trúng đấu giá quyền thuê đất hoàn thành nghĩa vụ nộp đủ tiền trúng đấu giá, trong thời hạn không quá 10 ngày, UBND xã, thị trấn nơi có đất đấu giá chủ trì phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất, phòng Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan bàn giao mốc giới tại thực địa cho người trúng đấu giá. Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ khi bàn giao đất tại thực địa, UBND xã, thị trấn nơi có đất liên hệ và ký hợp đồng cho người trúng đấu giá thuê đất theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Thẩm định và trình UBND Huyện phê duyệt phương án đấu giá quyền thuê đất.

- Kiểm tra và trình UBND Huyện phê duyệt, công nhận kết quả trúng đấu giá quyền thuê đất.

- Phối hợp với đơn vị được UBND huyện giao tổ chức việc đấu giá quyền thuê đất thực hiện việc xét duyệt điều kiện tham gia đấu giá; tham gia Hội đồng đấu giá và thực hiện việc giám sát phiên đấu giá theo quy định; bàn giao mốc giới khu đất đấu giá ngoài thực địa

- Tổng hợp kết quả thực hiện công tác đấu giá quyền thuê đất; Kịp thời giải quyết, báo cáo các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Phối hợp với đơn vị được UBND huyện giao tổ chức việc đấu giá quyền thuê đất, phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã, thị trấn (nơi có đất) thực hiện việc khảo sát, đề xuất giá khởi điểm trình UBND Huyện phê duyệt theo quy định.

- Cân đối, bố trí vốn ngân sách hàng năm để thực hiện các dự án đấu giá quyền thuê đất.

- Kiểm tra và trình UBND Huyện phê duyệt dự toán chi phí tổ chức đấu giá.

- Tổng hợp kết quả thu tiền thuê đất của UBND xã Đông Dư theo quy định.

- Tham gia Hội đồng đấu giá và thực hiện giám sát phiên đấu giá quyền thuê đất theo quy định.

3. Phòng Tư pháp

- Phối hợp với đơn vị tổ chức đấu giá quyền thuê đất thực hiện xét duyệt điều kiện tham gia đấu giá; tham gia Hội đồng đấu giá và thực hiện giám sát phiên đấu giá quyền thuê đất theo quy định; phối hợp giải quyết đơn thư về đấu giá quyền thuê đất.

4. Trung tâm phát triển quỹ đất

- Lập phương án đấu giá quyền thuê đất (trong đó có Quy chế đấu giá quyền thuê đất).

- Chủ trì, phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài chính – Kế hoạch, UBND xã (nơi có đất) thực hiện khảo sát, đề xuất giá khởi điểm trình UBND Huyện phê duyệt.

- Lập dự toán chi phí tổ chức đấu giá quyền thuê đất.

- Phát hành Thông báo (thư mời) mời đấu giá.

- Chủ trì, phối hợp với UBND xã, thị trấn nơi có đất đấu giá thực hiện phát hành hồ sơ mời đấu giá, tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và thu các khoản tiền phí tham gia đấu giá, khoản tiền đặt trước theo quy định.

- Chủ trì, tổ chức xét duyệt điều kiện người tham gia đấu giá; Thông báo công khai danh sách những người không đủ điều kiện tham gia đấu giá; Chủ trì tổ chức buổi đi thăm thực địa khu đất đấu giá.

- Ban hành nội quy phiên đấu giá theo quy định.

- Lập hồ sơ đề nghị công nhận kết quả trúng đấu giá quyền thuê đất theo quy định.

- Hoàn trả lại khoản tiền đặt trước cho người không trúng đấu giá, chậm nhất là hai (02) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.

- Hoàn thiện hồ sơ đấu giá quyền thuê đất và bàn giao đất cho người trúng đấu giá.

- Nộp tiền thu của những người tham gia đấu giá vi phạm quy chế, tiền phí tham gia đấu giá không chi hết vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Thanh toán, quyết toán chi phí thực hiện công tác đấu giá quyền thuê đất theo quy định.

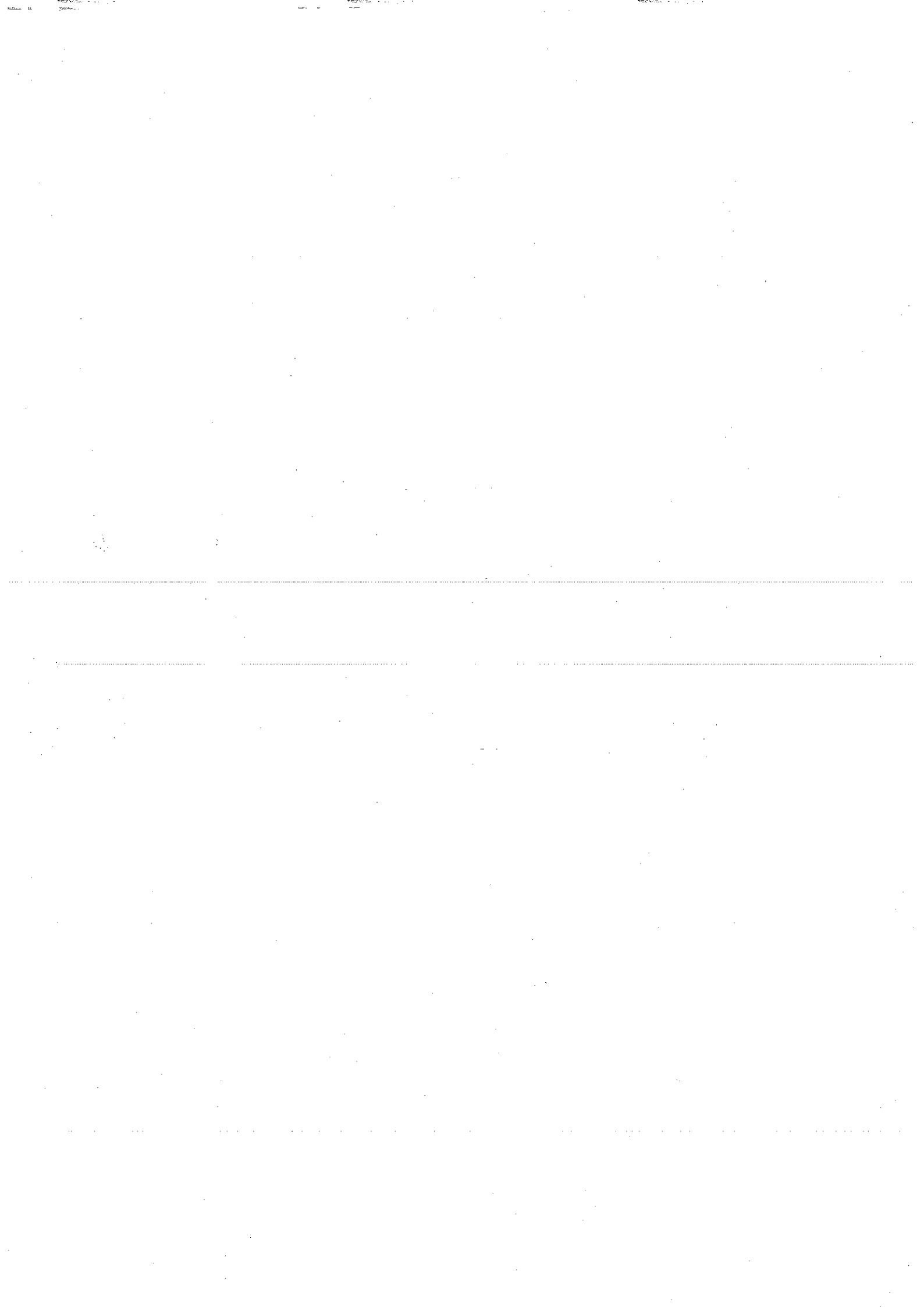
6. UBND xã Đông Dư

- Lập trích lục hiện trạng vị trí các khu đất công.

- Phối hợp với đơn vị tổ chức đấu giá quyền thuê đất khảo sát, đề xuất giá khởi điểm trình UBND Huyện phê duyệt; phối hợp niêm yết công khai thông báo mời đấu giá, thực hiện xét duyệt điều kiện tham gia đấu giá; tham gia Hội đồng đấu giá và thực hiện giám sát phiên đấu giá quyền thuê đất theo quy định;

- Ký hợp đồng thuê đất và bàn giao đất cho người trúng đấu giá, quản lý tiền thu được từ việc đấu giá quyền thuê đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thuộc quỹ đất công ích, đất bãi bồi ven sông, đất chưa sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 132 Luật Đất đai 2013.

- Thực hiện quản lý Nhà nước về đất đai, trật tự xây dựng tại các khu đất thực hiện đấu giá quyền thuê đất theo quy định.



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5769 /QĐ-UBND

Gia Lâm, ngày 22 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh phương án đấu giá quyền thuê đất để thực hiện việc đấu giá quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại xã Đông Dư

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản và Thông tư hướng dẫn thi hành số 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTC ngày 05/01/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019;

Căn cứ Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi một số điều tại Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày

07/7/2014 của UBND thành phố về tỷ lệ (%) đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung quy định kèm theo Quyết định số 96/QĐ-UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 làm căn cứ xác định giá đất cho một số trường hợp sử dụng đất được pháp luật quy định trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền thuê đất để thực hiện việc đấu giá quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp đối với 79 vị trí đất công tại xã Đông Dư;

Căn cứ Quyết định số 5116/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND huyện Gia Lâm về việc thành lập Hội đồng đấu giá sử dụng đất để cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp đối với 79 vị trí đất công tại xã Đông Dư, huyện Gia Lâm;

Căn cứ Văn bản số 1534/UBND-TNMT ngày 02/7/2019 của UBND huyện Gia Lâm về việc quản lý, sử dụng đối với 274 vị trí đất công trên địa bàn xã Đông Dư;

Căn cứ Văn bản số 1827/UBND-TTPTQĐ ngày 31/7/2019 của UBND huyện Gia Lâm về việc thực hiện công tác đấu giá quyền thuê đất công tại 79 vị trí đất công do UBND xã Đông Dư quản lý để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tại Tờ trình số 677/TTr-TTPTQĐ ngày 07/8/2019; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 2282/TTr-TN&MT ngày 16/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Mục III. Quy chế đấu giá tại Điều 1 Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm đối với các nội dung về vị trí, diện tích khu đất.

(Có biểu tổng hợp kèm theo)

Điều 2. Hủy bỏ 19 vị trí đấu giá tại Mục III. Quy chế đấu giá tại Điều 1 Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm.

(Có biểu tổng hợp kèm theo)

Điều 3. Các nội dung khác của Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm không thay đổi.

Điều 4. Giao Trung tâm phát triển quỹ đất tổ chức thực hiện đấu giá quyền thuê đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại xã Đông Dư theo quy định.

Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Trưởng các phòng: Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính – Kế hoạch, Thanh tra; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gia Lâm; Chủ tịch UBND xã Đông Dư; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

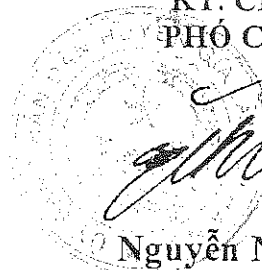
Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT HU-HĐND và UBND Huyện (để b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND Huyện;
- Đ/c Nguyễn Ngọc Thuận – PCT UBND Huyện;
- Lưu VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Thuận

BIỂU TỔNG HỢP NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SỔ HIỆU, VỊ TRÍ VÀ DIỆN TÍCH

(Kèm theo Quyết định số: 5769/QĐ-UBND ngày 08/2019 của UBND huyện Gia Lâm)

Nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm		Nội dung đề nghị điều chỉnh							
STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn	STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn
1	Khu đầm biển	A1	3.334,0	5 năm	1	Khu đầm biển	A1	881,3	5 năm
					2	Khu đầm biển	A1-1	2395,5	5 năm
2	Khu đầm biển	A2	1.600,0	5 năm	3	Khu đầm biển	A2	1652,4	5 năm
3	Khu đầm biển	A3	7.500,0	5 năm	4	Khu đầm biển	A3	8023,0	5 năm
4	Khu đầm biển	A4	7.500,0	5 năm	5	Khu đầm biển	A4-1	4230,4	5 năm
					6	Khu đầm biển	A4-2	4283,4	5 năm
5	Khu đầm biển	A5	12.000,0	5 năm	7	Khu đầm biển	A5	11625,7	5 năm
6	Khu đầm biển	A6	2.280,0	5 năm	8	Khu đầm biển	A6	1232,3	5 năm
7	Khu Vậu thượng	B3	8.933,9	5 năm	9	Khu Vậu Thượng	B3-1	8240,4	5 năm
					10	Khu Vậu Thượng	B3-2	7770,9	5 năm
					11	Khu Vậu Thượng	B3-3	1402,8	5 năm
					12	Khu Vậu Thượng	B3-4	848,5	5 năm
					13	Khu Vậu Thượng	B3-5	674,8	5 năm
					14	Khu Vậu Thượng	B3-6	774,2	5 năm
					15	Khu Vậu Thượng	B3-7	1436,9	5 năm
					16	Khu Vậu Thượng	B3-8	851,3	5 năm
					17	Khu Vậu Thượng	B3-9	968,6	5 năm
					18	Khu Vậu Thượng	B3-10	192,4	5 năm
					19	Khu Vậu Thượng	B3-11	166,4	5 năm
					20	Khu Vậu Thượng	B3-12	288,6	5 năm
					21	Khu Vậu Thượng	B3-13	1086,2	5 năm
					22	Khu Vậu Thượng	B3-14	1236,1	5 năm
					23	Khu Vậu Thượng	B3-15	2144,3	5 năm
					24	Khu Vậu Thượng	B3-16	997,5	5 năm
					25	Khu Vậu Thượng	B3-17	449,1	5 năm
					26	Khu Vậu Thượng	B3-18	206,7	5 năm
					27	Khu Vậu Thượng	B3-19	221,3	5 năm
					28	Khu Vậu Thượng	B3-20	243,7	5 năm

Nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm

Nội dung đề nghị điều chỉnh

STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn	STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn
					29	Khu Vâu Thượng	B3-21	756,2	5 năm
					30	Khu Vâu Thượng	B3-22	516,7	5 năm
					31	Khu Vâu Thượng	B3-23	304,5	5 năm
					32	Khu Vâu Thượng	B3-24	561,2	5 năm
					33	Khu Vâu Thượng	B3-25	801,8	5 năm
					34	Khu Vâu Thượng	B3-26	326,6	5 năm
					35	Khu Vâu Thượng	B3-27	1598,5	5 năm
					36	Khu Vâu Thượng	B3-28	747,6	5 năm
					37	Khu Vâu Thượng	B3-29	532,0	5 năm
					38	Khu Vâu Thượng	B3-30	520,3	5 năm
8	Hồ đầm biến	B12	80.464,0	5 năm	39	Hồ đầm biến	B12	60463,0	5 năm
9	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B15+B16	55.531,0	5 năm	40	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B15-1	158,4	5 năm
					41	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B15-2	666,4	5 năm
					42	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B15-3	40,7	5 năm
					43	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B15-4	812,1	5 năm
					44	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B15-5	16659,1	5 năm
					45	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B15-6	315,4	5 năm
					46	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B16-1	1552,9	5 năm
					47	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B16-2	37941,3	5 năm
					48	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B16-3	786,9	5 năm
					49	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B16-4	348,2	5 năm

Nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm				Nội dung đề nghị điều chỉnh					
STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m2)	Thời hạn	STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m2)	Thời hạn
					50	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B16-5	602,9	5 năm
					51	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B16-6	172,7	5 năm
					52	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B16-7	201,8	5 năm
					53	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B16-8	236,6	5 năm
					54	Hồ lòng bóng dưới và vũng lò gạch	B16-9	169,7	5 năm
10	Khu trạm bơm	B17	322,0	5 năm	55	Khu trạm bơm	B17-1	834,4	5 năm
					56	Khu trạm bơm	B17-2	995,7	5 năm
					57	Khu trạm bơm	B17-3	202,0	5 năm
					58	Khu trạm bơm	B17-4	312,7	5 năm
					59	Khu trạm bơm	B17-5	730,9	5 năm
					60	Khu trạm bơm	B17-6	274,2	5 năm
					61	Khu trạm bơm	B17-7	178,5	5 năm
					62	Khu trạm bơm	B17-8	172,2	5 năm
					63	Khu trạm bơm	B17-9	67,1	5 năm
					64	Khu trạm bơm	B17-10	291,5	5 năm
11	Khu Cừu diêm thượng	B18	7.695,8	5 năm	65	Khu Cừu diêm thượng	B18-1	498,3	5 năm
					66	Khu Cừu diêm thượng	B18-2	490,0	5 năm
					67	Khu Cừu diêm thượng	B18-3	359,2	5 năm
					68	Khu Cừu diêm thượng	B18-4	138,2	5 năm
					69	Khu Cừu diêm thượng	B18-5	547,8	5 năm
					70	Khu Cừu diêm thượng	B18-6	100,2	5 năm
					71	Khu Cừu diêm thượng	B18-7	130,1	5 năm
					72	Khu Cừu diêm thượng	B18-8	1206,2	5 năm
					73	Khu Cừu diêm thượng	B18-9	160,0	5 năm
					74	Khu Cừu diêm thượng	B18-10	132,4	5 năm

Nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm

Nội dung đề nghị điều chỉnh

STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn	STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn
					75	Khu Cừu điểm thương	B18-11	175,0	5 năm
					76	Khu Cừu điểm thương	B18-12	118,7	5 năm
					77	Khu Cừu điểm thương	B18-13	109,6	5 năm
					78	Khu Cừu điểm thương	B18-14	89,4	5 năm
					79	Khu Cừu điểm thương	B18-15	170,3	5 năm
					80	Khu Cừu điểm thương	B18-16	188,2	5 năm
					81	Khu Cừu điểm thương	B18-17	196,1	5 năm
					82	Khu Cừu điểm thương	B18-18	471,3	5 năm
					83	Khu Cừu điểm thương	B18-19	411,1	5 năm
					84	Khu Cừu điểm thương	B18-20	343,8	5 năm
					85	Khu Cừu điểm thương	B18-21	210,5	5 năm
					86	Khu Cừu điểm thương	B18-22	195,4	5 năm
					87	Khu Cừu điểm thương	B18-23	298,9	5 năm
					88	Khu Cừu điểm thương	B18-24	392,8	5 năm
12	Bãi bồi ven sông Hồng (Khu cừu chiến binh)	B21	55.752,0	5 năm	89	Khu Cừu chiến binh	B21-1	655,7	5 năm
					90	Khu Cừu chiến binh	B21-2	1965,9	5 năm
					91	Khu Cừu chiến binh	B21-3	591,5	5 năm
					92	Khu Cừu chiến binh	B21-4	817,9	5 năm
					93	Khu Cừu chiến binh	B21-5	707,6	5 năm
					94	Khu Cừu chiến binh	B21-6	697,9	5 năm
					95	Khu Cừu chiến binh	B21-7	673,9	5 năm
					96	Khu Cừu chiến binh	B21-8	654,2	5 năm
					97	Khu Cừu chiến binh	B21-9	673,4	5 năm
					98	Khu Cừu chiến binh	B21-10	1460,2	5 năm
					99	Khu Cừu chiến binh	B21-11	769,2	5 năm
					100	Khu Cừu chiến binh	B21-12	1378,2	5 năm
					101	Khu Cừu chiến binh	B21-13	862,1	5 năm
					102	Khu Cừu chiến binh	B21-14	1045,7	5 năm
					103	Khu Cừu chiến binh	B21-15	2316,3	5 năm

Nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm		Nội dung đề nghị điều chỉnh							
STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m2)	Thời hạn	STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m2)	Thời hạn
					104	Khu Cự chiến binh	B21-16	341,4	5 năm
					105	Khu Cự chiến binh	B21-17	731,3	5 năm
					106	Khu Cự chiến binh	B21-18	634,1	5 năm
					107	Khu Cự chiến binh	B21-19	613,1	5 năm
					108	Khu Cự chiến binh	B21-20	1958,8	5 năm
					109	Khu Cự chiến binh	B21-21	1546,6	5 năm
					110	Khu Cự chiến binh	B21-22	919,5	5 năm
					111	Khu Cự chiến binh	B21-23	908,8	5 năm
					112	Khu Cự chiến binh	B21-24	893,9	5 năm
					113	Khu Cự chiến binh	B21-25	608,7	5 năm
					114	Khu Cự chiến binh	B21-26	1249,2	5 năm
					115	Khu Cự chiến binh	B21-27	827,2	5 năm
					116	Khu Cự chiến binh	B21-28	763,2	5 năm
					117	Khu Cự chiến binh	B21-29	1702,9	5 năm
					118	Khu Cự chiến binh	B21-30	695,6	5 năm
					119	Khu Cự chiến binh	B21-31	1579,9	5 năm
					120	Khu Cự chiến binh	B21-32	2211,1	5 năm
					121	Khu Cự chiến binh	B21-33	2224,6	5 năm
					122	Khu Cự chiến binh	B21-34	2516,2	5 năm
					123	Khu Cự chiến binh	B21-35	959,8	5 năm
					124	Khu Cự chiến binh	B21-36	889,0	5 năm
					125	Khu Cự chiến binh	B21-37	703,1	5 năm
					126	Khu Cự chiến binh	B21-38	564,1	5 năm
					127	Khu Cự chiến binh	B21-39	389,6	5 năm
					128	Khu Cự chiến binh	B21-40	882,5	5 năm
					129	Khu Cự chiến binh	B21-41	912,4	5 năm
					130	Khu Cự chiến binh	B21-42	968,8	5 năm
					131	Khu Cự chiến binh	B21-43	860,2	5 năm
					132	Khu Cự chiến binh	B21-44	1421,1	5 năm
					133	Khu Cự chiến binh	B21-45	1201,3	5 năm
					134	Khu Cự chiến binh	B21-46	963,0	5 năm

Nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày
23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm

Nội dung đề nghị điều chỉnh

STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn	STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn
					135	Khu Cựu chiến binh	B21-47	944,4	5 năm
					136	Khu Cựu chiến binh	B21-48	1587,9	5 năm
					137	Khu Cựu chiến binh	B21-49	848,8	5 năm
					138	Khu Cựu chiến binh	B21-50	1498,0	5 năm
					139	Khu Cựu chiến binh	B21-51	1452,9	5 năm
					140	Khu Cựu chiến binh	B21-52	2607,2	5 năm
					141	Khu Cựu chiến binh	B21-53	2905,8	5 năm
13	Khu Đê Nhất	B22	28.059,0	5 năm	142	Khu Đê Nhất	B22-1	11123,2	5 năm
					143	Khu Đê Nhất	B22-2	4759,4	5 năm
					144	Khu Đê Nhất	B22-3	10214,4	5 năm
					145	Khu Đê Nhất	B22-4	2876,3	5 năm
					146	Khu Đê Nhất	B23-1	497,1	5 năm
14	Khu Đầm Biền	B23	22.970,0	5 năm	147	Khu Đầm Biền	B23-2	2207,9	5 năm
					148	Khu Đầm Biền	B23-3	548,0	5 năm
					149	Khu Đầm Biền	B23-4	1124,9	5 năm
					150	Khu Đầm Biền	B23-5	746,7	5 năm
					151	Khu Đầm Biền	B23-6	380,4	5 năm
					152	Khu Đầm Biền	B23-7	390,6	5 năm
					153	Khu Đầm Biền	B23-8	811,8	5 năm
					154	Khu Đầm Biền	B23-9	373,1	5 năm
					155	Khu Đầm Biền	B23-10	2069,0	5 năm
					156	Khu Đầm Biền	B23-11	931,5	5 năm
					157	Khu Đầm Biền	B23-12	434,1	5 năm
					158	Khu Đầm Biền	B23-13	210,1	5 năm
					159	Khu Đầm Biền	B23-14	1283,5	5 năm
					160	Khu Đầm Biền	B23-15	973,5	5 năm
					161	Khu Đầm Biền	B23-16	405,7	5 năm
					162	Khu Đầm Biền	B23-17	1409,6	5 năm
					163	Khu Đầm Biền	B23-18	1428,8	5 năm
					164	Khu Đầm Biền	B23-19	1431,3	5 năm
					165	Khu Đầm Biền	B23-20	3678,6	5 năm

Nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm				Nội dung đề nghị điều chỉnh					
STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn	STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn
					166	Khu đầm biến	B23-21	1958,9	5 năm
					167	Khu đầm biến	B23-22	1468,5	5 năm
					168	Khu đầm biến	B23-23	568,3	5 năm
					169	Khu đầm biến	B23-24	576,4	5 năm
					170	Khu đầm biến	B23-25	421,1	5 năm
					171	Khu đầm biến	B23-26	392,0	5 năm
					172	Khu đầm biến	B23-27	837,3	5 năm
					173	Khu đầm biến	B23-28	555,3	5 năm
					174	Khu đầm biến	B23-29	1379,8	5 năm
					175	Khu đầm biến	B23-30	827,3	5 năm
					176	Khu đầm biến	B23-31	341,9	5 năm
					177	Khu đầm biến	B23-32	249,1	5 năm
15	Ao Cửa hàng	C3	3.112,0	5 năm	178	Ao Cửa hàng	C3	3232,5	5 năm
16	Ao Cửa đình	C4	9.133,0	5 năm	179	Ao Cửa đình	C4	8932,1	5 năm
17	Ao cạnh nhà	C17	2.044,0	5 năm	180	Ao cạnh nhà	C17	1965,2	5 năm
18		C25	200,0	5 năm	181		C25	202,5	5 năm
19	Ao trước công UBND xã	C28	745,0	5 năm	182	Ao trước công UBND xã	C28	703,2	5 năm
20		C34	91,3	5 năm	183		C34	90,4	5 năm
21	Khu Ao ông Bi	C51	3.233,0	5 năm	184	Khu Ao ông Bi	C51	2073,1	5 năm
22	Khu Ao Mẫu Tư	C52	6.130,0	5 năm	185	Khu Ao Mẫu Tư	C52	5897,5	5 năm
23	Khu Ao Ngõ Cống	C53	5.986,0	5 năm	186	Khu Ao Ngõ Cống	C53	6241,4	5 năm
24	Ao ông Hiền, thôn 6	C60	3.900,0	5 năm	187	Ao ông Hiền, thôn 6	C60	4050,6	5 năm
25	Khu Sườn Bò	C66	273,0	5 năm	188	Khu Sườn Bò	C66	579,8	5 năm
26	Khu Sườn Bò	C67	224,0	5 năm	189	Khu Sườn Bò	C67	397,9	5 năm
27	Khu Cửa Đình	C87	1.027,0	5 năm	190	Khu Cửa Đình	C87-1	495,4	5 năm
					191		C87-2	196,4	5 năm
					192		C87-3	103,7	5 năm
					193		C87-4	233,4	5 năm
					194		C87-5	280,3	5 năm
28		B8b	1.000,0	5 năm	195		B8b	1072,9	5 năm

Nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm				Nội dung đề nghị điều chỉnh					
STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn	STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn
29		B7b	540,0	5 năm	196		B7b	540,5	5 năm
30		B7c	381,0	5 năm	197		B7c	381,7	5 năm
31		B8a	300,0	5 năm	198		B8a	300,0	5 năm
32		B17a	5.200,0	5 năm	199		B17a	5892,9	5 năm
33		B17b	2.000,0	5 năm	200		B17b	2938,4	5 năm
34		C67a	263,0	5 năm	201		C67a	397,8	5 năm
35		C67b	413,0	5 năm	202		C67b	582,9	5 năm

BIỂU TỔNG HỢP NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SỐ HIỆU, VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH VÀ THỜI HẠN

(Kèm theo Quyết định số: 5769/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm)

Nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm		Nội dung đề nghị điều chỉnh							
STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn	STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn
1		C1	143,0	5 năm	1		C1	243,0	1 năm
2		C11	23,0	5 năm	2		C11	23,0	1 năm
3		C13	376,0	5 năm	3		C13	420,5	1 năm
4		C15	386,0	5 năm	4		C15-1	211,5	1 năm
					5		C15-2	193,0	1 năm
5		C35	157,0	5 năm	6		C35	157,0	1 năm
6		C45	461,0	5 năm	7		C45	460,9	1 năm
7		C48	61,0	5 năm	8		C48	61,0	1 năm
8	Khu Sườn Bò	C68	323,0	5 năm	9	Khu Sườn Bò	C68	455,0	1 năm
9		C69	232,0	5 năm	10		C69	408,0	1 năm
10		C70	360,0	5 năm	11		C70	252,9	1 năm
11		C71	71,0	5 năm	12		C71	73,9	1 năm
12		C72	260,0	5 năm	13		C72	351,3	1 năm
13	Khu Sườn Bò	C73	192,0	5 năm	14	Khu Sườn Bò	C73	338,8	1 năm
14	Khu Sườn Bò	C74	466,0	5 năm	15	Khu Sườn Bò	C74	267,3	1 năm
15	Khu Lò Vôi	C75	294,0	5 năm	16	Khu Lò Vôi	C75	290,8	1 năm
16	Đất ven đê	C86	3.935,8	5 năm	17	Đất ven đê	C86-1	310,0	1 năm
					18	Đất ven đê	C86-23	14,0	1 năm
					19	Đất ven đê	C86-21	67,0	1 năm
					20	Đất ven đê	C86-13	110,0	1 năm
					21	Đất ven đê	C86-11	120,0	1 năm
					22	Đất ven đê	C86-26	159,0	1 năm
					23	Đất ven đê	C86-4	90,0	1 năm
					24	Đất ven đê	C86-25	34,0	1 năm
					25	Đất ven đê	C86-3	95,0	1 năm

Nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm

Nội dung đề nghị điều chỉnh

STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m2)	Thời hạn	STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m2)	Thời hạn
					26	Đất ven đê	C86-3	147,0	1 năm
					27	Đất ven đê	C86-6	98,0	1 năm
					28	Đất ven đê	C86-10	137,0	1 năm
					29	Đất ven đê	C86-12	101,0	1 năm
					30	Đất ven đê	C86-14	139,0	1 năm
					31	Đất ven đê	C86-5	88,0	1 năm
					32	Đất ven đê	C86-8	710,0	1 năm
					33	Đất ven đê	C86-16	69,0	1 năm
					34	Đất ven đê	C86-17	89,0	1 năm
					35	Đất ven đê	C86-9	416,0	1 năm
					36	Đất ven đê	C86-7	107,0	1 năm
					37	Đất ven đê	C86-27	394,0	1 năm
					38	Đất ven đê	C86-20	86,0	1 năm
					39	Đất ven đê	C86-22	27,0	1 năm
					40	Đất ven đê	C86-18	29,0	1 năm
					41	Đất ven đê	C18-24	25,0	1 năm
					42	Đất ven đê	C86-19	50,0	1 năm
17		C60b	238,0	5 năm	43		C60b	238,0	1 năm
18		C72b	64,0	5 năm	44		C72b	68,7	1 năm
19		C75b	85,0	5 năm	45		C75b	291,1	1 năm
20		C32b	146,0	5 năm	46		C32b	161,7	1 năm
21		C30b	83,0	5 năm	47		C30b	84,4	1 năm
22		C33b	104,0	5 năm	48		C33b	104,7	1 năm
23		C75c	168,0	5 năm	49		C75c	72,3	1 năm
24		C75d	72,0	5 năm	50		C75d	168,1	1 năm
25		C33a	23,0	5 năm	51		C33a	28,1	1 năm

BIỂU TỔNG HỢP NỘI DUNG LOẠI BỒ ĐO BỊ TRÙNG VỚI KẾ HOẠCH ĐẦU GIÁ ĐẤT CÔNG KHÔNG LỜI ĐI

(Kèm theo Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm)

Nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm					Lý do loại bỏ
STT	Địa chỉ thửa đất	Số hiệu vị trí	Diện tích (m2)	Thời hạn	
1		C2	61	5 năm	Trùng với kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất công xen kẹt không có lối đi năm 2018 đưa ra khỏi danh sách đầu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất phục vụ sản xuất nông nghiệp
2		C9	122,8	5 năm	
3		C10	249	5 năm	
4		C12	137	5 năm	
5		C14	79	5 năm	
6		C16	124	5 năm	
7		C26	82	5 năm	
8	Ao cạnh nhà	C27	319	5 năm	
9		C33	154	5 năm	
10	Ao cửa nhà	C37	360	5 năm	
11		C38	270	5 năm	
12		C46	83	5 năm	
13		C47	233	5 năm	
14		C49	340	5 năm	
15		C50	259	5 năm	
16		C55	230	5 năm	
17		C56	112	5 năm	
18	Ao công trường học	C57	2.126,0	5 năm	
19		B9b	949,0	5 năm	

Đề xuất để lại để làm vườn hoa sân chơi

Trùng với kế hoạch đầu giá phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng



Gia Lâm, ngày 10 tháng 9 năm 2019

QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ

Đấu giá quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp thuộc quỹ đất công do UBND xã Đông Dư quản lý

Căn cứ:

- Luật Đấu giá tài sản năm 2016;
- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 62/2011/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;
- Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;
- Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Gia Lâm về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp đối với 79 vị trí đất công tại xã Đông Dư;
- Quyết định số 5116/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND huyện Gia Lâm về việc thành lập Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp đối với 79 vị trí đất công tại xã Đông Dư;
- Quyết định số 5769/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của UBND huyện Gia Lâm về việc điều chỉnh phương án đấu giá quyền thuê đất để thực hiện việc đấu giá quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại xã Đông Dư;
- Quyết định số 5783/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của UBND huyện Gia Lâm về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại 253 vị trí thuộc quỹ đất công do UBND xã Đông Dư quản lý;

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm ban hành Quy chế đấu giá quyền thuê đất như sau:

1. Khu đất đấu giá: Đấu giá quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp đối với các thửa đất tại xã Đông Dư, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội.

- Mục đích sử dụng đất: Cho thuê đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

- Loại đất: Đất công ích.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

- Thời gian thuê đất: Thời hạn thuê đất 05 năm

Thông tin cụ thể:

STT	Khu đất cho thuê	Số hiệu vị trí	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đ/m ²)	Bước giá (đ/m ²)	Phí tham gia đấu giá (đ/hồ sơ)	Khoản tiền đặt trước (đ/thửa)
1	Khu đầm biển	A1	881,3	1.300	150	200.000	1.100.000
2	Khu đầm biển	A1-1	2.395,5	1.300	150	200.000	2.900.000
3	Khu đầm biển	A3	8.023,0	1.300	150	200.000	9.900.000
4	Khu đầm biển	A4-1	4.230,4	1.300	150	200.000	5.200.000
5	Khu đầm biển	A4-2	4.283,4	1.300	150	200.000	5.200.000
6	Khu đầm biển	A5	11.625,7	1.300	150	200.000	14.300.000
7	Hồ đầm biển	B12	60.463,0	1.000	150	200.000	57.400.000
8	Khu Cựu chiến binh	B21-3	591,5	1.000	150	200.000	550.000
9	Khu Cựu chiến binh	B21-5	707,6	1.000	150	200.000	650.000
10	Khu Cựu chiến binh	B21-6	697,9	1.000	150	200.000	650.000
11	Khu Cựu chiến binh	B21-7	673,9	1.000	150	200.000	600.000
12	Khu Cựu chiến binh	B21-8	654,2	1.000	150	200.000	600.000
13	Khu Cựu chiến binh	B21-9	673,4	1.000	150	200.000	600.000
14	Khu Cựu chiến binh	B21-14	1.045,7	1.000	150	200.000	900.000
15	Khu Cựu chiến binh	B21-15	2.316,3	1.000	150	200.000	2.200.000
16	Khu Cựu chiến binh	B21-16	341,4	1.000	150	200.000	300.000
17	Khu Cựu chiến binh	B21-17	731,3	1.000	150	200.000	650.000
18	Khu Cựu chiến binh	B21-18	634,1	1.000	150	200.000	600.000
19	Khu Cựu chiến binh	B21-19	613,1	1.000	150	200.000	550.000
20	Khu Cựu chiến binh	B21-20	1.958,8	1.000	150	200.000	1.800.000
21	Khu Cựu chiến binh	B21-21	1.546,6	1.000	150	200.000	1.400.000
22	Khu Cựu chiến binh	B21-22	919,5	1.000	150	200.000	850.000
23	Khu Cựu chiến binh	B21-23	908,8	1.000	150	200.000	850.000
24	Khu Cựu chiến binh	B21-27	827,2	1.000	150	200.000	750.000
25	Khu Cựu chiến binh	B21-28	763,2	1.000	150	200.000	700.000
26	Khu Cựu chiến binh	B21-30	695,6	1.000	150	200.000	650.000
27	Khu Cựu chiến binh	B21-34	2.516,2	1.000	150	200.000	2.300.000
28	Khu Cựu chiến binh	B21-35	959,8	1.000	150	200.000	900.000
29	Khu Cựu chiến binh	B21-36	889,0	1.000	150	200.000	800.000
30	Khu Cựu chiến binh	B21-37	703,1	1.000	150	200.000	650.000
31	Khu Cựu chiến binh	B21-38	564,1	1.000	150	200.000	500.000
32	Khu Cựu chiến binh	B21-40	882,5	1.000	150	200.000	800.000
33	Khu Cựu chiến binh	B21-43	860,2	1.000	150	200.000	800.000
34	Khu Cựu chiến binh	B21-44	1.421,1	1.000	150	200.000	1.300.000
35	Khu Cựu chiến binh	B21-45	1.201,3	1.000	150	200.000	1.100.000
36	Khu Cựu chiến binh	B21-46	963,0	1.000	150	200.000	900.000
37	Khu Cựu chiến binh	B21-47	944,4	1.000	150	200.000	900.000
38	Khu Cựu chiến binh	B21-52	2.607,2	1.000	150	200.000	2.400.000
39	Khu Cựu chiến binh	B21-53	2.905,8	1.000	150	200.000	2.700.000
40	Ao Cửa hàng	C3	3.232,5	1.500	150	200.000	4.600.000
41	Ao trước công UBND xã	C28	703,2	1.500	150	200.000	1.000.000
42	Khu Ao Mẫu Tư	C52	5.897,5	1.400	150	200.000	7.800.000
43	Khu Ao Ngõ Công	C53	6.241,4	1.400	150	200.000	8.300.000

2. Giá khởi điểm: Cụ thể theo bảng thông tin tại mục 1 quy chế này.
 3. Bước giá: 150 đồng/m² (Bằng chữ : Một trăm năm mươi đồng trên một mét vuông).
 4. Tiền hồ sơ : 200.000 đồng/hồ sơ/thửa đất (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng trên một bộ hồ sơ trên một thửa đất).
 5. Khoản tiền đặt trước: Tiền đặt trước tương ứng với thửa đất đăng ký đấu giá, cụ thể: Theo Bản thông tin tại mục 1 Quy chế này.
 6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, cách tổ chức đấu giá
 - Bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá, theo phương thức trả giá lên.
 - Cách thức tổ chức đấu giá: Đấu giá theo từng thửa đất bằng hình thức bỏ phiếu kín 01 vòng (01 lần) đấu, kết quả được công bố công khai ngay sau khi hết thời gian bỏ phiếu trên cơ sở các phiếu dự đấu giá hợp lệ có giá bỏ hợp lệ. Kết quả được xếp hạng theo giá bỏ từ cao xuống thấp.
 7. Điều kiện tham gia đấu giá:
 - Hộ gia đình, cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Đặng Xá có đủ năng lực hành vi dân sự và thuộc đối tượng được Nhà nước cho thuê đất theo quy định tại khoản 2, điều 2 Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND thành phố Hà Nội.
 8. Thời gian, địa điểm kiểm tra thực địa khu đất:
 - Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm tổ chức kiểm tra thực địa khu đất trong khoảng thời gian 01 ngày trước và tối thiểu 02 ngày trước khi mở cuộc đấu giá. Thời gian cụ thể theo Thông báo mời đấu giá của Tổ chức đấu giá.
 9. Phát hành hồ sơ mời tham gia đấu giá và tiếp nhận hồ sơ đăng ký đấu giá, nộp các khoản tiền hồ sơ, tiền đặt trước tham gia đấu giá:
 - Thời gian và địa điểm theo Thông báo mời đấu giá phát hành công khai.
 - Người tham gia đấu giá có thể liên hệ mua hồ sơ tại địa điểm phát hành hồ sơ, và tham khảo thông tin hồ sơ đấu giá tại Cổng thông tin điện tử Sở Tài nguyên & Môi trường Hà Nội (<http://tnmtd.hanoi.gov.vn>) và Cổng thông tin điện tử UBND huyện Gia Lâm (<http://gialam.hanoi.gov.vn>)
 - Đăng ký dự đấu giá: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá qua 02 hình thức: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm hoặc gửi thư đảm bảo đến địa chỉ: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm (Địa chỉ: Khu C – UBND huyện Gia Lâm, số 101 đường Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội)
 - Hộ gia đình, cá nhân có thể đăng ký đấu giá nhiều thửa đất với điều kiện nộp tiền hồ sơ và nộp khoản tiền đặt trước tương ứng với số lượng thửa đất đăng ký đấu giá (Chi tiết tiền hồ sơ và tiền đặt trước cho từng thửa đất được nêu cụ thể tại mục 1 Quy chế này)
 - Phương thức nộp tiền đặt trước:
Nộp trực tiếp tại: Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm.
 - Địa chỉ: Khu C – UBND huyện Gia Lâm, số 101 đường Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.
- Lưu ý: Hồ sơ đăng ký của người tham gia đấu giá phải được nhận trước 17h00 ngày 30/9/2019. Các trường hợp nộp sau 17h00 ngày 30/9/2019 sẽ không được tiếp nhận.*
10. Hồ sơ đăng ký tham dự đấu giá gồm:

TRU
AT
UYE

a. Đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu, có đóng dấu của Đơn vị tổ chức việc đấu giá quyền thuê đất);

b. Bản sao chứng từ xác định tiền hồ sơ và tiền đặt trước tham gia đấu giá mà người tham gia đấu giá đã nộp để đăng ký tham gia đấu giá quyền thuê đất (yêu cầu có bản chính để đối chiếu tại nơi thu hồ sơ);

c. Bản sao Giấy chứng minh nhân dân (còn thời hạn) hoặc Hộ chiếu và Hộ khẩu thường trú hoặc Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu có);

Hồ sơ dự đấu giá được bỏ vào một phong bì khổ A4 và nộp cho đơn vị tổ chức việc đấu giá để xét duyệt điều kiện tham gia cuộc đấu giá theo quy định.

11. Rút lại đăng ký tham gia đấu giá:

Trước khi hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá mà người đã nộp hồ sơ có nguyện vọng xin rút đăng ký thì xử lý như sau: Tiền mua hồ sơ đấu giá không được hoàn trả lại; Tiền đặt trước của người đăng ký được hoàn trả lại trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức cuộc đấu giá.

12. Xác định điều kiện tham gia đấu giá:

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm chủ trì việc xét duyệt điều kiện hồ sơ tham gia đấu giá quyền thuê đất theo quy định của pháp luật và Phương án đấu giá do UBND huyện Gia Lâm ban hành.

13. Thời gian và địa điểm đấu giá:

Thời gian và địa điểm theo Thông báo mời đấu giá phát hành công khai. (Nếu có sự thay đổi về lịch mở cuộc đấu giá sẽ thông báo công khai tại địa điểm tổ chức đấu giá).

Người tham gia đấu giá khi đến tham dự cuộc đấu giá phải xuất trình CMND/hộ chiếu trường hợp ủy quyền tham dự cuộc đấu giá phải có Giấy ủy quyền hợp lệ theo quy định.

14. Trình tự tổ chức cuộc đấu giá:

Thành viên Hội đồng điều hành cuộc đấu giá theo trình tự:

- Giới thiệu bản thân, người giúp việc; công bố danh sách người tham gia đấu giá và điểm danh để xác định người tham gia đấu giá;

- Đọc Quy chế cuộc đấu giá;

- Giới thiệu thông tin khu đất đấu giá, thửa đất đấu giá;

- Nhắc lại mức giá khởi điểm;

- Thông báo bước giá và khoảng thời gian viết và bỏ phiếu trả giá;

- Phát phiếu cho người tham gia đấu giá;

- Hướng dẫn cách trả giá, chấp nhận giá và trả lời câu hỏi của người tham gia đấu giá;

- Nhắc lại yêu cầu đối với phiếu trả giá hợp lệ, thời gian hợp lệ để thực hiện việc ghi phiếu;

- Điều hành việc trả giá, công bố nội dung thông tin giá trả trên từng phiếu đấu giá.

15. Nguyên tắc bỏ giá và xét giá

- Đấu giá theo từng thửa đất bằng hình thức bỏ phiếu kín 01 vòng (01 lần) đấu duy nhất, tất cả những người tham gia đấu giá đã đăng ký đấu giá đủ điều kiện sẽ cùng tham gia bỏ giá 01 lần.

- 01 người tham gia đấu giá sẽ được phát 01 tờ phiếu tham dự đấu giá. Nếu viết nhầm (trước khi bỏ phiếu) phải yêu cầu đổi tờ khác, không được tẩy xóa, sửa chữa trên tờ phiếu. Việc đổi phiếu trong thời gian quy định và được sự chấp thuận của Thành viên Hội đồng đấu giá. Người tham gia đấu giá phải nộp lại tờ phiếu bị hỏng.

- Thời gian viết và bỏ giá là không quá 20 phút (kể cả viết và bỏ phiếu đấu giá).
- Việc xét giá được tiến hành công khai, tại chỗ. Thành viên tổ công tác xem xét các phiếu dự đấu giá hợp lệ. Việc xếp hạng theo giá dự đấu giá từ cao xuống thấp để xác định danh sách Người trúng đấu giá, có sự kiểm tra của đơn vị tổ chức việc đấu giá và chứng kiến của Người tham gia đấu giá.

16. Xác định người trúng đấu giá

a. Việc xác định người trúng đấu giá dựa trên 2 tiêu chí:

- Có phiếu đấu giá hợp lệ và bỏ giá hợp lệ.
- Phiếu đấu giá hợp lệ (có đóng dấu của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm) là: Phiếu ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu và thống nhất với Hồ sơ xét duyệt điều kiện tham gia đấu giá. Số tiền bỏ giá bằng chữ và bằng số trong phiếu đấu giá phải thống nhất, nếu có sự sai lệch thì sẽ lấy giá trị bằng chữ để xét giá.

- Giá trả hợp lệ: Là giá ghi trong phiếu tham gia đấu giá và bằng giá khởi điểm cộng với số nguyên lần bước giá. Trường hợp người tham gia đấu giá bỏ sai bước giá sẽ được làm tròn theo nguyên tắc cộng tăng lên cho tròn bước giá kế tiếp. Trường hợp người tham gia đấu giá không đồng ý cộng làm tròn bước giá kế tiếp sẽ không được tiếp tục tham gia đấu giá và bị áp dụng hình thức xử lý vi phạm.

- Công thức bỏ giá: Giá trả hợp lệ = Giá khởi điểm (giá sàn) + n lần bước giá (n là các số tự nhiên: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, ...vv).

- Giá tối thiểu phải bằng giá khởi điểm để đấu giá (đồng/m²).

b. Xác định người trúng đấu giá: Người trúng đấu giá là Người có giá trả hợp lệ cao nhất trên 1/m² đất được thành viên Hội đồng đấu giá điều hành cuộc đấu giá công bố tại cuộc đấu giá, và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c. Xử lý các trường hợp phát sinh:

- Trường hợp thừa đất có nhiều người trả giá bằng nhau và được xác định là giá trả hợp lệ cao nhất thì tổ chức cho những người đó đấu giá tiếp để chọn người trúng giá (mức giá để đấu tiếp là mức giá trả bằng nhau đó). Nếu có người trả giá tại mức giá này không đồng ý đấu tiếp hoặc không có người trả giá cao hơn thì thành viên Hội đồng đấu giá tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá.

- Danh sách người trúng đấu giá được lập cùng biên bản kết thúc cuộc đấu giá và công bố ngay sau khi kết thúc cuộc đấu giá, có sự chứng kiến của đại diện các bên.

17. Xử lý tình huống phát sinh khi người tham gia đấu giá rút lại giá đã trả hoặc từ chối nhận quyền trúng đấu giá:

a. Rút lại giá đã trả:

Tại cuộc đấu giá thực hiện bằng phương thức trả giá lên theo hình thức đấu giá trực tiếp bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá, nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi thành viên Hội đồng đấu giá điều hành cuộc đấu giá công bố người trúng đấu giá thì cuộc đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó.

Người rút lại giá đã trả bị truất quyền tham gia cuộc đấu giá.

b. Từ chối kết quả trúng đấu giá:

Trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên, sau khi được thành viên Hội đồng đấu giá điều hành cuộc đấu giá công bố người trúng đấu giá mà tại cuộc đấu giá người này từ chối kết quả trúng đấu giá thì người trả giá liền kề là người trúng đấu giá, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá và người trả giá liền kề chấp nhận kết quả trúng đấu giá.

10
TÀI
QUY
HÀ LÃ
10

Trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc người trả giá liền kề không chấp nhận trúng đấu giá thì cuộc đấu giá không thành.

18. Biên bản đấu giá:

Diễn biến của cuộc đấu giá phải được ghi vào biên bản đấu giá. Biên bản đấu giá phải được lập tại cuộc đấu giá và có chữ ký của được thành viên Hội đồng đấu giá điều hành cuộc đấu giá, người ghi biên bản, người trúng đấu giá, người có tài sản đấu giá, đại diện của những người tham gia đấu giá.

Người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá coi như không chấp nhận quyền thuê đất trúng đấu giá.

Biên bản được đóng dấu của đơn vị tổ chức việc đấu giá.

19. Nội quy phòng đấu giá: Người tham gia đấu giá và cá nhân khác có liên quan khi tham dự cuộc đấu giá phải tuân thủ nội quy của phòng đấu giá do đơn vị tổ chức việc đấu giá (Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm) ban hành.

20. Các trường hợp không được nhận lại tiền đặt trước

a. Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng.

b. Bị tước quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 điều 9 của Luật Đấu giá tài sản.

- Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá.

- Thông đồng, móc nối với được thành viên Hội đồng đấu giá điều hành cuộc đấu giá, Hội đồng đấu giá, tổ công tác giúp Hội đồng đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để đim giá, làm sai lệch kết quả đấu giá.

- Cản trở hoạt động đấu giá quyền thuê đất; gây rối mất trật tự tại cuộc đấu giá.

- Đe dọa, cưỡng ép thành viên Hội đồng đấu giá điều hành cuộc đấu giá, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá quyền thuê đất.

- Các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của luật có liên quan.

c. Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định

d. Rút lại giá đã trả.

đ. Từ chối kết quả trúng đấu giá.

Đối với các trường hợp vi phạm trên, người tham gia đấu giá sẽ không được hoàn trả lại khoản tiền đặt trước; toàn bộ số tiền đặt trước này được Hội đồng đấu giá xử lý theo quy định của pháp luật.

21. Các trường hợp bị tước quyền tham gia đấu giá:

- Người tham gia đấu giá không ghi đầy đủ các thông tin quy định có trên phiếu đấu giá. Thành viên Hội đồng đấu giá điều hành cuộc đấu giá sẽ hướng dẫn trực tiếp để hoàn thiện cho đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định. Nếu người tham gia đấu giá không đồng ý hoàn thiện theo hướng dẫn thì bị coi là phiếu không hợp lệ và không xét giá.

- Người tham gia đấu giá trả giá cao hơn mức giá đất cụ thể làm cơ sở xác định giá khởi điểm nhưng chọn sai bước giá và không đồng ý cộng làm tăng tròn cho phù hợp với giá trả hợp lệ theo quy định.

- Người tham gia đấu giá trả giá thấp hơn giá cụ thể đấu giá quyền thuê đất (đồng/m²)

22. Trách nhiệm về quyền thuê đất đấu giá:

Đơn vị tổ chức việc đấu giá quyền thuê đất chịu trách nhiệm về tính pháp lý của quyền thuê đất đưa ra đấu giá. Hội đồng đấu giá chịu trách nhiệm tuân thủ đúng quy định pháp luật về trình tự, thủ tục đấu giá, mà không chịu trách nhiệm về tính pháp lý và các vấn đề khác có liên quan quyền thuê đất đấu giá.

23. Tổ chức thực hiện: Thành viên Hội đồng đấu giá điều hành cuộc đấu giá, Hội đồng đấu giá quyền thuê đất, đơn vị tổ chức việc đấu giá quyền thuê đất và người tham gia đấu giá, các tổ chức, cá nhân khác liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế cuộc đấu giá này./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thuyết

LAM T. H.

Gia Lâm, ngày 10 tháng 9 năm 2019

NỘI QUY CUỘC ĐẤU GIÁ

Quyền thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp thuộc quỹ đất công do UBND xã Đông Dư quản lý

Để đảm bảo cuộc đấu giá thành công và được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm ban hành Nội quy cuộc đấu giá với những nội dung cụ thể như sau:

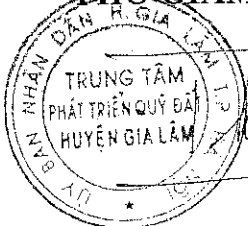
1. Người không đăng ký tham gia đấu giá, người không đủ điều kiện tham gia đấu giá, người không phải là đại biểu – khách mời, người không có nhiệm vụ được phân công không được vào tham gia dự cuộc đấu giá.
2. Người tham gia đấu giá phải có mặt tại cuộc đấu giá đúng ngày, giờ quy định theo thông báo và Quy chế được ban hành.
3. Người tham gia đấu giá phải ăn mặc lịch sự, ngồi đúng vị trí được ban tổ chức hướng dẫn, không đi lại tự do, lộn xộn trong phòng đấu giá. Không được nói chuyện, trao đổi với cá nhân khác trong phòng đấu giá.
4. Người tham gia đấu giá không hút thuốc, không sử dụng điện thoại di động hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông nào trong phòng đấu giá, không tự ý ra khỏi phòng đấu giá nếu chưa có sự đồng ý của ban tổ chức.
5. Người tham gia đấu giá không được quay phim chụp hình trong cuộc đấu giá.
6. Người tham gia đấu giá không được mang chất cháy nổ, vũ khí chất kích thích vào khu vực tổ chức cuộc đấu giá. Không được sử dụng chất kích thích khi đến tham dự cuộc đấu giá.
7. Người tham gia đấu giá phải tuân thủ, chấp hành tuyệt đối sự điều hành, hướng dẫn của ban tổ chức. Không tranh luận với ban tổ chức vì bất kỳ lý do nào.
8. Người tham gia đấu giá có hành vi phá rối, cản trở cuộc đấu giá thì bị truất quyền tham gia đấu giá.

9. Thời gian lựa chọn vị trí và ký xác nhận không quá 05 phút với mỗi khách hàng trúng đấu giá.

10. Người tham gia đấu giá vi phạm nội quy, Phương án đấu giá, Quy chế cuộc đấu giá, tùy mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

Nội quy này có hiệu lực trong suốt quá trình cuộc đấu giá. Yêu cầu những người tham gia đấu giá thực hiện nghiêm chỉnh nội quy quy chế đấu giá.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thuyết

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: 3(2)+3(4) Ký hiệu đất công: A1

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà): Khu Đầm Biển Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

3. Địa chỉ: Khu Đầm Biển Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

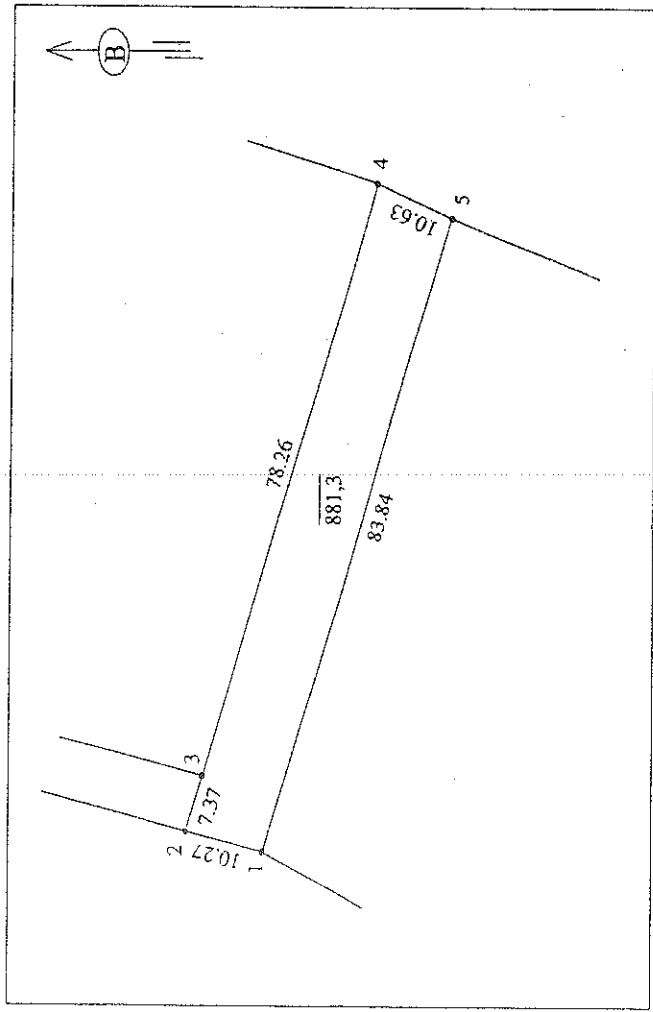
4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 881,3 m² (Tám trăm tám m² một phẩy ba mét vuông).

5. Lập tháng 6/2019. Theo phương án: Trích đo

6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới đo chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

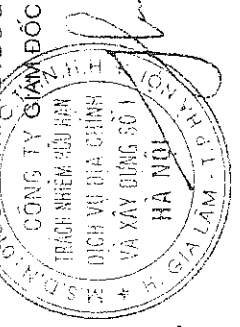
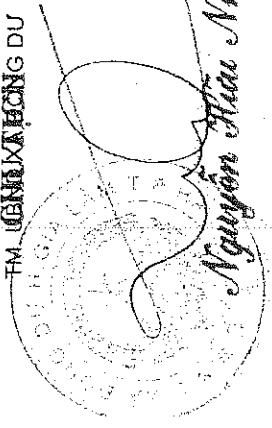
TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321822.55	595049.06	10.27
2	2321832.50	595051.60	7.37
3	2321830.41	595058.67	78.26
4	2321808.24	595133.72	10.63
5	2321798.53	595129.39	83.84
1	2321822.55	595049.06	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUẾ ĐẤT

TM. NGUYỄN HAI NHẬT
PH. NGUYỄN VĂN THUYẾT

Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

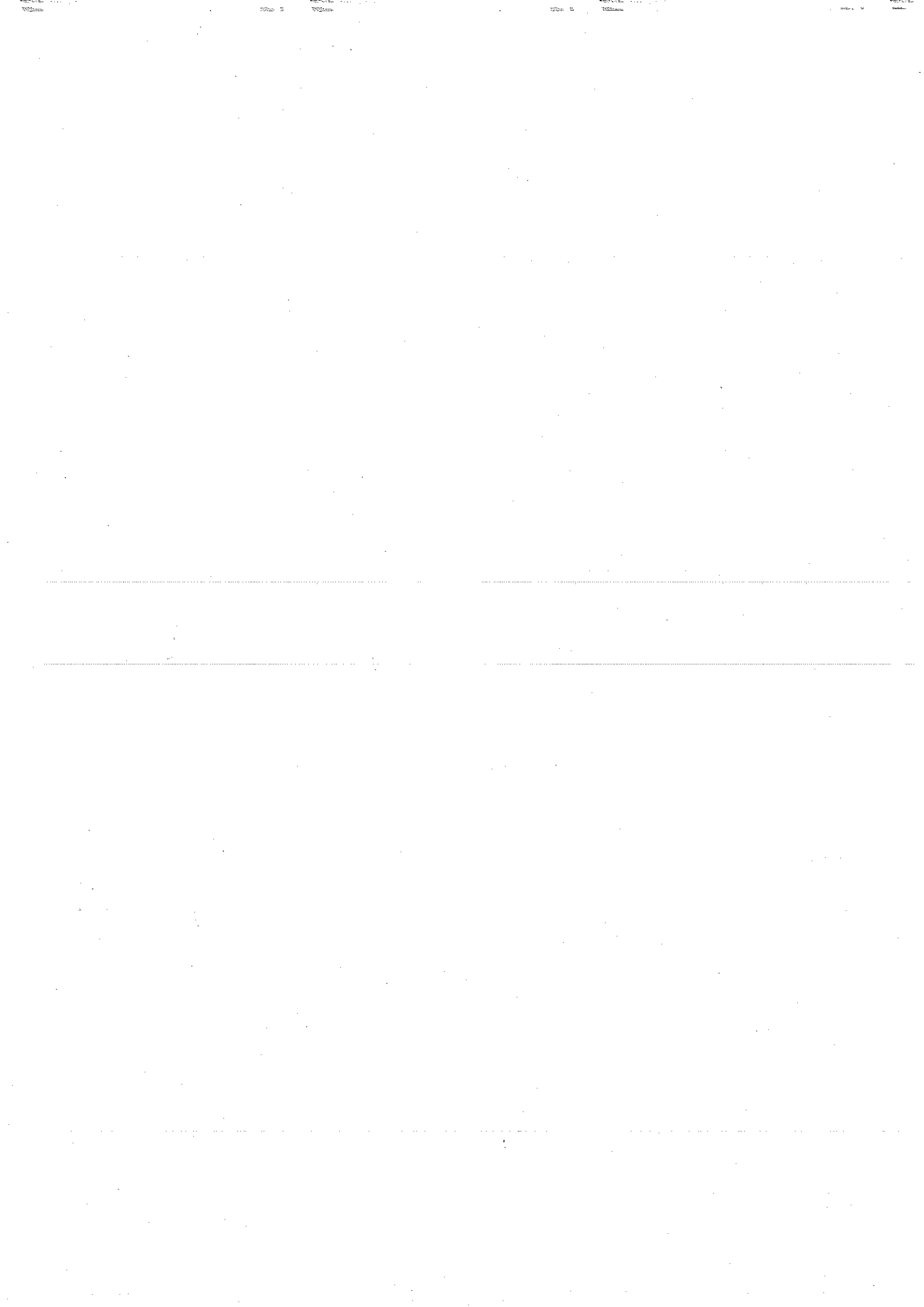
Ngày tháng năm 2019
CÔNG TY TNHH DVDC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
CÔNG TY GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hải Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

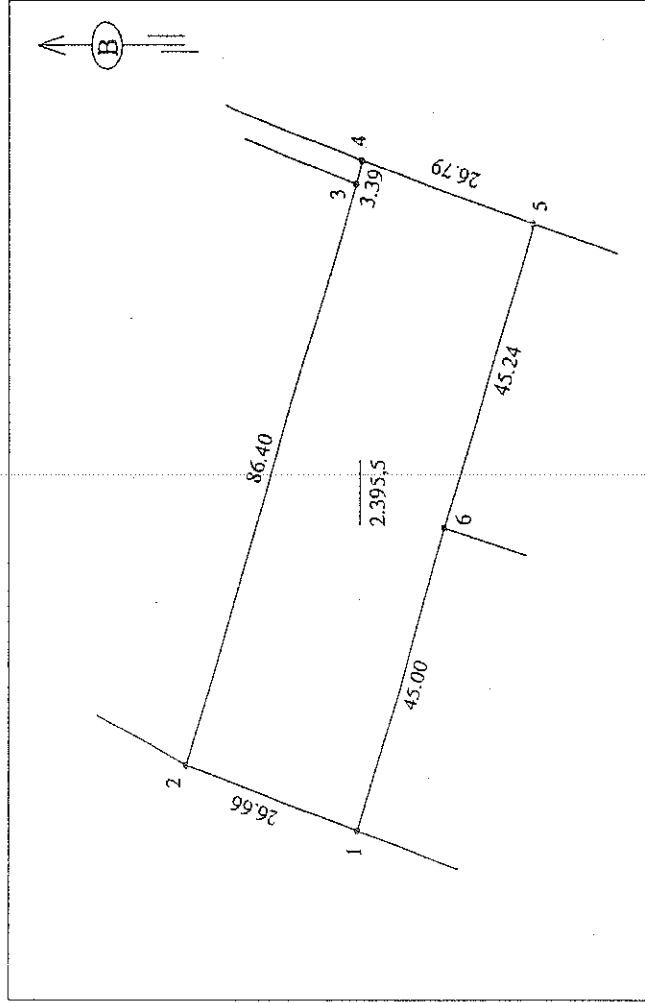
Số: H1/2019 - HSKT

- Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: Ký hiệu đất công: AI-1
- Tên người thuê đất: Ông (Bà): Huyện: Gia Lâm
- Địa chỉ: Khu Đầm Biền Xã: Đông Dư Thành phố: Hà Nội
- Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 2.395,5 m² (Hai nghìn ba trăm chín lăm phẩy năm mét vuông).
Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 1.
- Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
- Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Theo phương án: Trích đo

5. Lập tháng 6/2019.

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321778.93	595029.71	26.66
2	2321803.93	595038.98	86.40
3	2321779.13	595121.74	3.39
4	2321778.30	595125.03	26.79
5	2321753.02	595116.15	45.24
6	2321766.01	595072.82	45.00
1	2321778.93	595029.71	

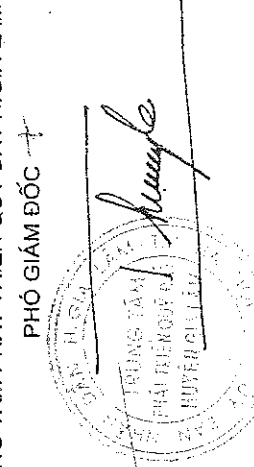
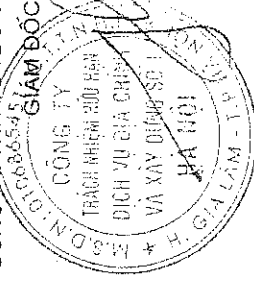
Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
TM. UBND XÃ ĐÔNG DƯ NHẬN ĐẠI

Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H.GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

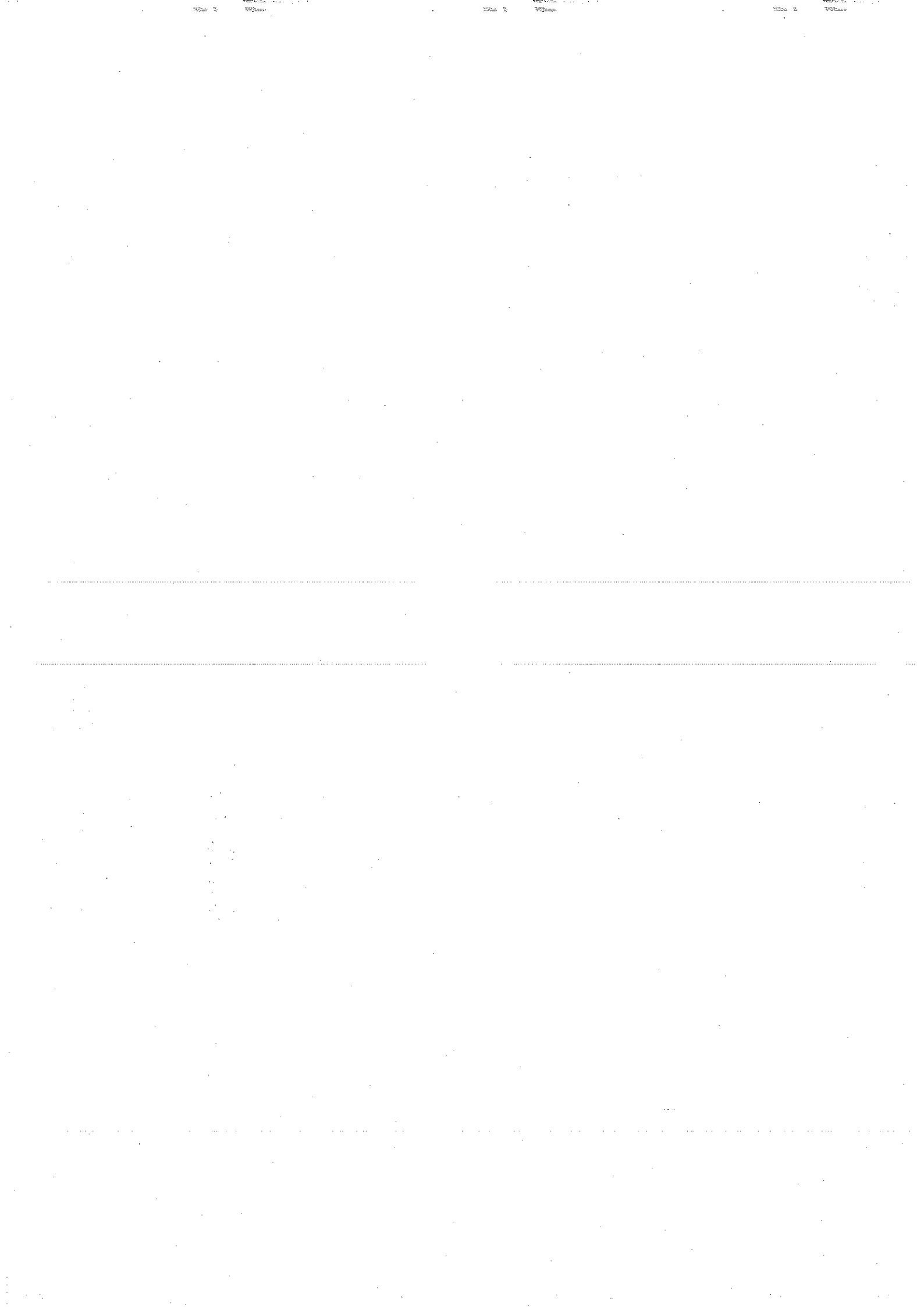
CÔNG TY TNHH DVBC & XD SỐ 1 HÀ NỘI



Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: H11/2019 - HSKT

Thửa đất số: 9a(2) Ký hiệu đất công: A3

1. Tờ bản đồ số: Thửa đất số: Ông (Bà):

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

3. Địa chỉ: Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 8.023,0 m² (Tám nghìn, không trăm hai mươi ba phẩy không mét vuông).

5. Lập tháng 6/2019.

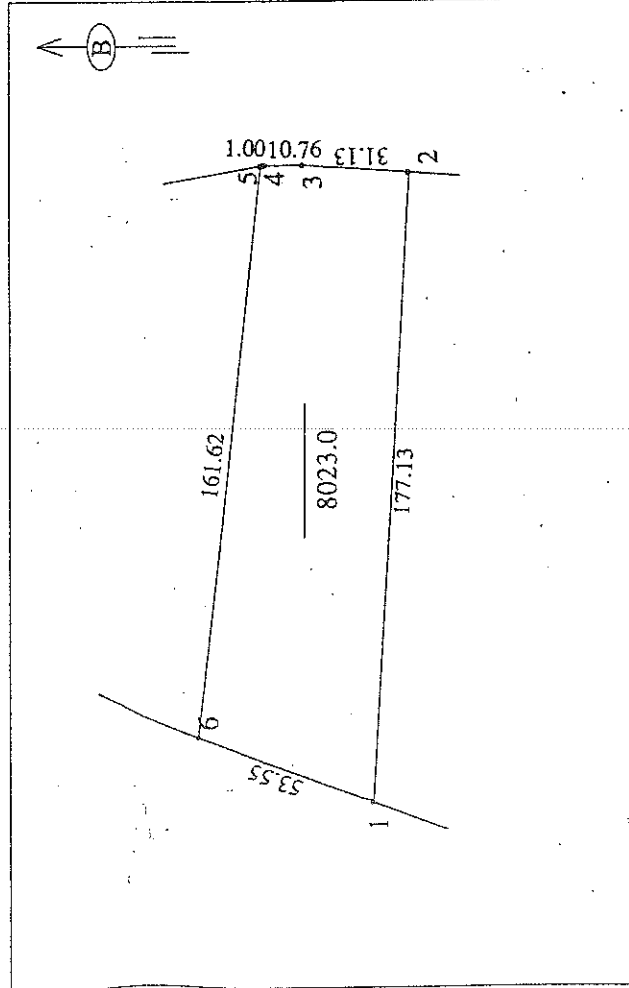
6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất

không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới đo chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321679.17	595094.77	177.13
2	2321668.42	595271.57	31.13
3	2321699.47	595273.82	10.76
4	2321710.23	595273.73	1.00
5	2321711.22	595273.57	161.62
6	2321729.52	595112.99	53.55
1	2321679.17	595094.77	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng 6 năm 2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Ngày tháng 6 năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng 6 năm 2019

CÔNG TY TNHH DVBC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
TRÁCH NHIỆM KỸ THUẬT
GIÁM ĐỐC
DỊCH VỤ ĐỊA CHÍNH
VA XÂY DỰNG SỐ 1
HÀ NỘI

Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

Thửa đất số: 9a(2) Ký hiệu đất công: A4 - 1

1. Tờ bản đồ số: 21-C-I Thửa đất số: 9a(2)

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà): Ông (Bà)

3. Địa chỉ: Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

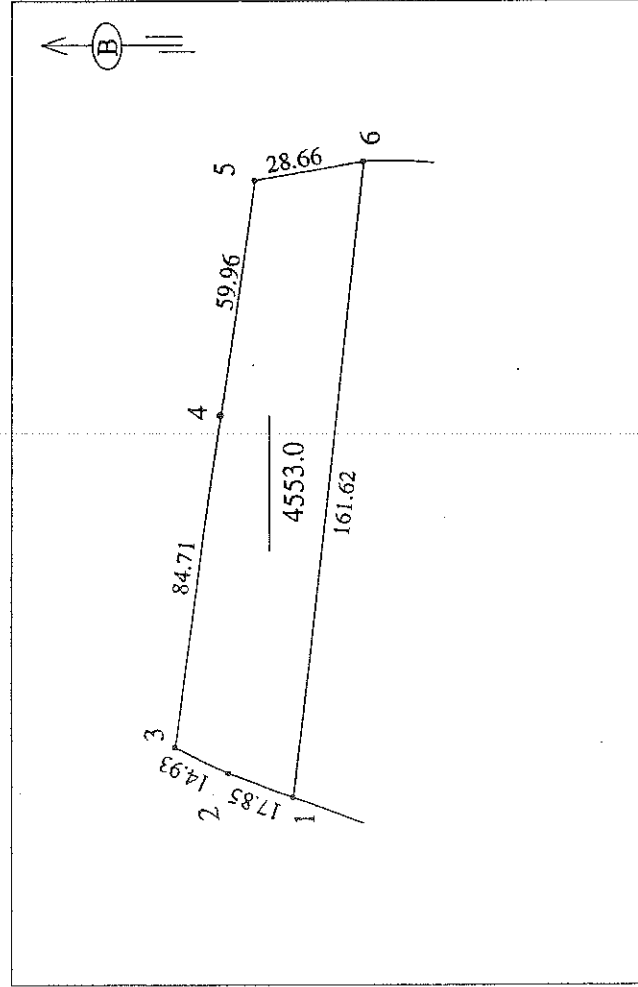
4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 4.553,0 m² (Bốn nghìn năm trăm mười ba phẩy không mét vuông).

5. Lập tháng 6/2019. Theo phương án: Trích đo

6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321729.52	595112.99	17.85
2	2321746.29	595119.11	14.93
3	2321759.72	595125.64	84.71
4	2321748.16	595209.56	59.96
5	2321739.50	595268.89	28.66
6	2321711.22	595273.57	161.62
1	2321729.52	595112.99	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

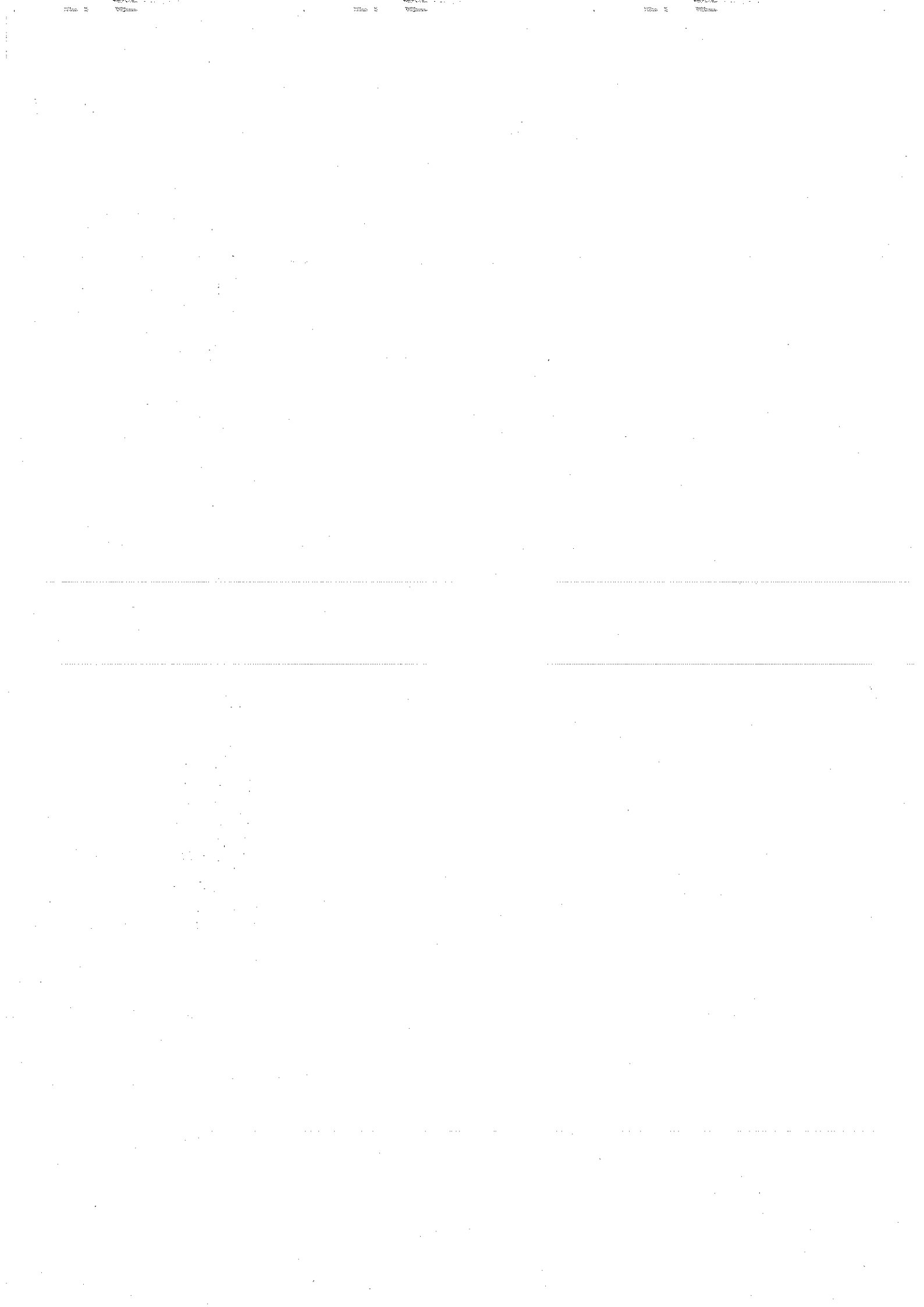
Ngày tháng năm 2019
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H.GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019
CÔNG TY TNHH DUYC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
CÔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nhật

Đỗ Hoàng Hoàn

Nguyễn Văn Thuyết



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: HI/2019 - HSKT

Thửa đất số: Ký hiệu đất công: A4 - 2

1. Tờ bản đồ số:

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

3. Địa chỉ: Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 3.372,0 m² (Ba nghìn ba trăm bảy mươi hai mét vuông).

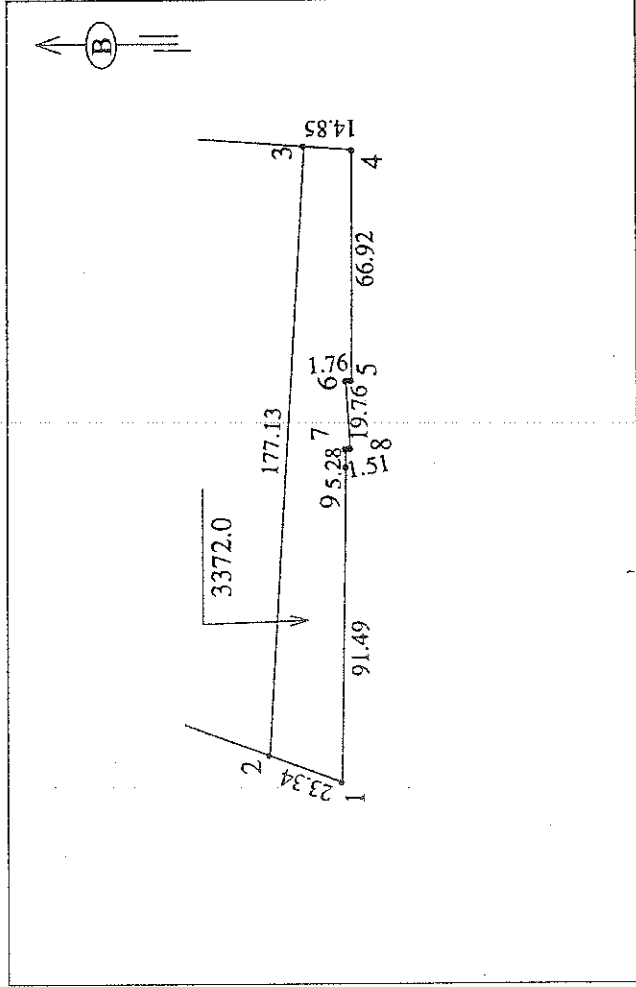
5. Lập tháng 6/2019.

6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321657.20	595086.88	23.34
2	2321679.17	595094.77	177.13
3	2321668.42	595271.57	14.85
4	2321653.61	595270.49	66.92
5	2321653.92	595203.57	1.76
6	2321655.68	595203.48	19.76
7	2321654.26	595183.77	1.51
8	2321655.76	595183.64	5.28
9	2321655.60	595178.36	91.49
1	2321657.20	595086.88	

Ngày tháng năm 2019

NGƯỜI THUÊ ĐẤT

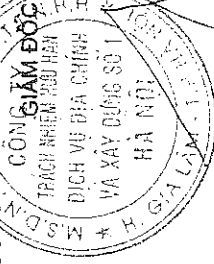
Ngày tháng năm 2019

PHÓ GIÁM ĐỐC

NGƯỜI THUÊ ĐẤT

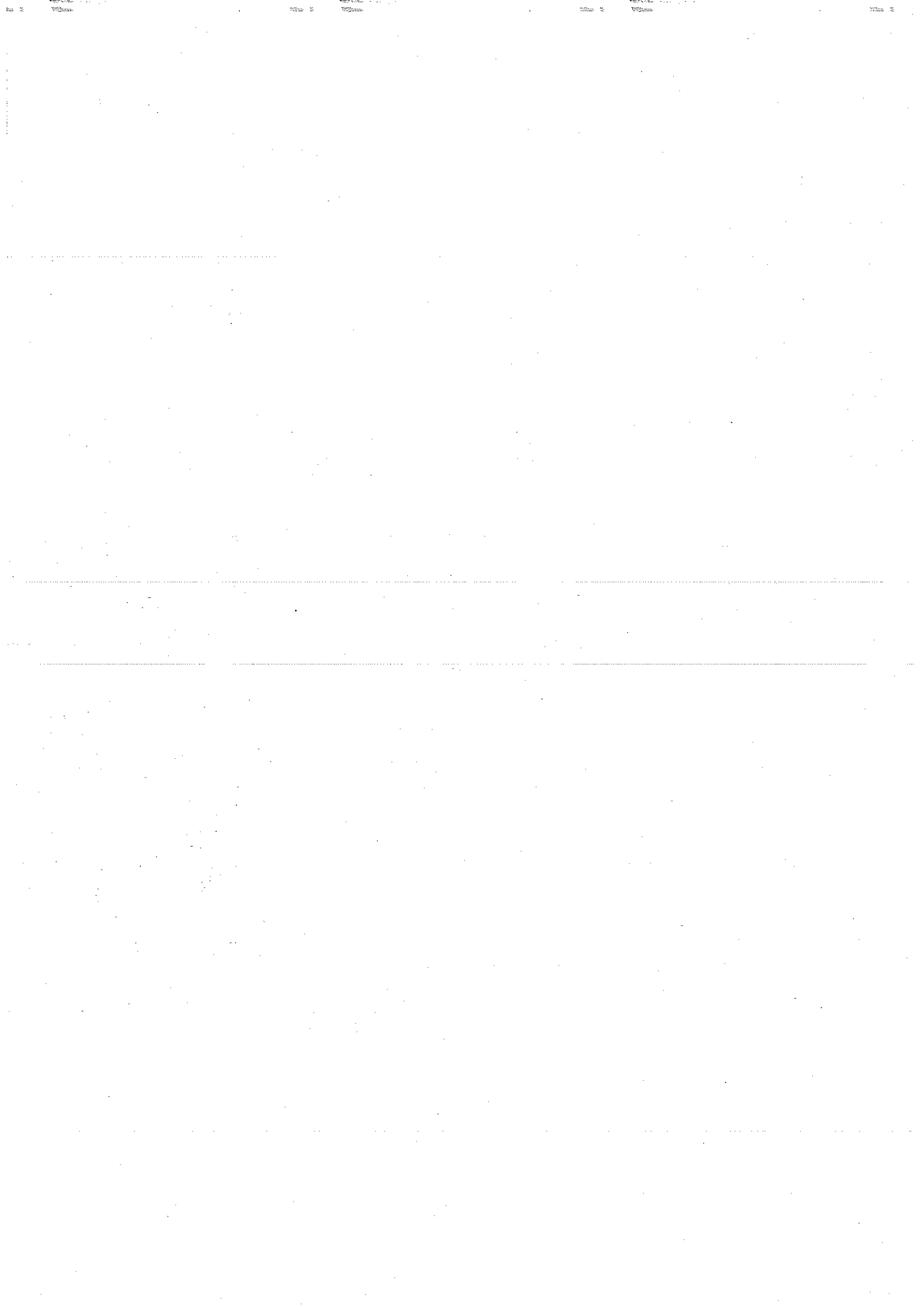
Ngày tháng năm 2019

CÔNG TY TNHH ĐVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI



Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

Ký hiệu đất công: A5

Thửa đất số: 9a(1)

Tờ bản đồ số: 21-C-I

Tên người thuê đất: Ông (Bà):

Địa chỉ: Xã: Đông Dư

Huyện: Gia Lâm

Thành phố: Hà Nội

Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 11.625,7 m² (Mười một nghìn sáu trăm hai mươi lăm phẩy bảy mét vuông).

Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 1.

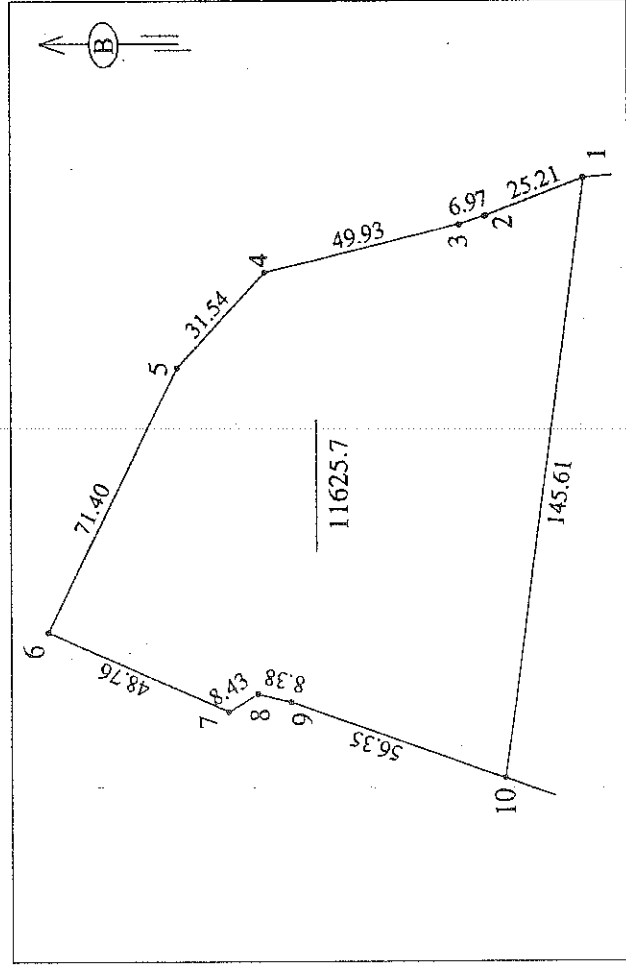
Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Theo phương án: Trích đo

5. Lập tháng 6/2019.

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321740.34	595269.95	25.21
2	2321763.90	595260.99	6.97
3	2321770.56	595258.92	49.93
4	2321819.16	595247.48	31.54
5	2321840.86	595224.59	71.40
6	2321873.20	595160.93	48.76
7	2321828.39	595141.71	8.43
8	2321821.13	595146.00	8.38
9	2321812.98	595144.03	56.35
10	2321759.72	595125.64	145.61
1	2321740.34	595269.95	

Ngày tháng năm 2019

NGƯỜI THUÊ ĐẤT

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

CÔNG TY TNHH QVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

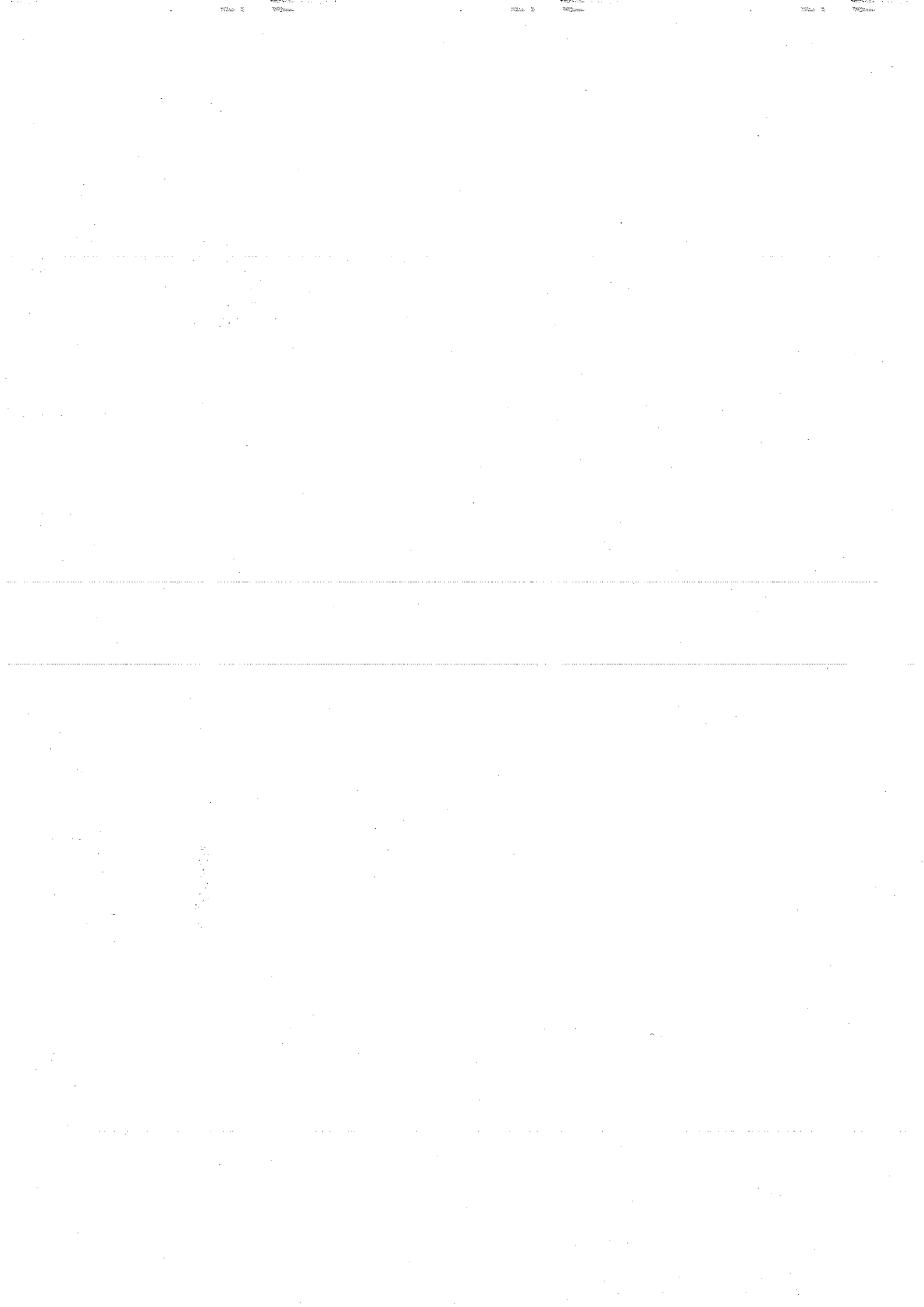
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

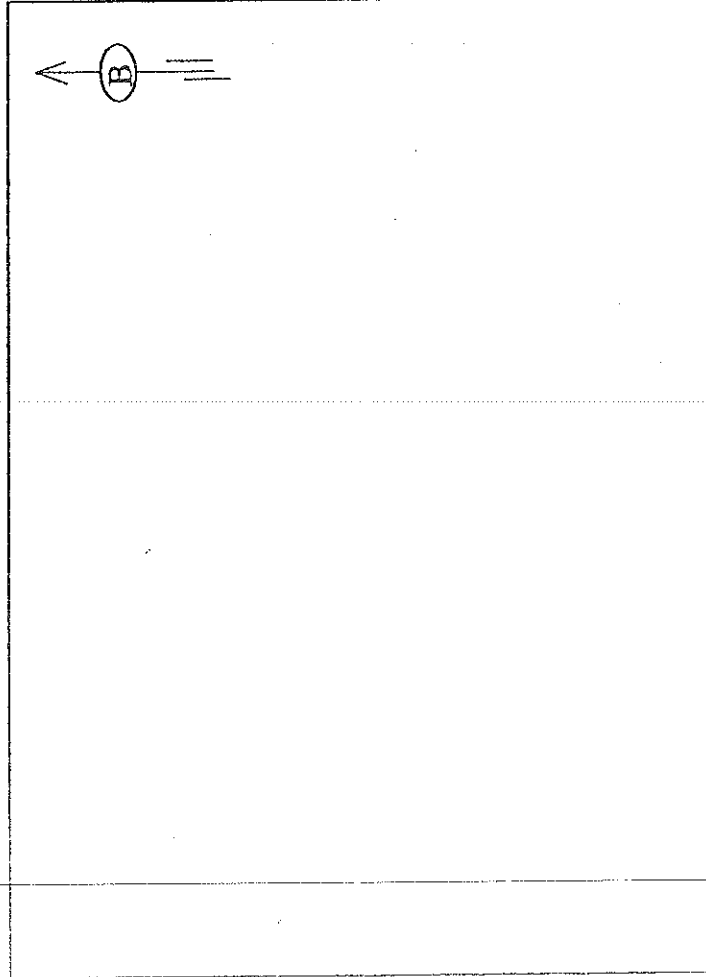
Đỗ Hoàng Hoàn



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬ A ĐẤT

- Tờ bản đồ số:
- Tên người thuê đất: Ông (Bà):
- Địa chỉ: Xã Đông Dư
- Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 60.463,0 m² (Sáu mươi nghìn bốn trăm sáu mươi ba mét vuông).
Giới hạn bởi các điểm: 1', 2', 3', 4', ..., 57', 58', 1' và 1, 2, 3, ..., 127, 128. 5. Lập tháng 7/2019.
- Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
- Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

5. SƠ ĐỒ THỬ A ĐẤT (IN TRANG SAU)



6. BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

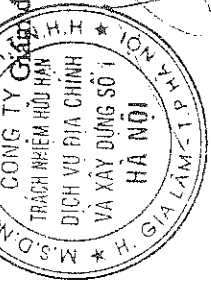
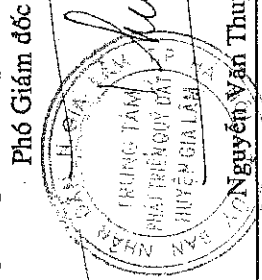
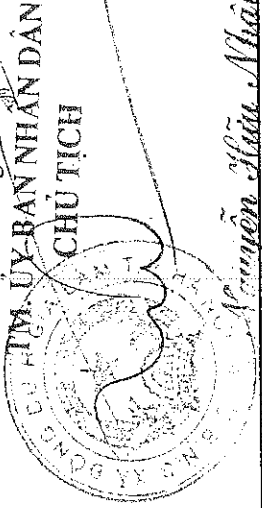
Số hiệu gốc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
1'	2321845.51	595228.00	5.60
2'	2321846.31	595233.54	8.97
3'	2321846.10	595242.51	22.68
4'	2321843.39	595265.03	7.30
5'	2321843.69	595272.32	13.38
6'	2321844.29	595285.69	12.70
7'	2321844.73	595298.38	11.29
8'	2321846.02	595309.60	14.30
9'	2321848.20	595323.73	9.60
10'	2321848.59	595333.32	9.19
11'	2321848.20	595342.50	5.79
12'	2321842.67	595344.20	9.47
13'	2321833.42	595346.22	55.08
14'	2321780.03	595359.76	9.70
15'	2321770.50	595361.56	

Ngày tháng năm 2019
Người thuê đất

Ngày tháng năm 2019
T.M. UBND xã Đông Dư

Ngày tháng năm 2019
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm.

Ngày tháng năm 2019
CÔNG TY TNHH DV ĐC & XD số 1 Hà Nội

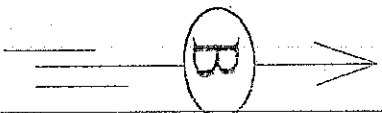
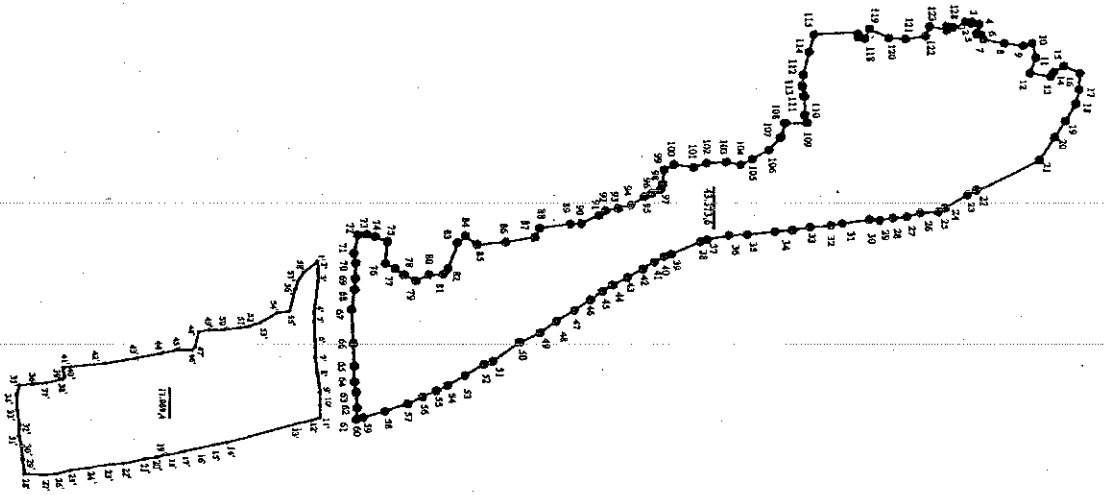


Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn

5. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬ A ĐẤT

(Bổ sung)

6. BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322278.97	595068.25	4.95
2	2322283.74	595069.57	1.28
3	2322284.22	595068.38	5.47
4	2322289.46	595069.95	6.65
5	2322287.65	595076.35	3.63
6	2322291.15	595077.32	3.25
7	2322292.51	595080.27	14.92
8	2322307.13	595083.27	13.71
9	2322320.73	595084.97	6.81
10	2322327.34	595083.32	10.39
11	2322329.89	595093.39	11.57
12	2322325.74	595104.19	15.33
13	2322340.88	595106.62	3.60
14	2322342.93	595103.66	8.54
15	2322350.27	595099.30	12.34
16	2322361.54	595104.32	11.41
17	2322361.15	595115.72	10.25
18	2322359.12	595125.77	14.06
19	2322351.53	595137.61	13.68
20	2322343.69	595148.82	19.27
21	2322332.86	595164.76	42.52
22	2322294.58	595183.28	6.84
23	2322288.09	595185.43	

6. BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
24	2322281.41	595188.79	7.48
25	2322264.79	595197.89	18.95
26	2322260.31	595200.37	5.12
27	2322247.24	595201.10	13.09
28	2322237.46	595203.69	10.12
29	2322227.45	595204.49	10.04
30	2322217.97	595205.93	9.59
31	2322210.92	595205.32	7.08
32	2322191.95	595208.04	19.16
33	2322183.79	595209.18	8.24
34	2322168.53	595210.19	15.29
35	2322156.42	595212.15	12.27
36	2322144.41	595213.07	12.05
37	2322124.83	595215.06	19.68
38	2322111.33	595215.56	13.51
39	2322096.16	595218.37	15.43
40	2322091.33	595219.78	5.03
41	2322071.01	595228.25	22.01
42	2322066.13	595229.88	5.15
43	2322059.30	595233.55	7.75
44	2322051.49	595238.40	9.19
45	2322040.92	595244.09	12.00
46	2322030.89	595249.32	11.31
47	2322023.91	595253.86	8.33

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

(Bổ sung)

6. BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
48	2322015.64	595259.57	10.05
49	2322004.00	595266.88	13.75
50	2321990.74	595274.22	15.16
51	2321979.43	595282.12	13.80
52	2321966.00	595288.48	14.86
53	2321947.08	595301.91	23.20
54	2321940.87	595303.94	6.53
55	2321927.71	595311.57	15.21
56	2321915.15	595318.36	14.28
57	2321907.04	595322.10	8.93
58	2321897.14	595326.35	10.77
59	2321886.50	595331.12	11.66
60	2321870.84	595336.27	16.49
61	2321855.53	595340.31	15.83
62	2321850.90	595341.69	4.83
63	2321851.40	595333.63	8.08
64	2321850.49	595322.75	10.92
65	2321849.29	595315.36	7.49
66	2321849.02	595304.44	10.92
67	2321848.40	595288.79	15.66
68	2321846.95	595265.02	23.81
69	2321848.85	595251.06	14.09
70	2321849.24	595243.34	7.73
71	2321849.45	595232.47	10.87

6. BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
72	2321848.16	595225.74	6.85
73	2321851.06	595213.04	13.03
74	2321857.20	595212.70	6.15
75	2321862.97	595214.38	6.01
76	2321871.70	595217.74	9.35
77	2321870.30	595232.96	15.28
78	2321877.35	595236.80	8.03
79	2321883.25	595241.13	7.32
80	2321891.71	595245.19	9.38
81	2321901.24	595241.14	10.35
82	2321911.24	595241.21	10.00
83	2321914.66	595237.12	5.33
84	2321921.37	595219.07	19.26
85	2321927.03	595214.42	7.33
86	2321935.44	595220.48	10.37
87	2321955.71	595218.86	20.33
88	2321975.31	595215.75	19.85
89	2321978.56	595209.41	7.12
90	2322000.30	595206.65	21.91
91	2322008.56	595206.50	8.26
92	2322021.21	595200.88	13.84
93	2322025.56	595197.85	5.30

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬ A ĐẤT

(Bổ sung)

6. BẢNG KÊ TOA ĐỘ

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
94	2322034.08	595196.13	8.69
95	2322042.77	595193.85	8.98
96	2322052.10	595188.10	10.96
97	2322057.29	595185.86	5.65
98	2322063.14	595183.25	6.41
99	2322064.71	595179.75	3.84
100	2322065.96	595169.57	10.26
101	2322072.42	595166.03	7.37
102	2322086.16	595168.10	13.90
103	2322095.43	595165.28	9.69
104	2322109.01	595164.66	13.59
105	2322119.38	595166.56	10.54
106	2322128.31	595162.69	9.73
107	2322139.85	595156.44	13.12
108	2322147.93	595147.57	12.00
109	2322150.83	595137.61	10.37
110	2322166.26	595137.65	15.43
111	2322164.27	595132.00	5.99
112	2322164.03	595119.36	12.64
113	2322163.68	595118.82	0.64
114	2322162.29	595112.10	6.86
115	2322163.04	595104.22	7.92
116	2322167.01	595088.34	16.37

6. BẢNG KÊ TOA ĐỘ

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
117	2322170.56	595076.20	12.65
118	2322202.22	595075.95	31.66
119	2322202.62	595078.10	2.19
120	2322207.03	595079.18	4.54
121	2322210.20	595072.66	7.25
122	2322224.00	595079.26	15.30
123	2322235.83	595079.95	11.85
124	2322250.38	595077.86	14.70
125	2322253.16	595071.39	7.04
126	2322265.31	595074.04	12.44
127	2322265.44	595071.07	2.97
128	2322269.76	595071.62	4.35
1	2322278.97	595068.25	9.81

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

(Bổ sung)

6.BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
16'	2321760.01	595363.92	10.75
17'	2321747.92	595366.03	12.27
18'	2321735.73	595368.56	12.45
19'	2321731.39	595368.84	4.35
20'	2321727.76	595370.21	3.88
21'	2321719.44	595371.45	8.41
22'	2321704.95	595374.55	14.82
23'	2321692.74	595375.69	12.26
24'	2321680.47	595377.93	12.47
25'	2321667.69	595379.30	12.85
26'	2321658.41	595381.67	9.58
27'	2321648.04	595382.62	10.41
28'	2321633.44	595381.90	14.62
29'	2321632.00	595371.34	10.66
30'	2321631.20	595361.04	10.33
31'	2321629.14	595353.97	7.36
32'	2321629.60	595345.96	8.02
33'	2321627.71	595334.52	11.60
34'	2321627.27	595324.04	10.49
35'	2321629.74	595316.84	7.61
36'	2321638.81	595316.36	9.08

6.BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
37'	2321649.47	595315.34	10.71
38'	2321661.49	595312.69	12.31
39'	2321662.89	595310.85	2.31
40'	2321662.42	595307.57	3.31
41'	2321661.91	595303.99	3.62
42'	2321692.21	595301.41	30.41
43'	2321713.67	595297.87	21.75
44'	2321729.30	595294.74	15.94
45'	2321741.16	595292.16	12.14
46'	2321753.50	595292.46	12.34
47'	2321755.72	595290.12	3.23
48'	2321758.94	595278.90	11.67
49'	2321766.51	595277.67	7.67
50'	2321777.25	595277.48	10.74
51'	2321788.66	595276.26	11.48
52'	2321795.55	595275.25	6.96
53'	2321803.58	595272.65	8.44
54'	2321816.43	595265.52	14.70
55'	2321825.31	595264.22	8.97
56'	2321829.40	595248.27	16.47
57'	2321831.27	595242.82	5.76
58'	2321835.67	595236.40	7.78
1	2321845.51	595228.00	12.94

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-B-II Thửa đất số: 27 Ký hiệu đất công: B21-3

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 591,5 m² (Năm trăm chín mươi một phẩy năm mét vuông).

Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 1.

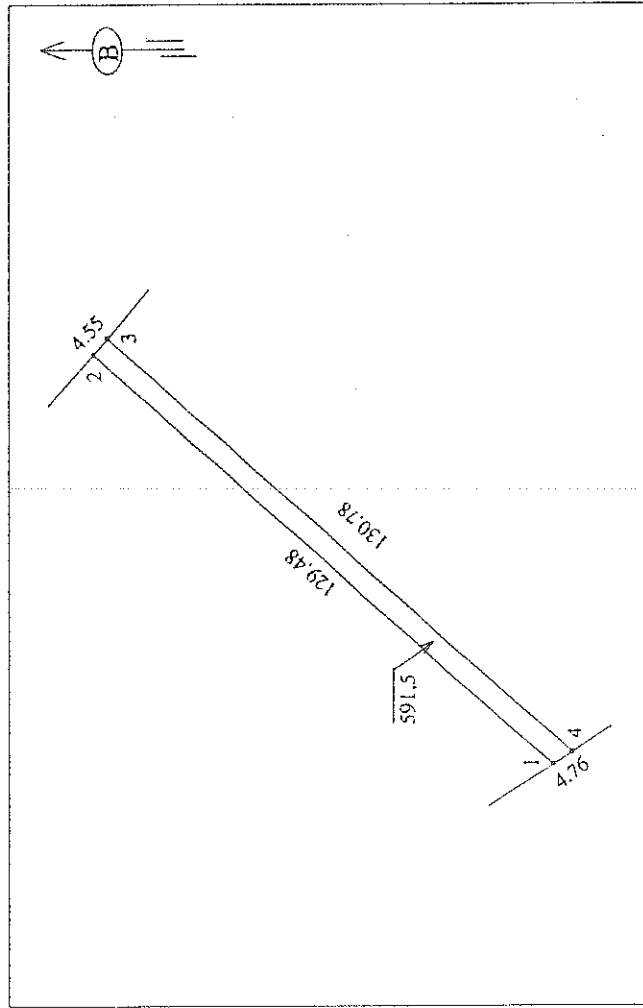
6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

5. Lập tháng 6/2019.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322060.92	594435.99	129.48
2	2322159.10	594520.40	4.55
3	2322156.06	594523.78	130.78
4	2322056.89	594438.52	4.76
1	2322060.92	594435.99	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ
TÀI SẢN VÀ ĐỒNG ĐƯ
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM

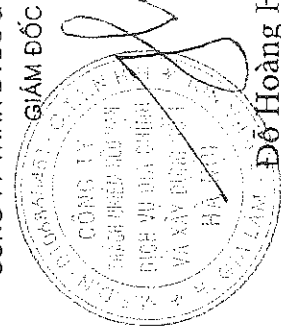
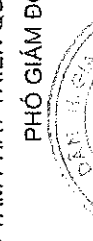
Ngày tháng 6 năm 2019

Ngày tháng 6 năm 2019
CÔNG TY TNHH DVBC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: HI/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-B-II Thửa đất số: 29 Ký hiệu đất công: B21-5

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 707,9 m² (Bảy trăm linh bảy phẩy chín mét vuông).

Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 1.

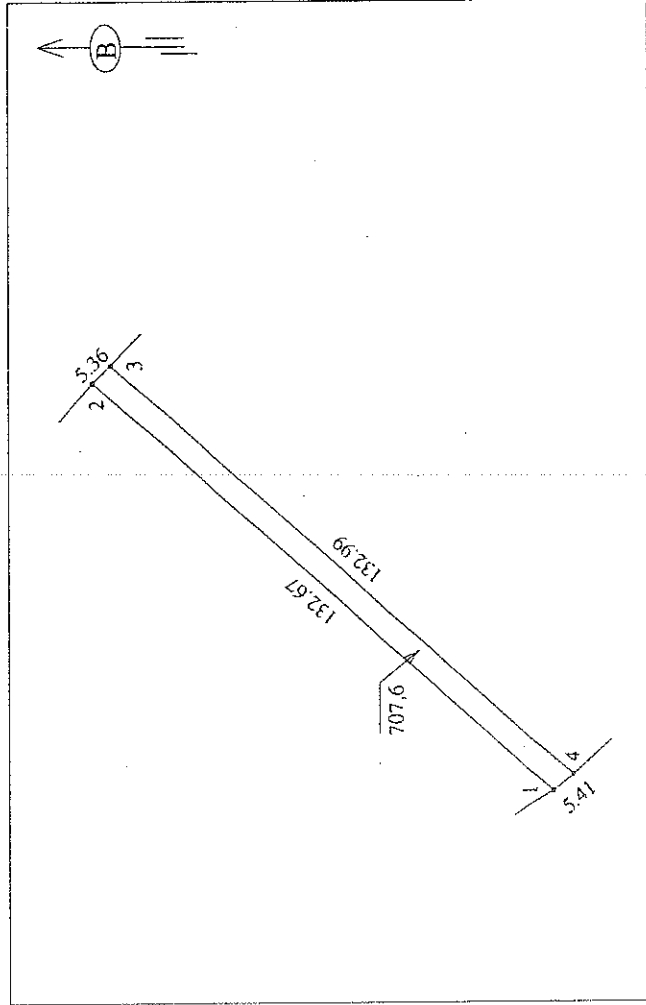
6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

5. Lập tháng 6/2019.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



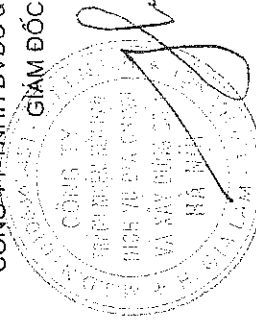
9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322051.39	594441.98	132.67
2	2322151.99	594528.47	5.36
3	2322148.05	594532.11	132.99
4	2322047.21	594445.41	5.41
1	2322051.39	594441.98	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
PHÓ GIÁM ĐỐC

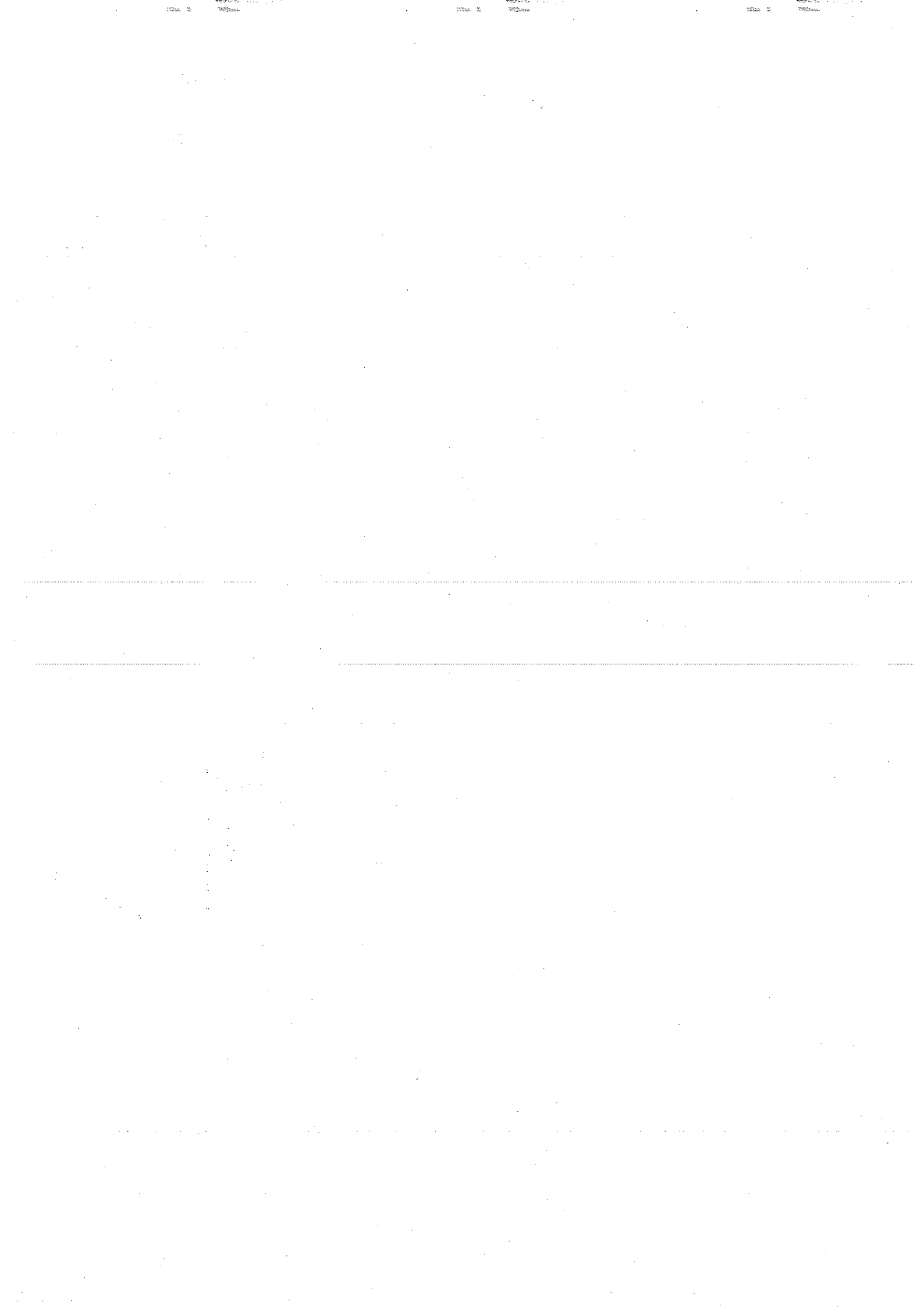
Ngày tháng năm 2019
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

Số: HI/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-B-II Thửa đất số: 30 Ký hiệu đất công: B21-6

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà): Ông (Bà)

3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 697,9 m² (Sáu trăm chín mươi bảy phẩy chín mét vuông).

Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 1.

6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất

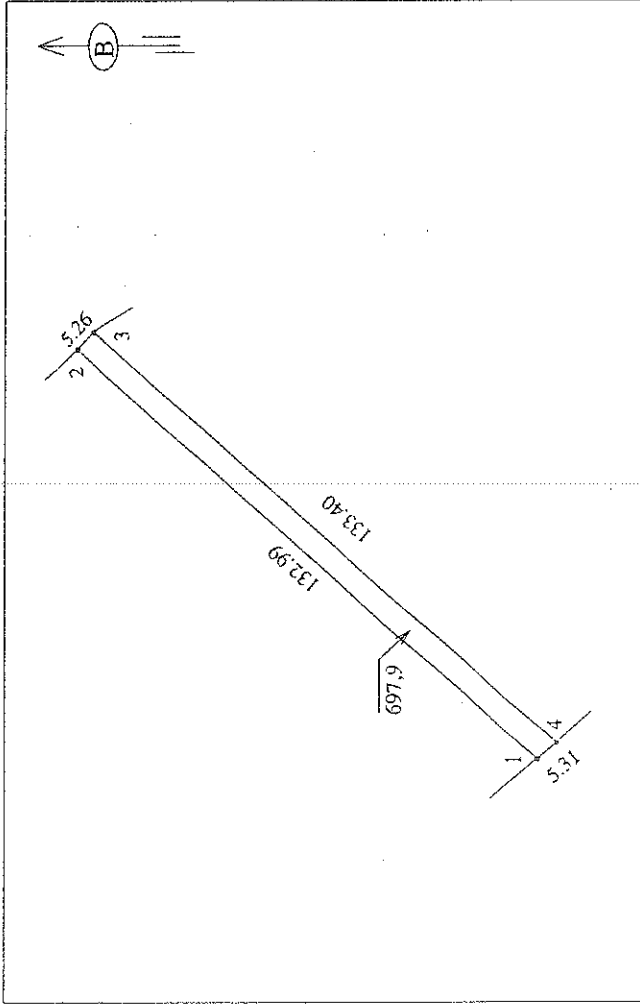
không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Theo phương án: Trích đo

5. Lập tháng 6/2019.

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322047.21	594445.41	132.99
2	2322148.05	594532.11	5.26
3	2322144.31	594535.81	133.40
4	2322043.16	594448.84	5.31
1	2322047.21	594445.41	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

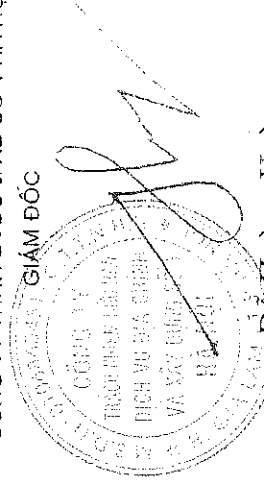
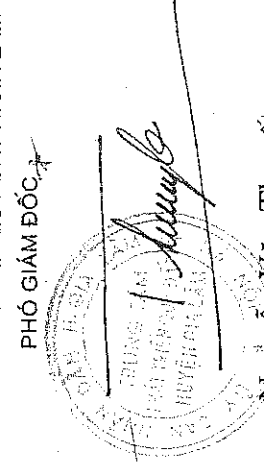
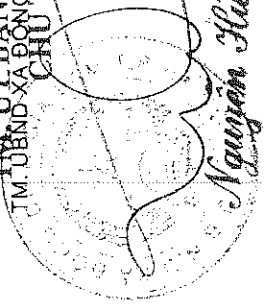
Ngày tháng năm 2019
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019
GIÁM ĐỐC

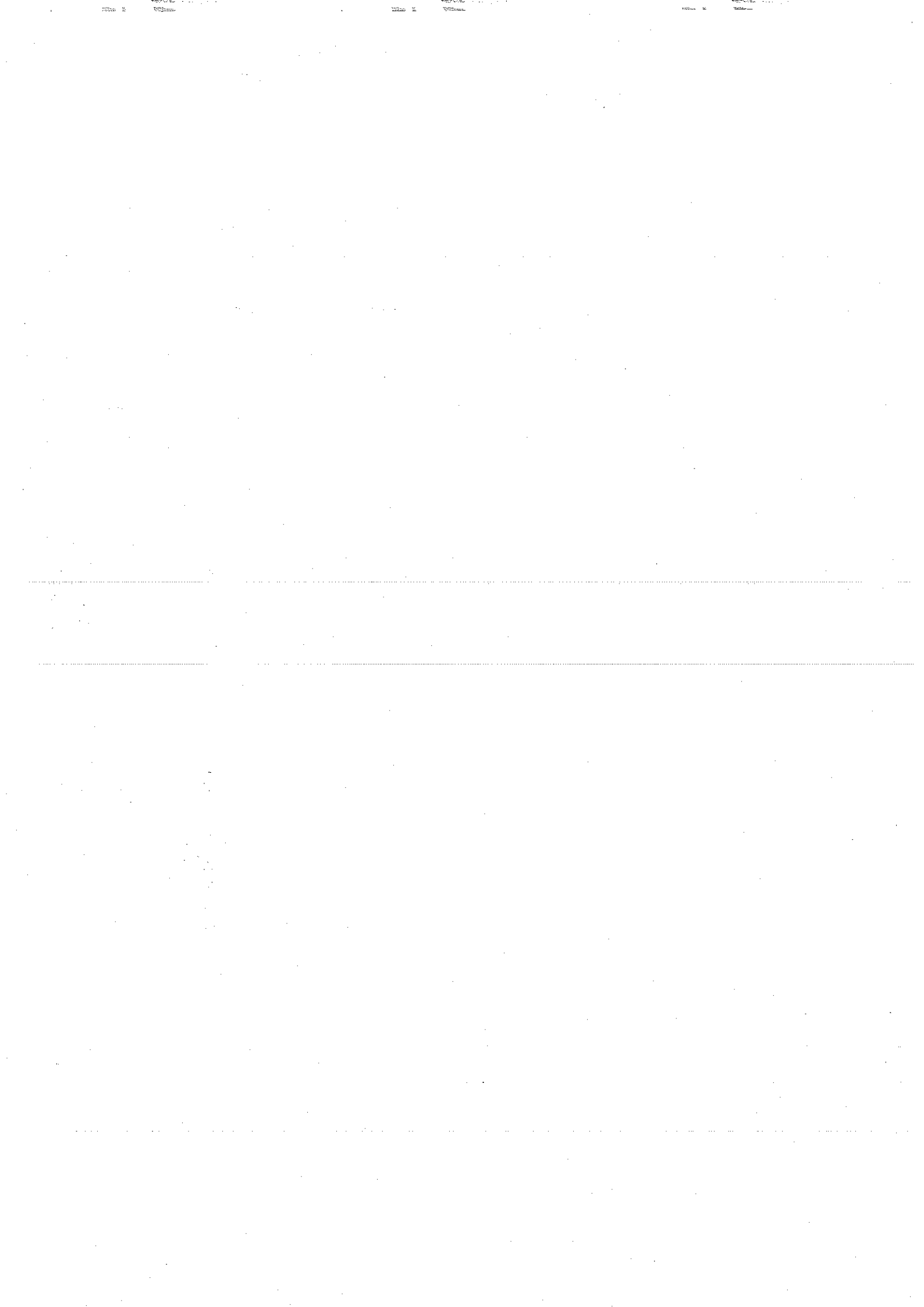
Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn



CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: HI/2019 - HSKT

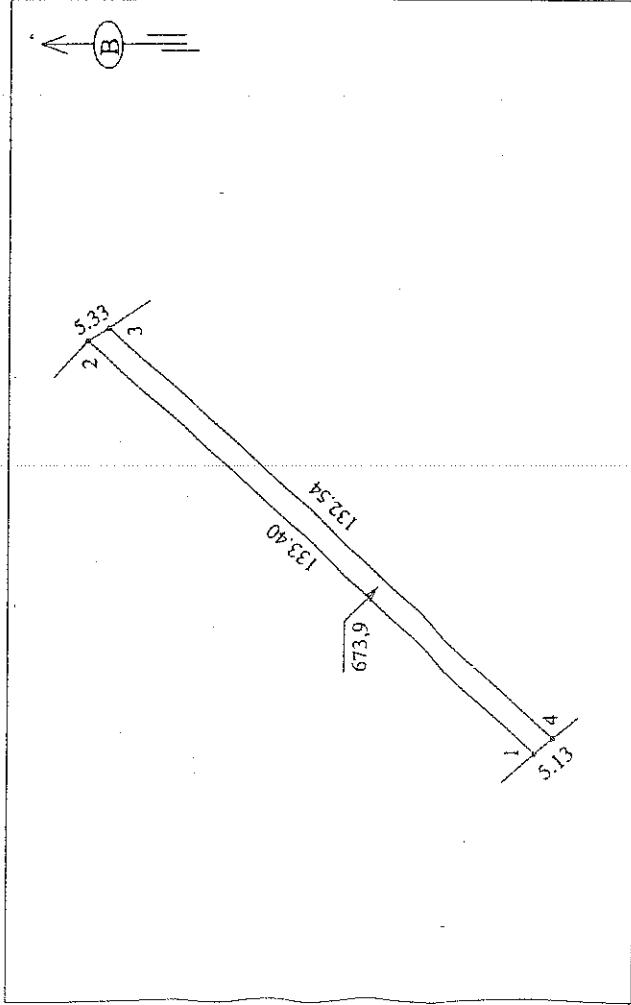
- Tờ bản đồ số: 20-B-II
- Tên người thuê đất: Ông (Bà):
- Địa chỉ: Thửa đất số: 31 Ký hiệu đất công: B21-7
- Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 673,9 m² (Sáu trăm bảy ba phẩy chín mét vuông).
- Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 1.
- Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
- Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Huyện: Gia Lâm

Thành phố: Hà Nội

5. Lập tháng 6/2019. Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

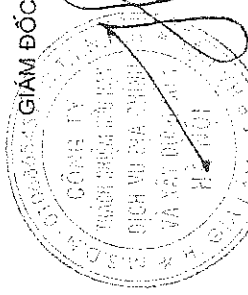
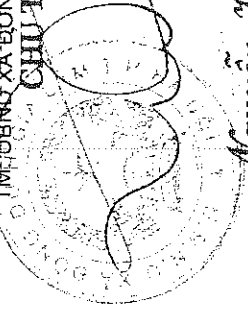
TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322043.16	594448.84	133.40
2	2322144.31	594535.81	5.33
3	2322139.74	594538.56	132.54
4	2322039.24	594452.15	5.13
1	2322043.16	594448.84	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

CÔNG TY TNHH DVECC & XD SỐ 1 HÀ NỘI



Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: HI/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-B-II Thửa đất số: 33 Ký hiệu đất công: B21-8

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà): Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư

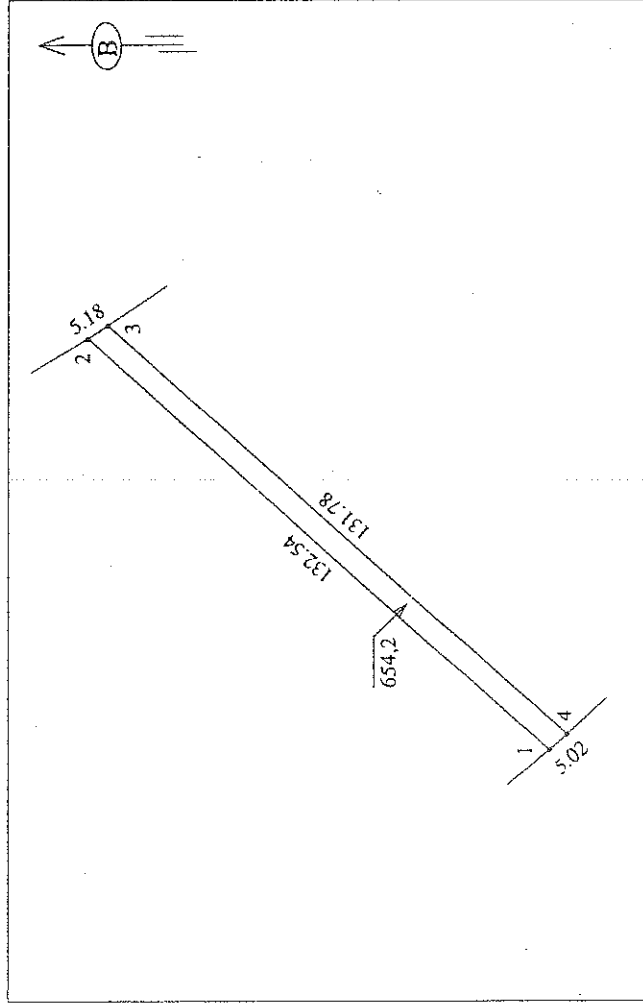
4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 654,2 m² (Sáu trăm năm bốn phẩy hai mét vuông).

5. Lập tháng 6/2019. Theo phương án: Trích đo

6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới đo chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322039.24	594452.15	132.54
2	2322139.74	594538.56	5.18
3	2322135.34	594541.30	131.78
4	2322035.41	594455.39	5.02
1	2322039.24	594452.15	

Ngày tháng năm 2019

NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019

PHÓ CHỦ TỊCH

Ngày tháng năm 2019

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

Đỗ Hoàng Hoàn

Nguyễn Văn Thuyết

Nguyễn Hữu Nhật



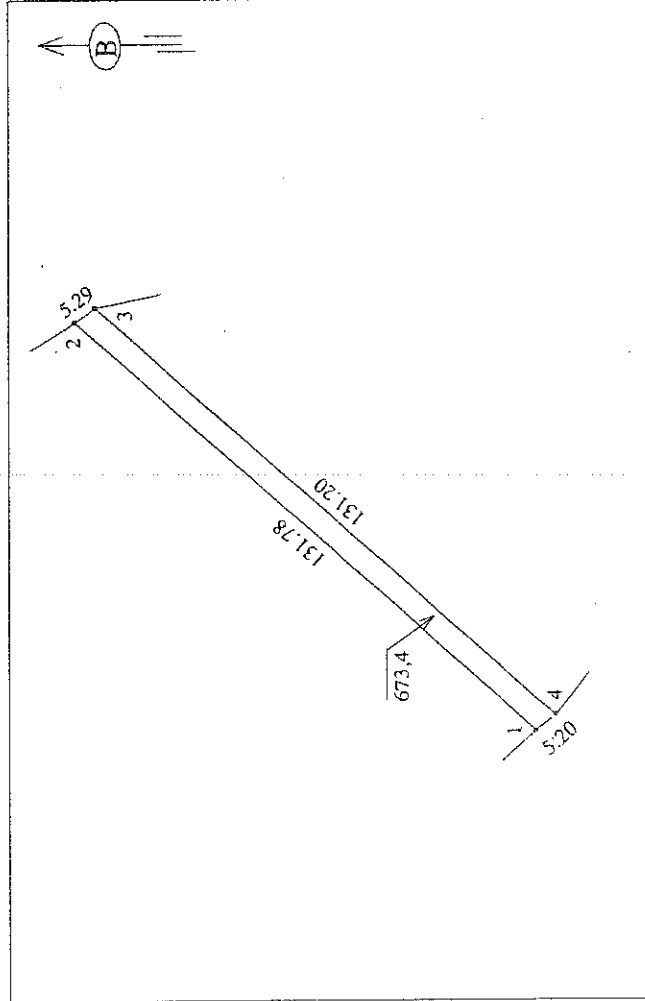
HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: HI/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-B-II Thửa đất số: 34 Ký hiệu đất công: B21-9
 2. Tên người thuê đất: Ông (Bà): Nguyễn Văn Luận
 3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội
 4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 673,4 m² (Sáu trăm bảy mươi ba phẩy bốn mét vuông).
 5. Lập tháng 6/2019. Theo phương án: Trích đo

6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
 7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

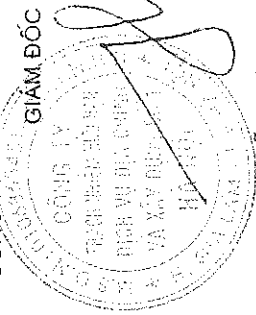
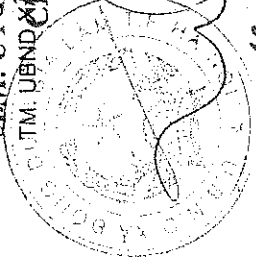
TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322035.41	594455.39	131.78
2	2322135.34	594541.30	5.29
3	2322130.95	594544.26	131.20
4	2322031.44	594458.75	5.20
1	2322035.41	594455.39	

Ngày tháng năm 2019
 NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
 PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI



Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn

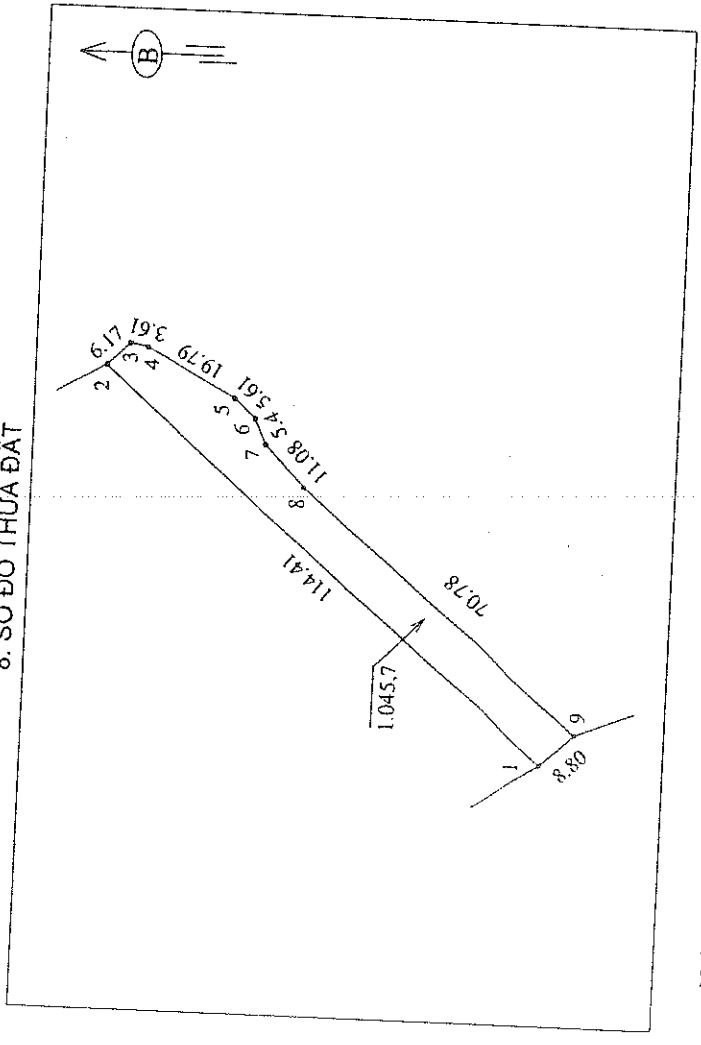


HO SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

1. Tờ bản đồ số: 20-B-II
 2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):
 3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng
 4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 1.045,7 m² (Một nghìn không trăm bốn mươi lăm phẩy bảy mét vuông).
 5. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
 7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Thửa đất số: 39
 Ký hiệu đất công: B21-14
 Xã: Đông Dư
 Huyện: Gia Lâm
 Thành phố: Hà Nội
 Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322003,00	594484,96	114,41
2	2322091,06	594558,00	6,17
3	2322086,55	594562,21	3,61
4	2322083,00	594561,54	19,79
5	2322065,42	594552,46	5,61
6	2322061,13	594548,84	5,40
7	2322058,79	594543,97	11,08
8	2322051,13	594535,97	70,78
9	2321996,53	594490,93	8,80
1	2322003,00	594484,96	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
 PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

Ngày tháng năm 2019
ĐỒ HOÀNG HOÀN

Ngày tháng năm 2019
 CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
 GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019
 NGƯỜI THUÊ ĐẤT
 Nguyễn Văn Thuyết

Ngày tháng năm 2019
 ĐỒ HOÀNG HOÀN

Nguyễn Hữu Nhật

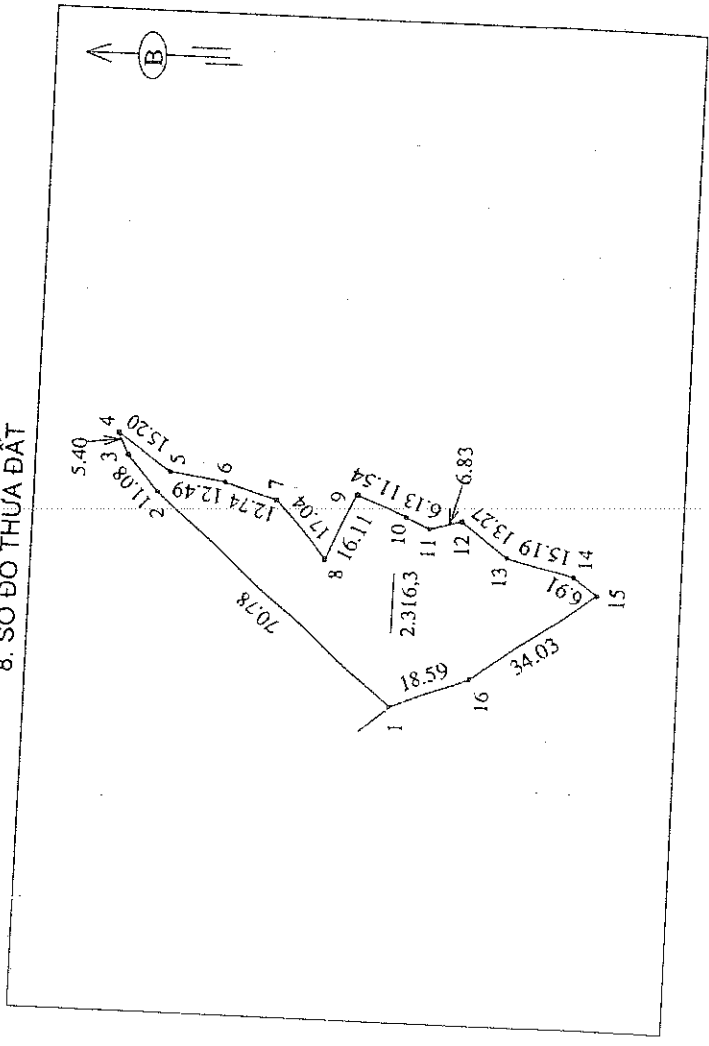


HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

1. Tờ bản đồ số: 20-B-II
 2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):
 3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng
 4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 2.316,3 m² (Hai nghìn ba trăm mười sáu phẩy ba mét vuông).
 5. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
 6. Ranh giới đo chữ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.
 7. Thửa đất số: 40
 Ký hiệu đất công: B21-15
 Xã: Đông Dư
 Huyện: Gia Lâm
 Thành phố: Hà Nội
 Theo phương án: Trích đo

HU/2019 - HSKT

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321996.53	594490.93	70.78
2	2322051.13	594535.97	11.08
3	2322058.79	594543.97	5.40
4	2322061.13	594548.84	15.20
5	2322048.38	594540.57	12.49
6	2322036.01	594538.81	12.74
7	2322023.74	594535.37	17.04
8	2322012.34	594522.70	16.11
9	2322005.54	594537.30	11.54
10	2321994.85	594532.94	6.13
11	2321989.20	594530.56	6.83
12	2321982.65	594532.50	13.27
13	2321971.81	594524.84	15.19
14	2321957.10	594521.05	6.91
15	2321951.37	594517.19	34.03
16	2321979.16	594497.55	18.59
1	2321996.53	594490.93	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
 CHỦ TỊCH

Ngày tháng năm 2019
 TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT H. GIA LÂM
 PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019
 CÔNG TY TNHH DVBC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
 GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY TNHH DVBC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
 TRÁCH NHIỆM MÔ HẠM
 DỊCH VỤ ĐỊA CHÍNH
 VÀ XÂY DỰNG SỐ 1
 HÀ NỘI
 H. GIA LÂM - T. P. HÀ NỘI
 Đ. HÀ NỘI

Ngày tháng năm 2019
 Nguyễn Hữu Nhật
 Nguyễn Văn Thuyết



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

Thửa đất số: 48 Ký hiệu đất công: B21-16

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm

Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 341,4 m² (Ba trăm bốn mươi mốt phẩy bốn mét vuông).

Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,1.

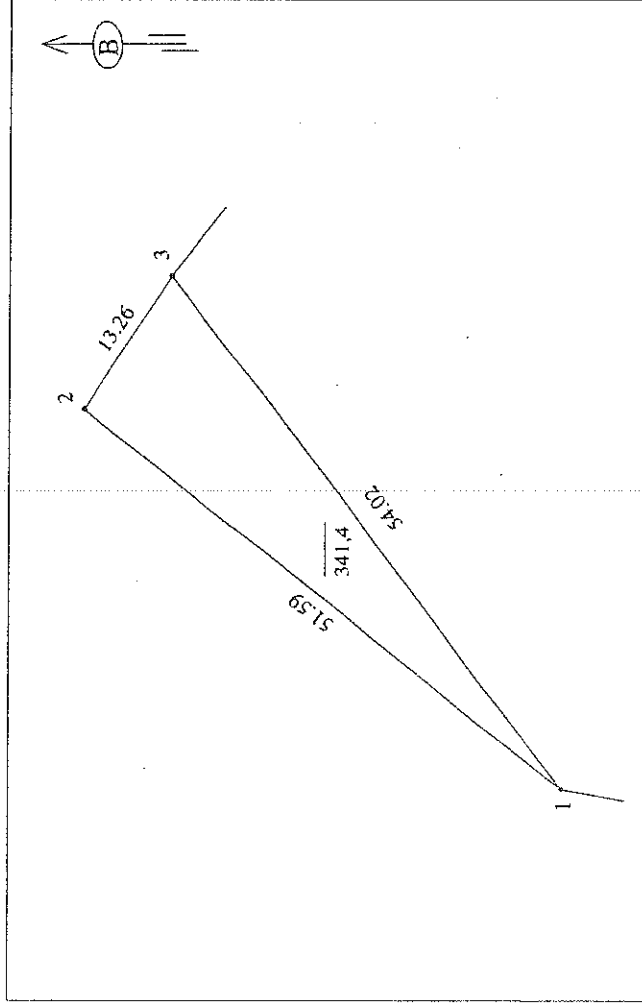
5. Lập tháng 6/2019.

Theo phương án: Trích đo

6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322056.47	594563.05	51,59
2	2322097.44	594594.40	13,26
3	2322090.02	594605.39	54,02
1	2322056.47	594563.05	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUẾ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019

T.M. UBND XÃ ĐÔNG DƯ
T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Nhật

Ngày tháng năm 2019

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thuyết

Ngày tháng năm 2019

CÔNG TY TNHH DVDC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Hoàng Hoàn

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: 47 Ký hiệu đất công: B21-17

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

3. Địa chỉ: Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 731,3 m² (Bảy trăm ba một phẩy ba mét vuông).

Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 1.

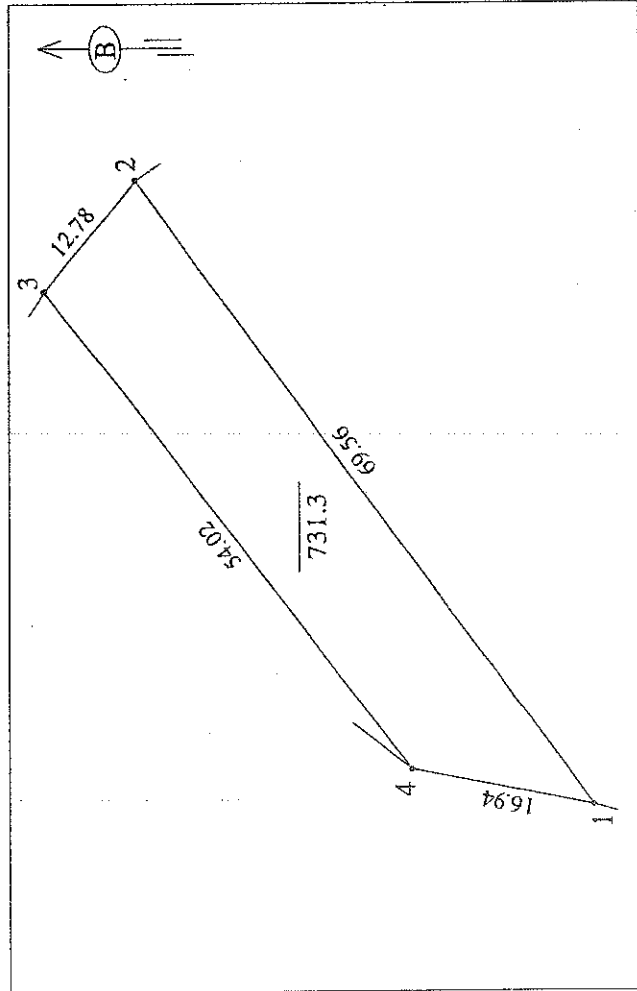
6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

5. Lập tháng 6/2019.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322039.83	594559.86	69.56
2	2322081.90	594615.26	12.78
3	2322090.02	594605.39	54.02
4	2322056.47	594563.05	16.94
1	2322039.83	594559.86	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC 4

Ngày tháng năm 2019

CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
TM. UBND XÃ ĐÔNG DƯ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Nhật

1 huuy

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn



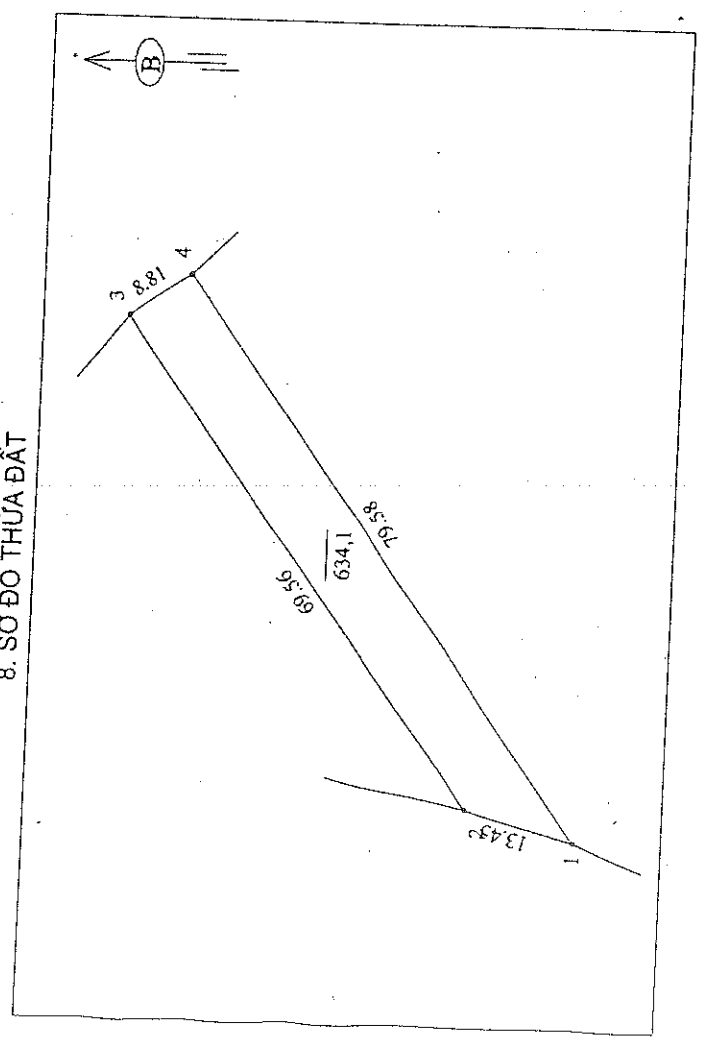
HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: 46 Ký hiệu đất công: B21-18 Số: HI/2019 - HSKT

Tên người thuê đất: Ông (Bà): Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

- Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 634,1 m² (Sáu trăm ba mươi bốn phẩy một mét vuông).
- Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 1.
- Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
- Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.
- Lập tháng 6/2019. Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322026.86	594556.30	13.45
2	2322039.83	594559.86	69.56
3	2322081.90	594615.26	8.81
4	2322074.50	594620.04	79.58
1	2322026.86	594556.30	

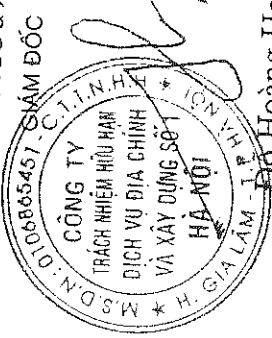
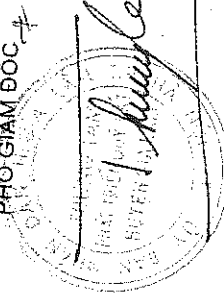
Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H.GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nhật

Ngày tháng 6 năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H.GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng 6 năm 2019
CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
CHAM ĐỐC



Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSIKT

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: 45 Ký hiệu đất công: B21-19

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà): Đông Văn Khuôn

3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 613,1 m² (Sáu trăm mười ba phẩy một mét vuông).

Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 1.

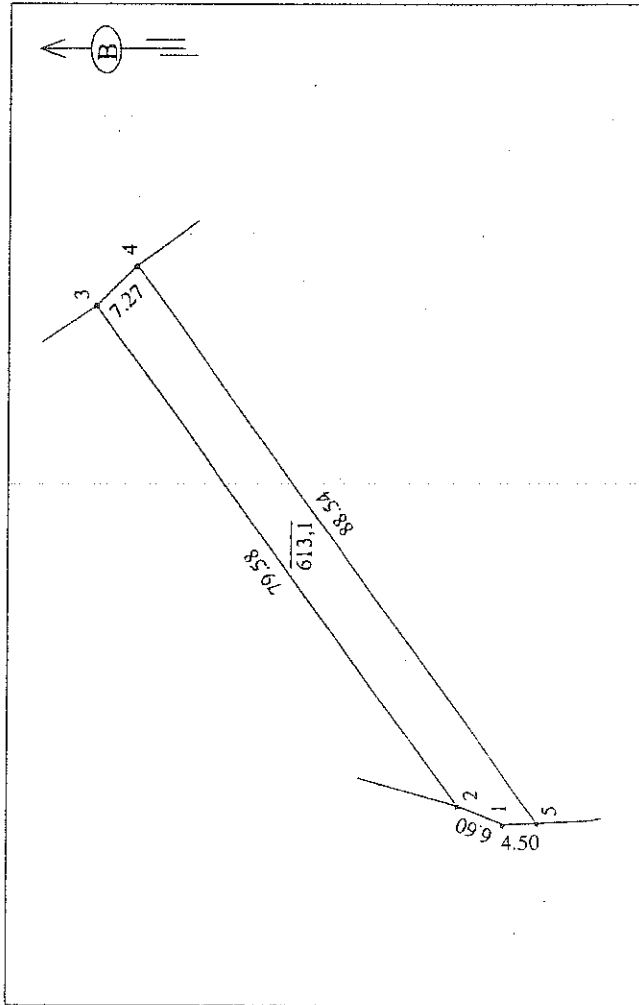
6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

5. Lập tháng 6/2019.

Theo phương án: Trích đo

8. SO ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322020.71	594553.90	6.60
2	2322026.86	594556.30	79.58
3	2322074.50	594620.04	7.27
4	2322069.21	594625.03	88.54
5	2322016.21	594554.11	4.50
1	2322020.71	594553.90	

Ngày tháng năm 2019

NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Ngày tháng năm 2019

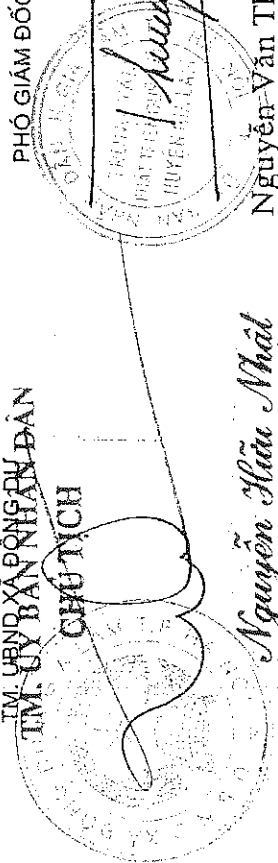
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

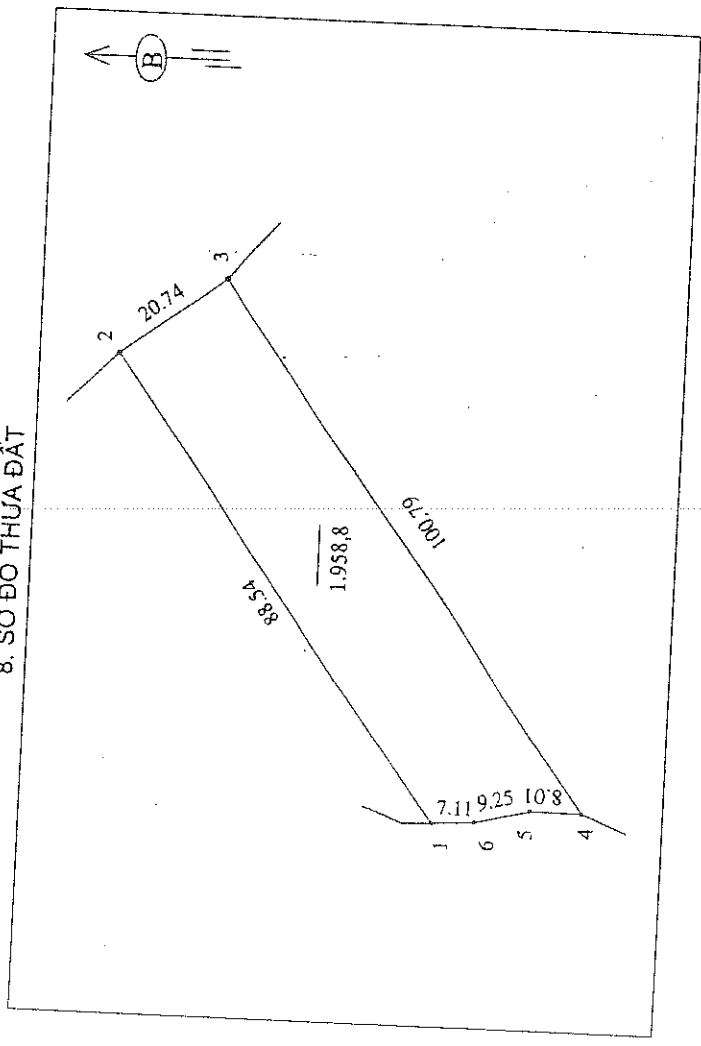
Đỗ Hoàng Hoàn

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II
 2. Tên người người thuê đất: Ông (Bà):
 3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng
 4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 1.958,8 m² (Một nghìn chín trăm tám mươi tám mét vuông).
 Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 1.
 5. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
 6. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.
 7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Thửa đất số: 44
 Ký hiệu đất công: B21-20
 Xã: Đông Dư
 Huyện: Gia Lâm
 Thành phố: Hà Nội
 Theo phương án: Trích do

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322016.21	594554.11	88.54
2	2322069.21	594625.03	20.74
3	2322052.42	594637.20	100.79
4	2321992.08	594556.47	8.01
5	2322000.09	594556.52	9.25
6	2322009.11	594554.45	7.11
1	2322016.21	594554.11	

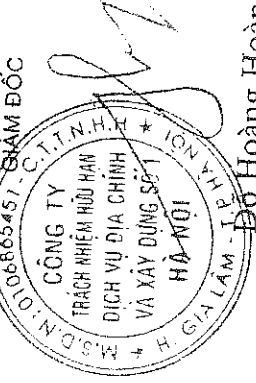
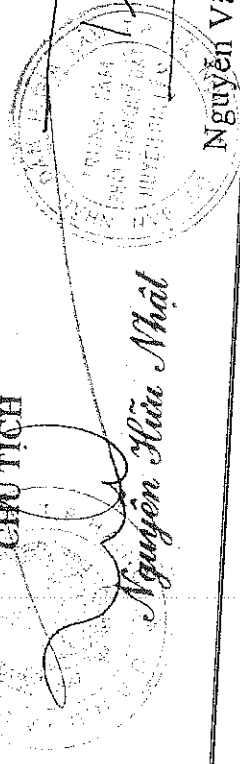
Ngày tháng năm 2019
 NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
 TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN
 CHU TỊCH

Ngày tháng năm 2019
 CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

Ngày tháng năm 2019
 CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI



Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: 42 Ký hiệu đất công: B21-21

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 1.546,6 m² (Một nghìn năm trăm bốn sáu phẩy sáu mét vuông).

Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 1.

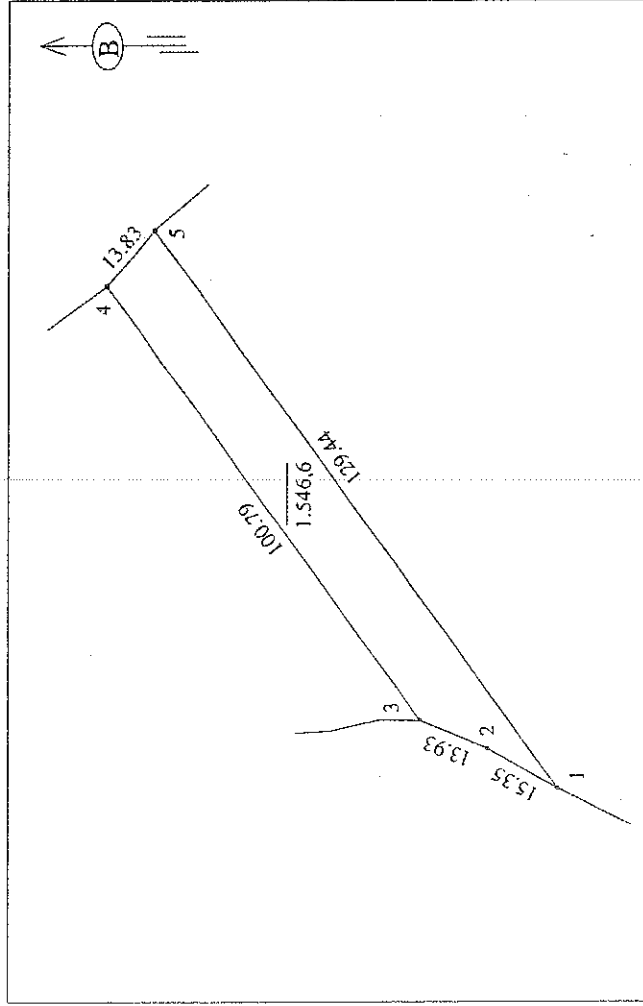
6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới đo chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

5. Lập tháng 6/2019.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321965.72	594543.84	15.35
2	2321979.15	594551.28	13.93
3	2321992.08	594556.47	100.79
4	2322052.42	594637.20	13.83
5	2322043.22	594647.52	129.44
1	2321965.72	594543.84	

Ngày tháng năm 2019

NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019

CHỦ TỊCH

Ngày tháng năm 2019

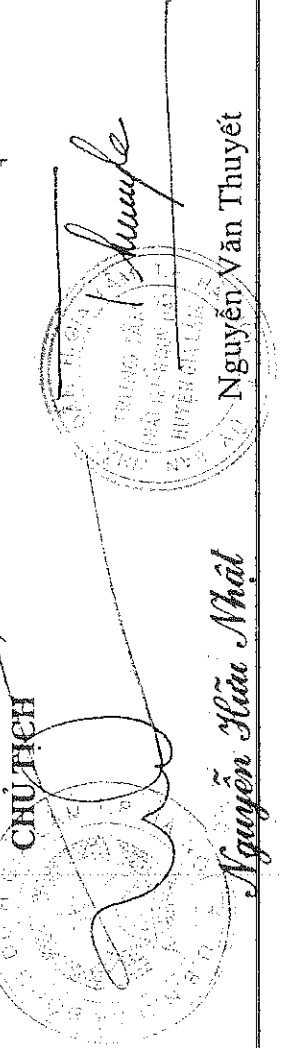
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

CÔNG TY TNHH DVDC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn

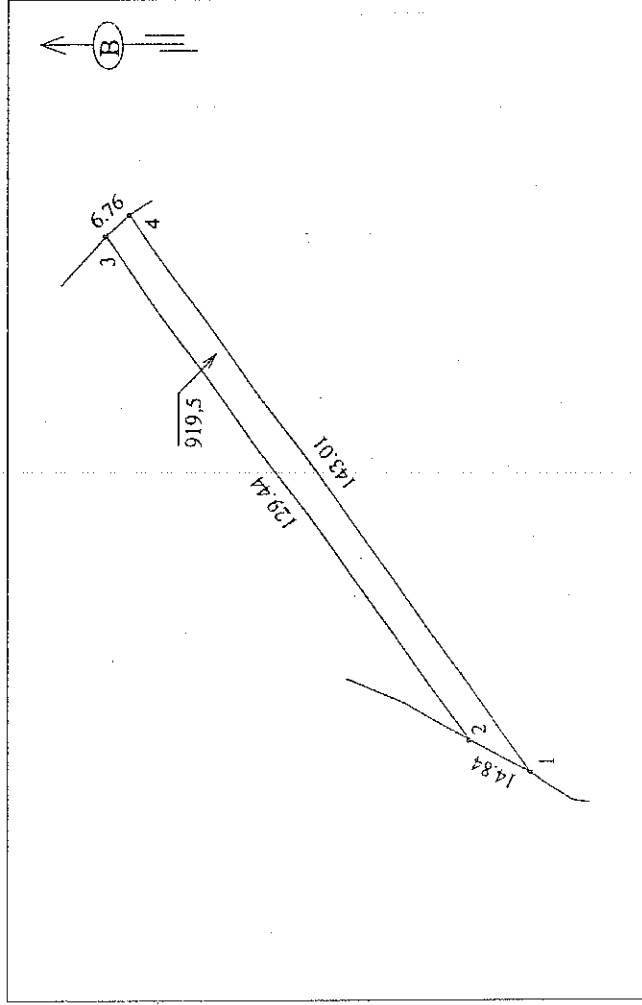


HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: 41 Ký hiệu đất công: B21-22
2. Tên người thuê đất: Ông (Bà): Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội
3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội
4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 919,5 m² (Chín trăm mười chín phẩy năm mét vuông).
Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,1.
5. Lập tháng 6/2019. Theo phương án: Trích đo
6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321952.40	594537.29	14,84
2	2321965.72	594543.84	129,44
3	2322043.22	594647.52	6,76
4	2322038.02	594651.84	143,01
1	2321952.40	594537.29	

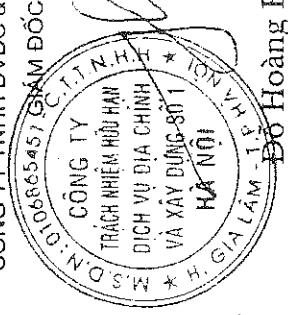
Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
T.M. **NGUYỄN VĂN THUYẾT**

CHỦ TỊCH
Nguyễn Hữu Nhật

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thuyết

Ngày tháng 6 năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
Ngày tháng 6 năm 2019
CÔNG TY TNHH DVBC & XD SỐ 1 HÀ NỘI



Đỗ Hoàng Hoàn

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-D_II Thửa đất số: 40 Ký hiệu đất công: B21-23

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm

Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 908,8 m² (Chín trăm linh tám phẩy tám mét vuông).

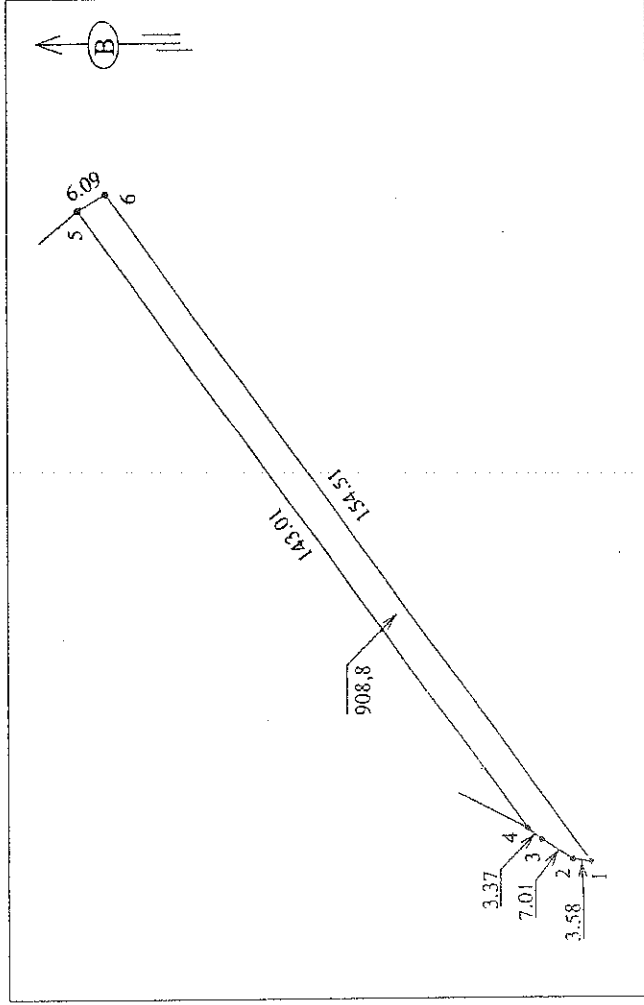
5. Lập tháng 6/2019.

Theo phương án: Trích đo

6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321940.23	594531.10	3.58
2	2321943.79	594531.52	7.01
3	2321949.75	594535.21	3.37
4	2321952.40	594537.29	143.01
5	2322038.02	594651.84	6.09
6	2322032.73	594654.86	154.51
1	2321940.23	594531.10	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

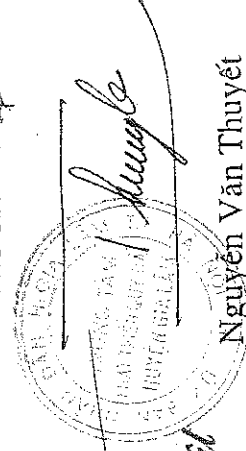
Ngày tháng năm 2019
TAM KIẾN ĐAN ĐOÀN ĐÀN
CHỦ TỊCH

Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

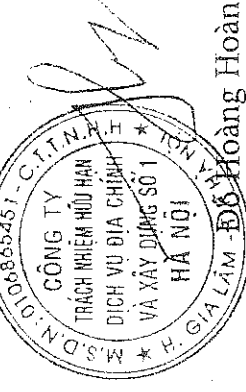
Ngày tháng năm 2019
CÔNG TY TNHH DVBC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nhật



Nguyễn Văn Thuyết



Đỗ Hoàng Hoàn



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: 36 Ký hiệu đất công: B21-27

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 827,2 m² (Tám trăm hai mươi bảy phẩy hai mét vuông).

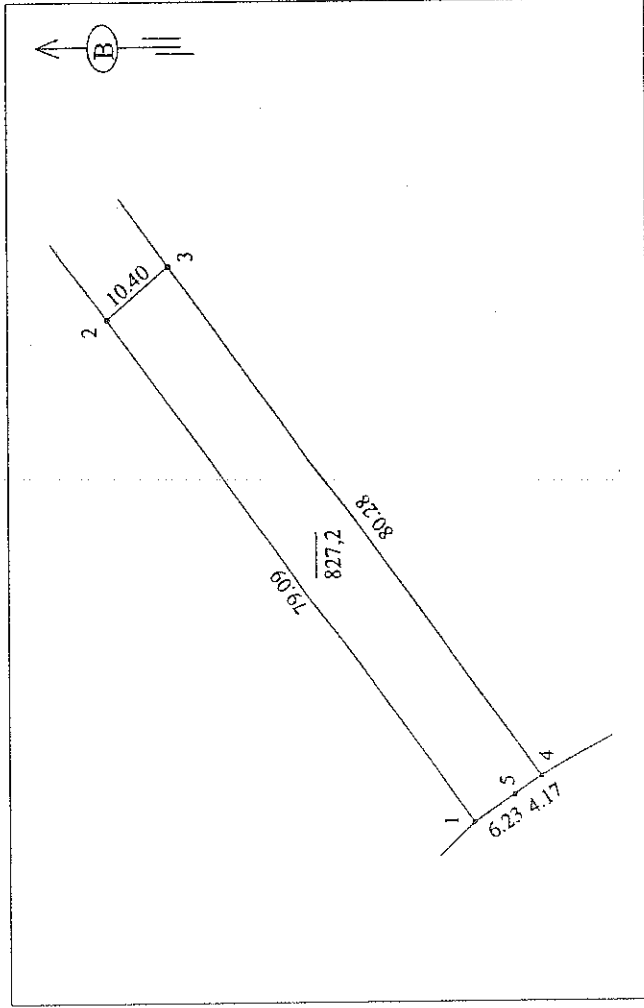
Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 1.

Theo phương án: Trích đo

6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÉ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321925.64	594542.74	79.09
2	2321972.99	594606.09	10.40
3	2321965.03	594612.78	80.28
4	2321916.97	594548.48	4.17
5	2321920.45	594546.18	6.23
1	2321925.64	594542.74	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
LƯU ỦY BAN ĐỒNG DÂN
CHỦ TỊCH

Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Văn Thuyết
Đỗ Hoàng Hoàn

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

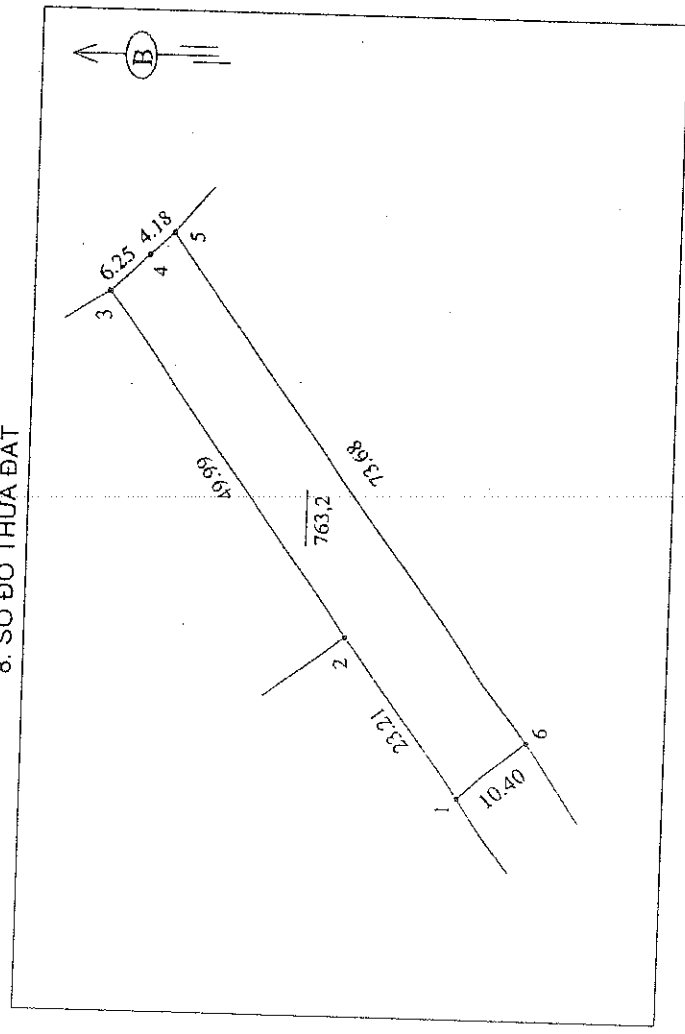
Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: 35 Ký hiệu đất công: B21-28 Số: HI/2019 - HSKT

Tên người thuê đất: Ông (Bà): Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 763,2 m² (Bảy trăm sáu mươi ba phẩy hai mét vuông).
 Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 1.
 Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
 Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

5. Lập tháng 6/2019.
 Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321972.99	594606.09	23.21
2	2321986.89	594624.68	49.99
3	2322016.81	594664.73	6.25
4	2322012.28	594669.04	4.18
5	2322009.14	594671.80	73.68
6	2321965.03	594612.78	10.40
1	2321972.99	594606.09	

Ngày tháng năm 2019
 NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
 TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM

Ngày tháng năm 2019
 CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

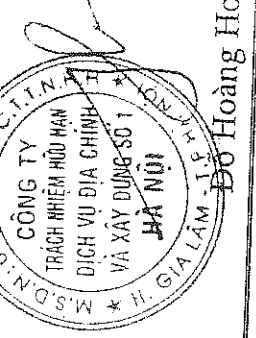
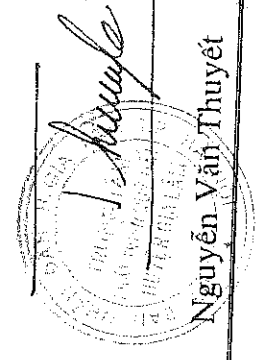
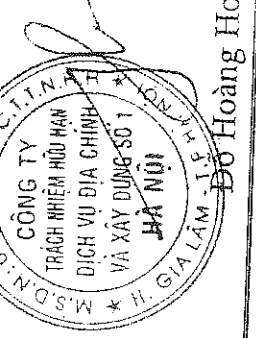
Ngày tháng năm 2019
 CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

Ngày tháng năm 2019
 ỦY BAN XÃ ĐÔNG DƯ

PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Văn Thuyết

PHÓ GIÁM ĐỐC
 ĐỖ HOÀNG HOÀN

Nguyễn Hữu Nhật



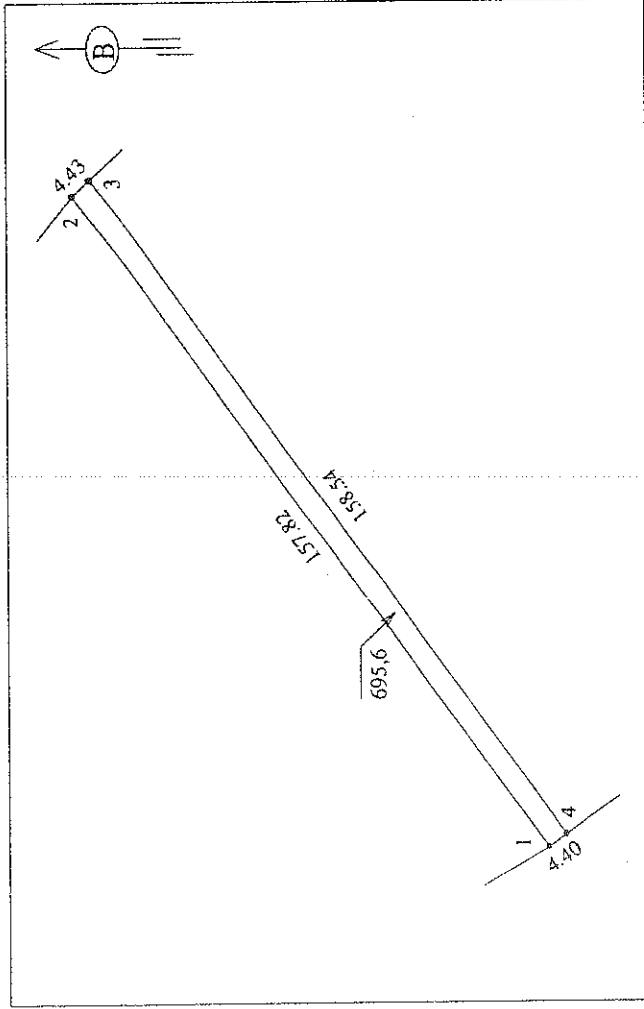
HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

Số: HI/2019 - HSICT

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: 33(1) Ký hiệu đất công: B21-30
 2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):
 3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội
 4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 695,6 m² (Sáu trăm chín mươi lăm phẩy sáu mét vuông).
 Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 1.
 5. Lập tháng 6/2019. Theo phương án: Trích đo

6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
 7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321907.36	594553.87	157.82
2	2322001.84	594680.28	4.43
3	2321998.65	594683.36	158.54
4	2321903.74	594556.37	4.40
1	2321907.36	594553.87	

Ngày tháng năm 2019
 NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
 CHỦ TỊCH

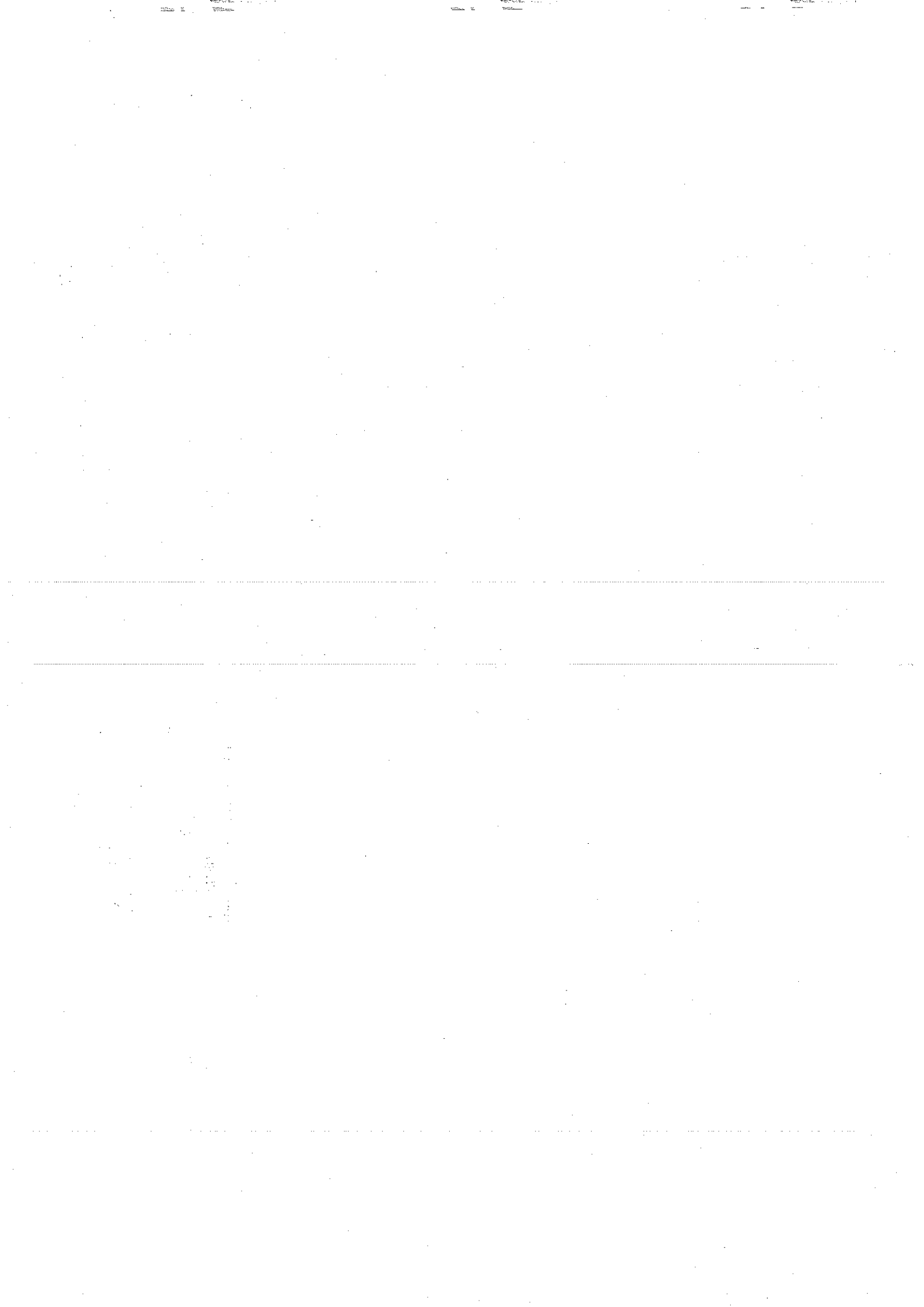
Ngày tháng năm 2019
 TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
 PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019
 CÔNG TY TNHH DVBC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
 PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn



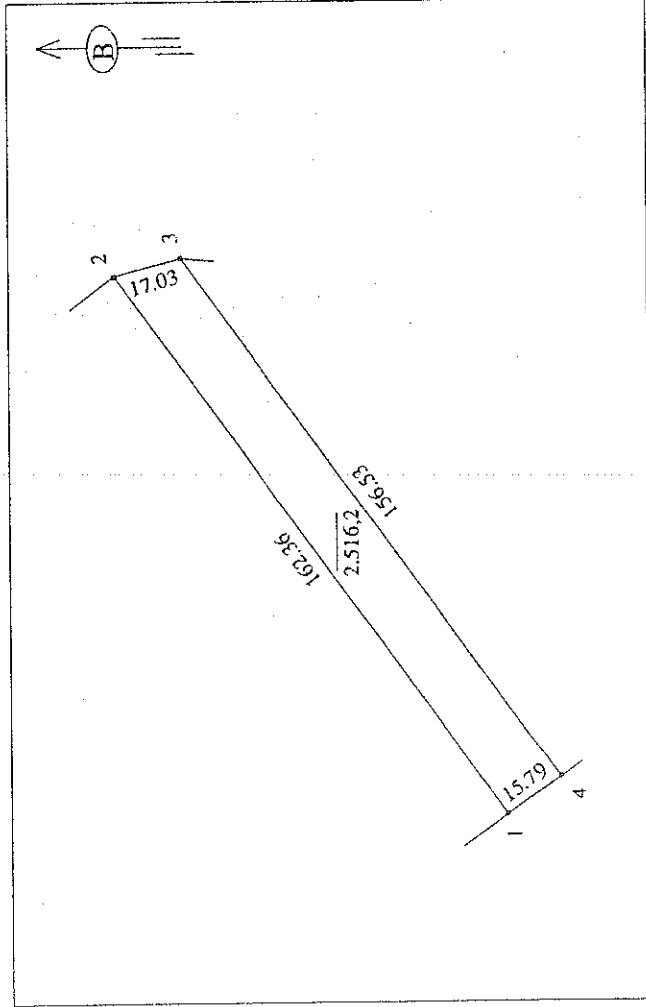
HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: 29 Ký hiệu đất công: B21-34
2. Tên người thuê đất: Ông (Bà): Vũ Minh Hoàn Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội
3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng
4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 2.516,2 m² (Hai nghìn năm trăm mười sáu phẩy hai mét vuông).
5. Lập tháng 6/2019. Theo phương án: Trích đo

6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321872.88	594577.68	162.36
2	2321970.08	594707.73	17.03
3	2321953.60	594712.04	156.33
4	2321859.89	594586.66	15.79
1	2321872.88	594577.68	

Ngày tháng năm 2019

NGƯỜI THUÊ ĐẤT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

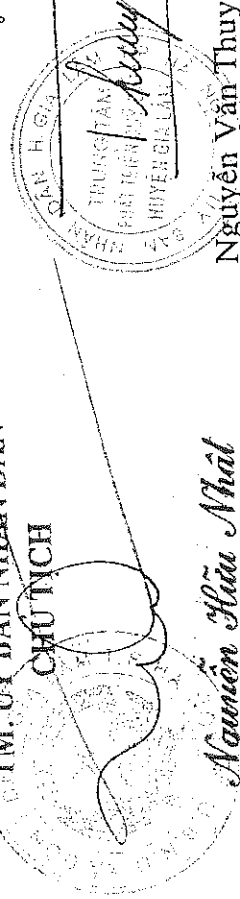
GIÁM ĐỐC

Ngày tháng 6 năm 2019

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM

Ngày tháng 6 năm 2019

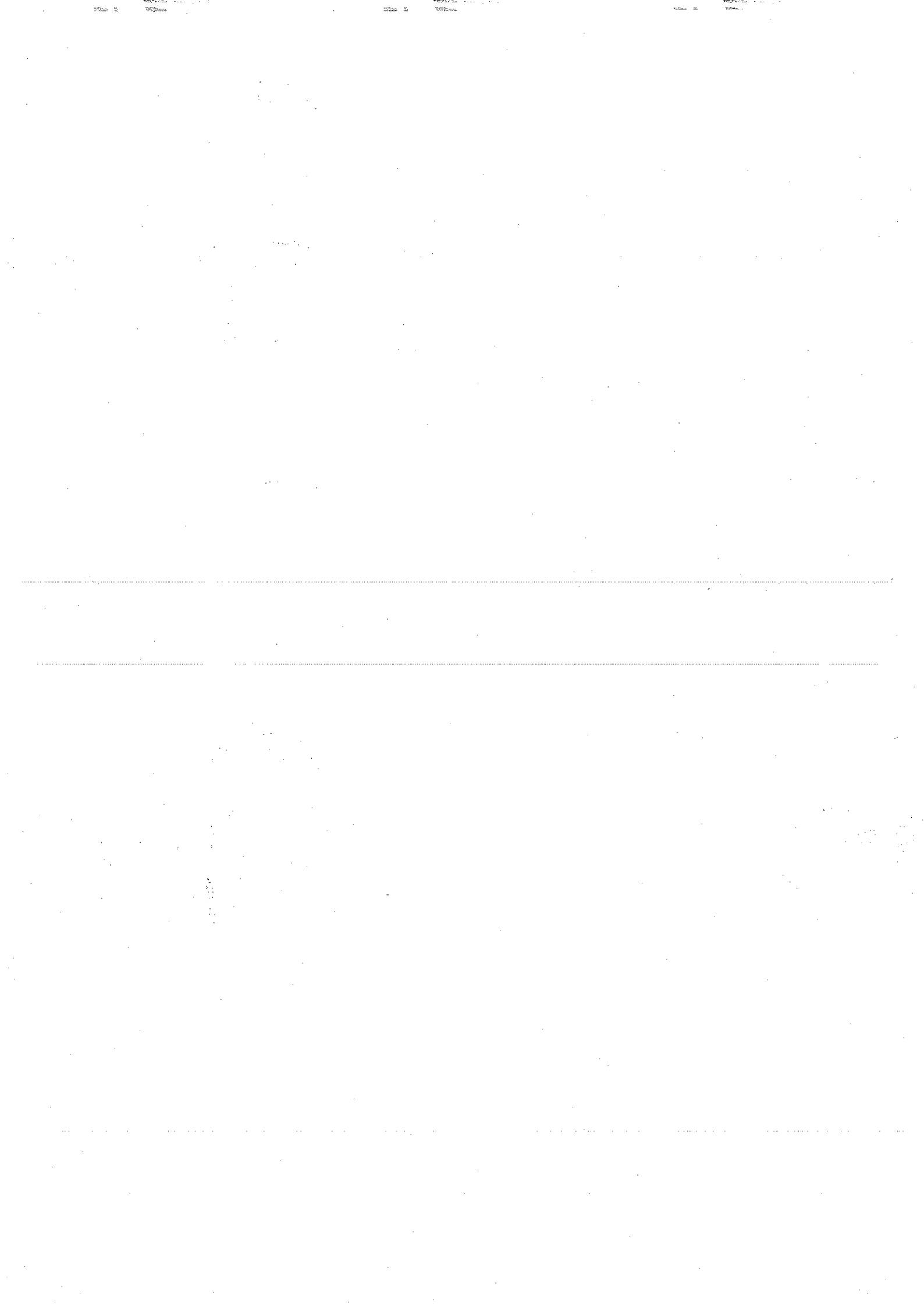
CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI



Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

Số: HI/2019 - HSET

- Tờ bản đồ số: 20-D-II
- Tên người thuê đất: Ông (Bà):
- Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng
- Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 959,8 m² (Chín trăm năm mươi chín phẩy tám mét vuông).
- Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,1.
- Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
- Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Thửa đất số: 28 Ký hiệu đất công: B21-35

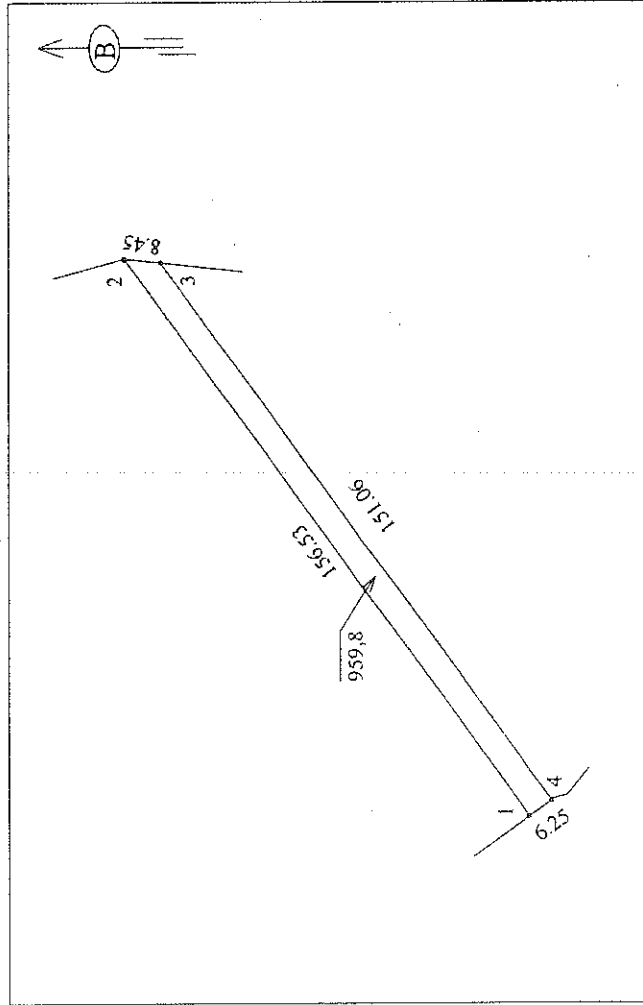
Xã: Đông Du Huyện: Gia Lâm

Thành phố: Hà Nội

5. Lập tháng 6/2019.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321859.89	594586.66	156.53
2	2321953.60	594712.04	8.45
3	2321945.19	594711.21	151.06
4	2321854.75	594590.21	6.25
1	2321859.89	594586.66	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
CHỦ TỊCH

Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM

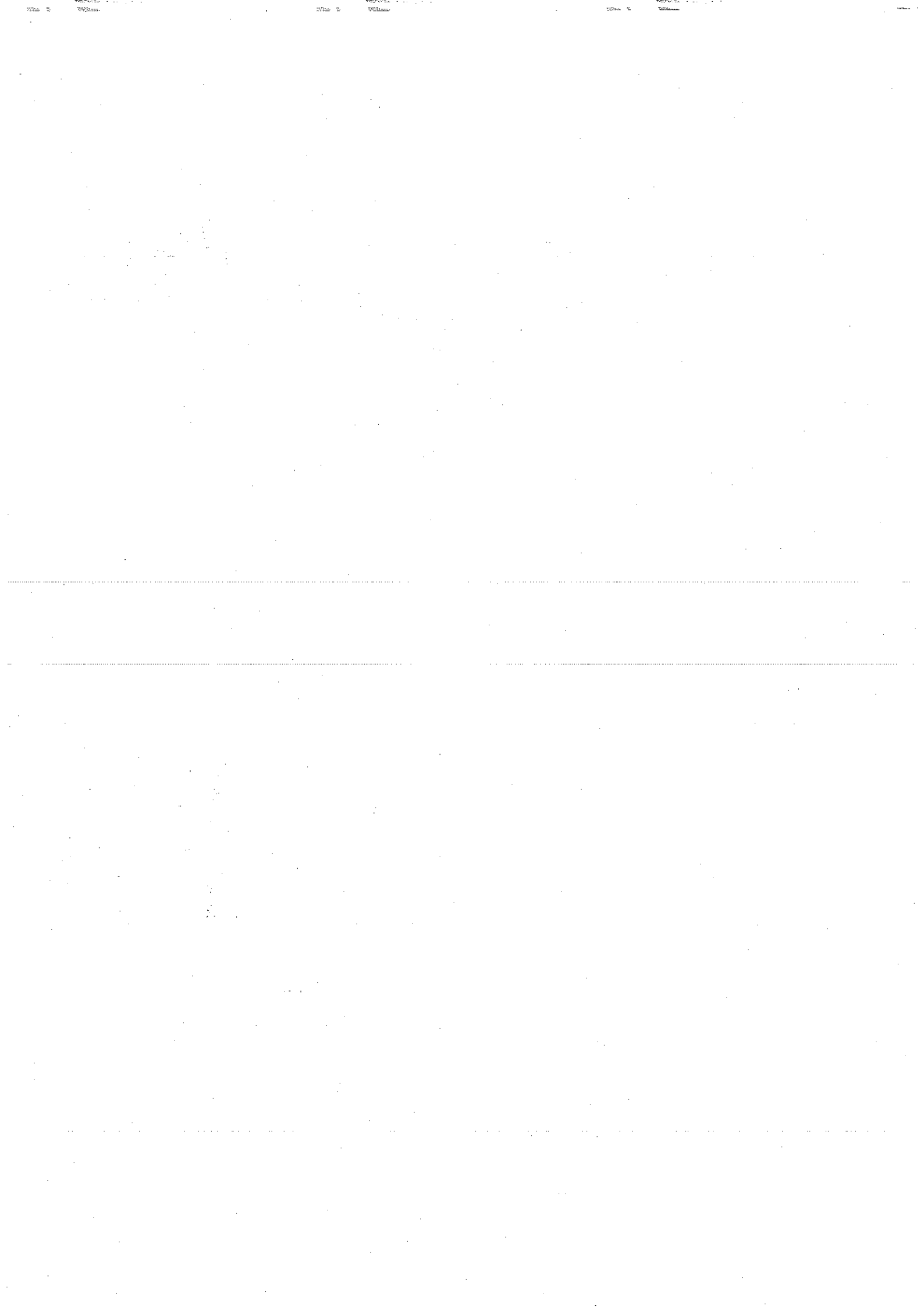
Ngày tháng năm 2019

CÔNG TY TNHH DVBC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
M.S.D.N: 01098605457 - GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THUYẾT
NGUYỄN HỮU NHẬT

PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN THUYẾT

GIÁM ĐỐC
ĐỖ HOÀNG HOÀN



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

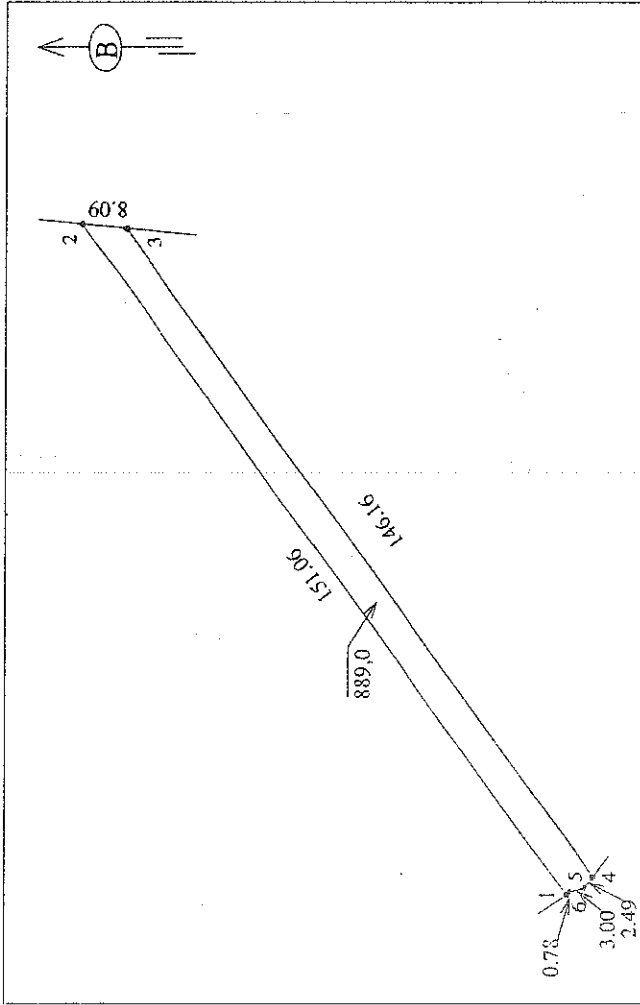
Số: H1/2019 - HSKET

- Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: 27 Ký hiệu đất công: B21-36
- Tên người thuê đất: Ông (Bà): Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội
- Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội
- Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 889,0 m² (Tám trăm tám mươi chín mét vuông).
- Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,1.
- Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
- Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Theo phương án: Trích đo

5. Lập tháng 6/2019.

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321854.75	594590.21	151.06
2	2321945.19	594711.21	8.09
3	2321937.14	594710.41	146.16
4	2321849.64	594593.34	2.49
5	2321851.21	594591.41	3.00
6	2321854.11	594590.65	0.78
1	2321854.75	594590.21	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

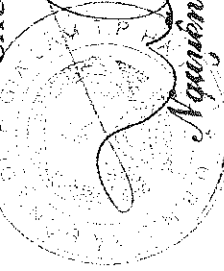
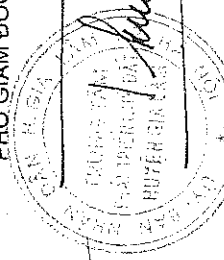
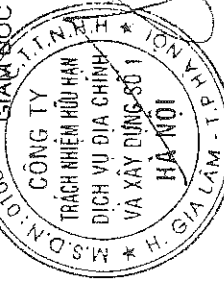
Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H.GIA LÂM

Ngày tháng năm 2019
CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H.GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

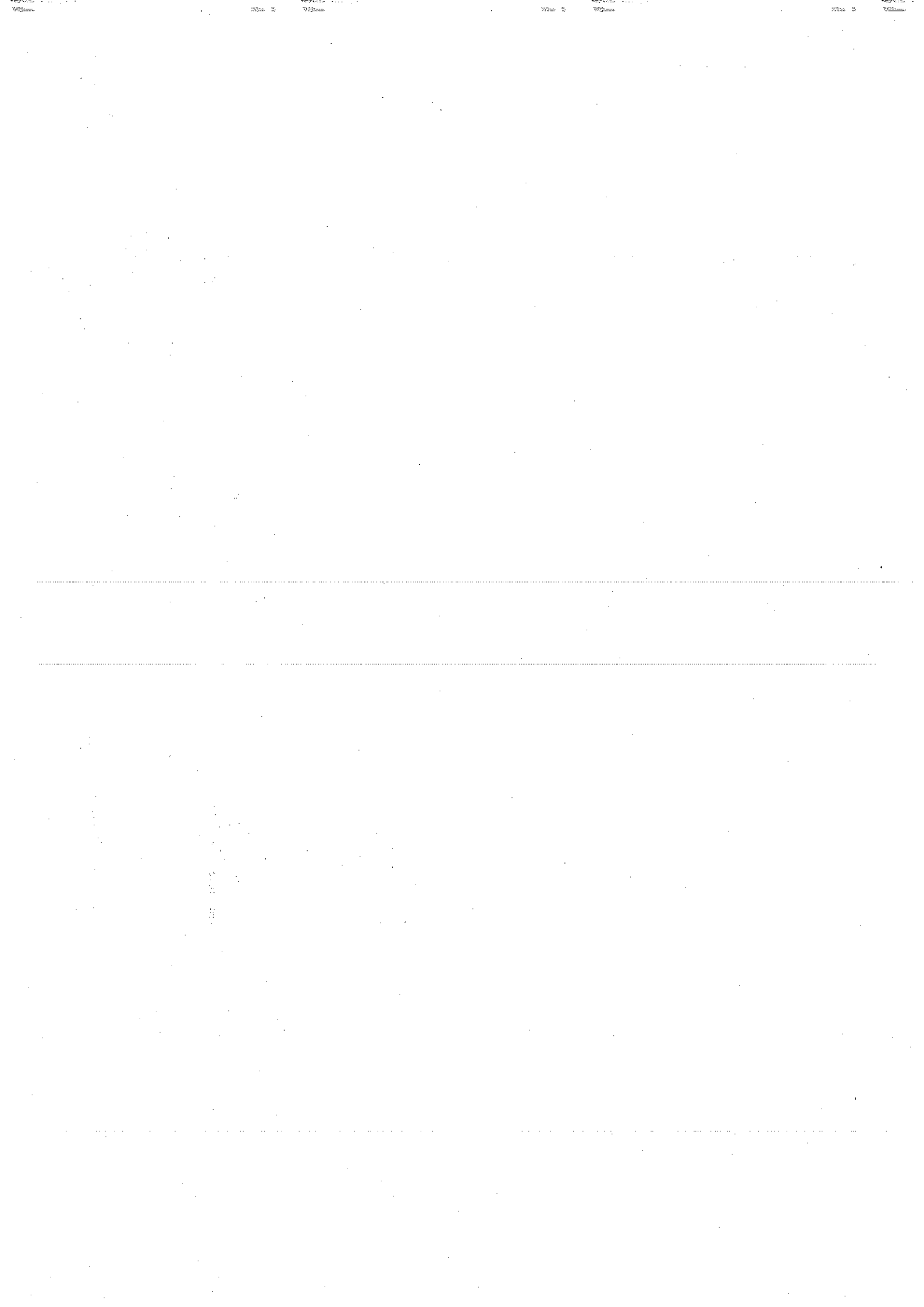
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H.GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H.GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

- Tờ bản đồ số: 20-D-II
- Tên người thuê đất: Ông (Bà):
- Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng
- Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 703,1 m² (Bảy trăm linh ba phẩy một mét vuông).
- Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,1.
- Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
- Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Thửa đất số: 26

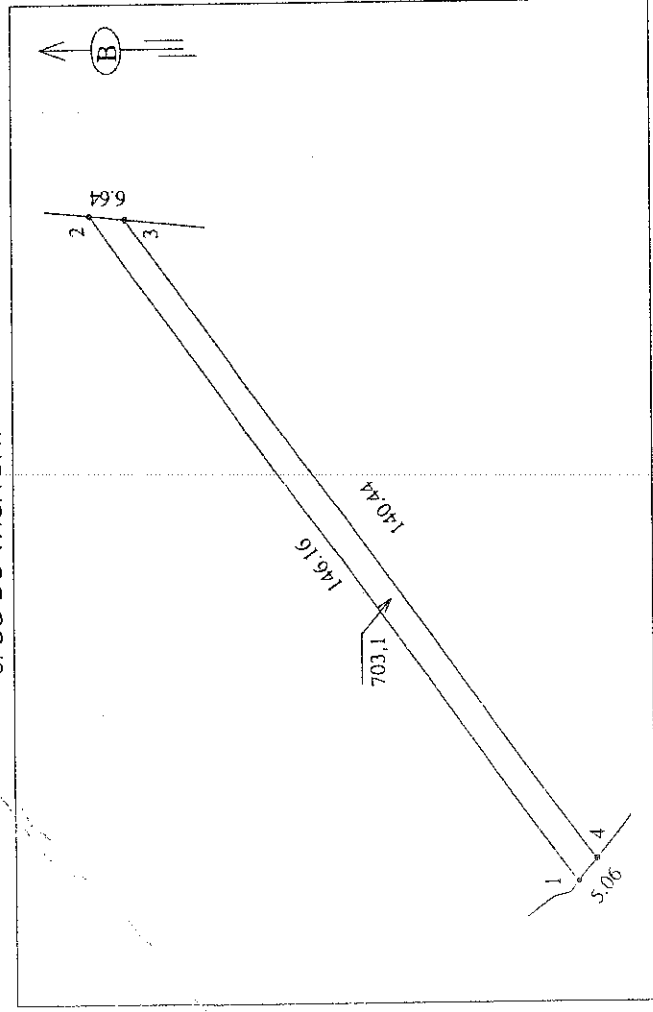
Huyện: Gia Lâm

Thành phố: Hà Nội

5. Lập tháng 6/2019.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321849,64	594593,34	146,16
2	2321937,14	594710,41	6,64
3	2321930,53	594709,76	140,44
4	2321846,45	594597,27	5,06
1	2321849,64	594593,34	

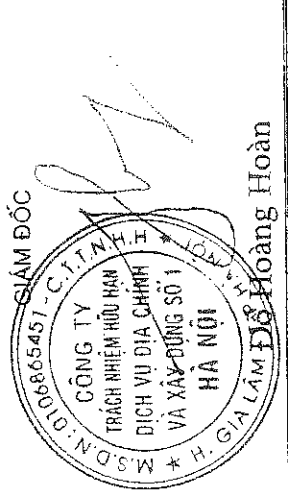
Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019
CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

CHỦ TỊCH
Nguyễn Hữu Nhật

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thuyết



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

1. Từ bản đồ số: 20-D-II

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng

Xã: Đông Dư

Huyện: Gia Lâm

Thành phố: Hà Nội

Ký hiệu đất công: B21-38

Số:

HI/2017

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 564,1 m² (Năm trăm sáu mươi bốn phẩy một mét vuông).
Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 1.

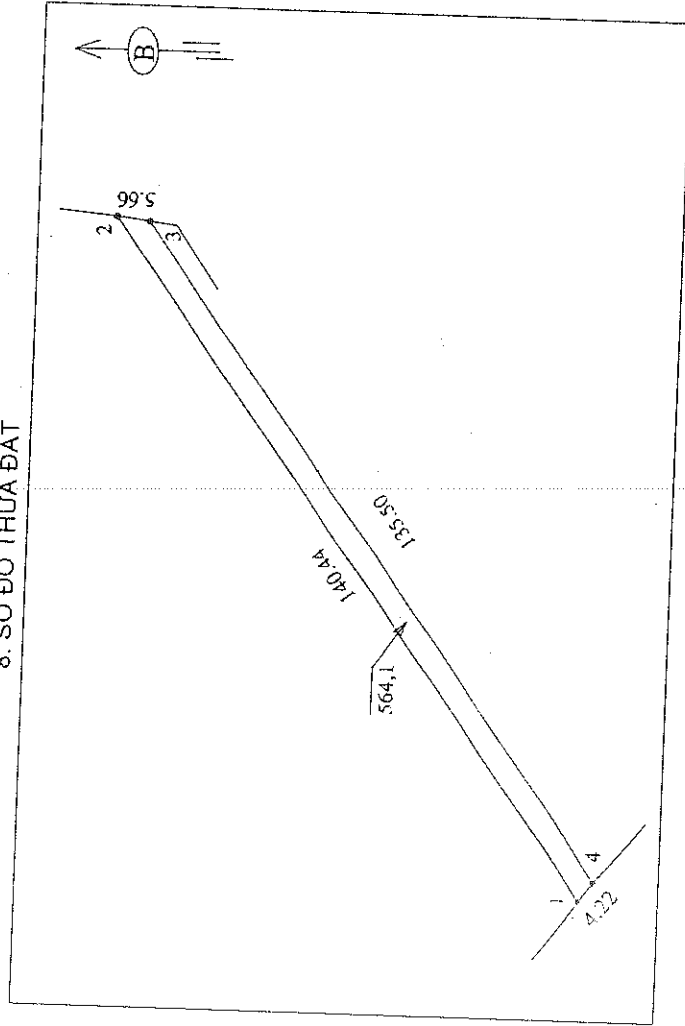
6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

5. Lập tháng 6/2019.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321846.45	594597.27	140.44
2	2321930.53	594709.76	5.66
3	2321924.91	594709.07	135.50
4	2321843.79	594600.54	4.22
1	2321846.45	594597.27	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019

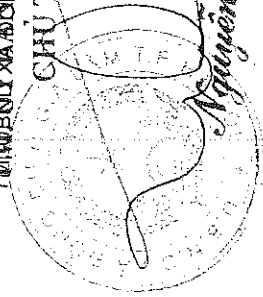
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

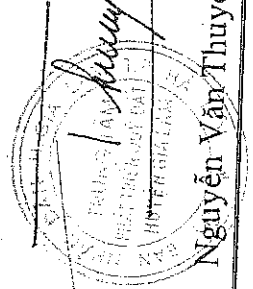
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

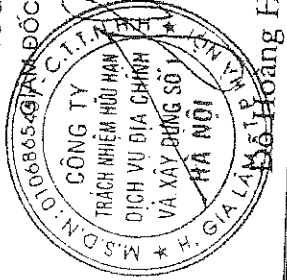
CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI



Nguyễn Hữu Nhật



Nguyễn Văn Thuyết



Đỗ Hoàng Hoàn



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: 23 Ký hiệu đất công: B21-40

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà): Đ

3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm

Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 882,5 m² (Tám trăm tám hai phẩy năm mét vuông).

5. Lập tháng 6/2019.

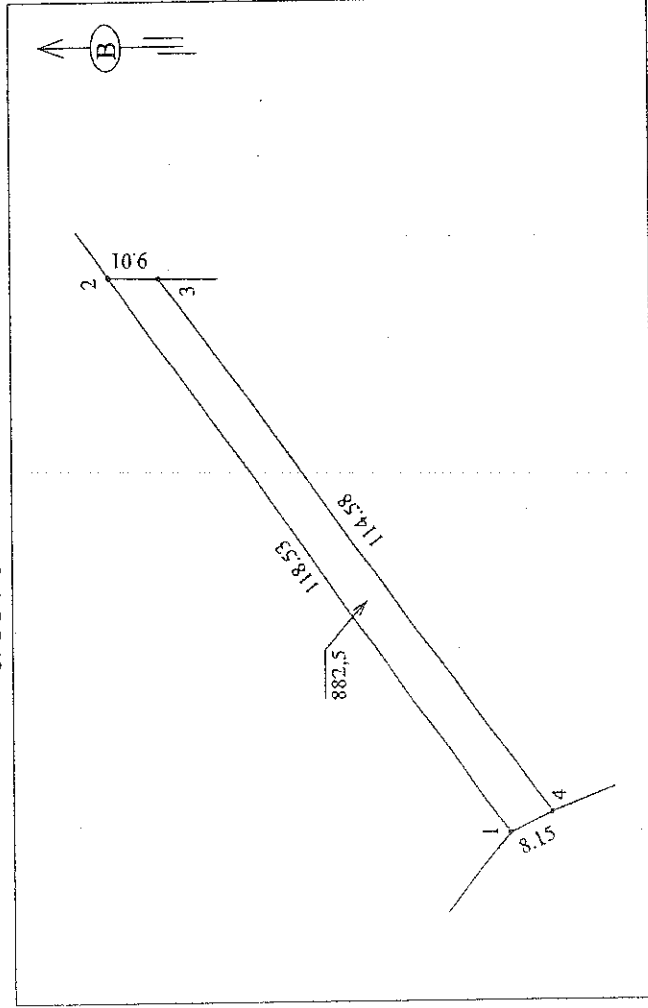
Theo phương án: Trích đo

6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất

không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321842.21	594602.48	118.53
2	2321912.47	594697.94	9.01
3	2321903.46	594697.78	114.58
4	2321834.86	594606.00	8.15
1	2321842.21	594602.48	

Ngày tháng năm 2019

NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀ PHÂN CHIA ĐẤT

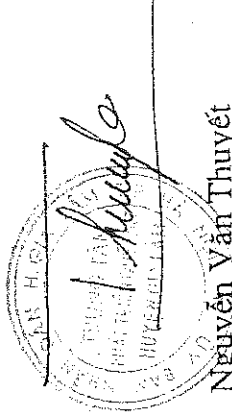
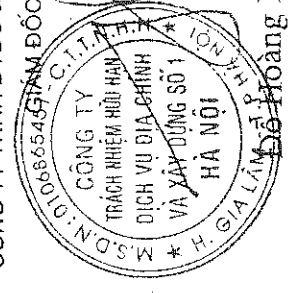
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H.GIA LÂM

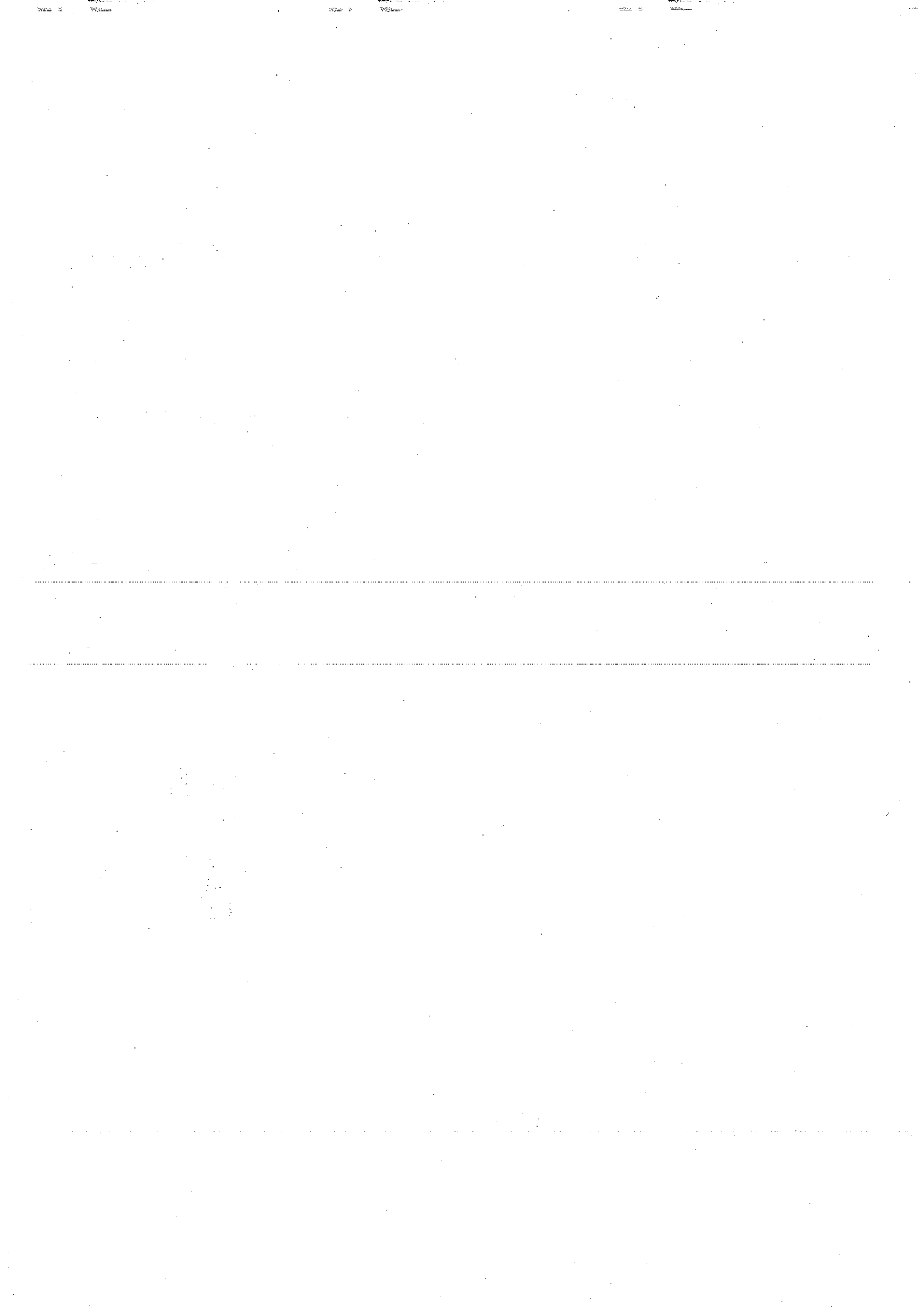
Ngày tháng năm 2019

CÔNG TY TNHH DVDC & XD SỐ 1 HÀ NỘI



Nguyễn Hữu Nhật

Đỗ Hoàng Hoàn



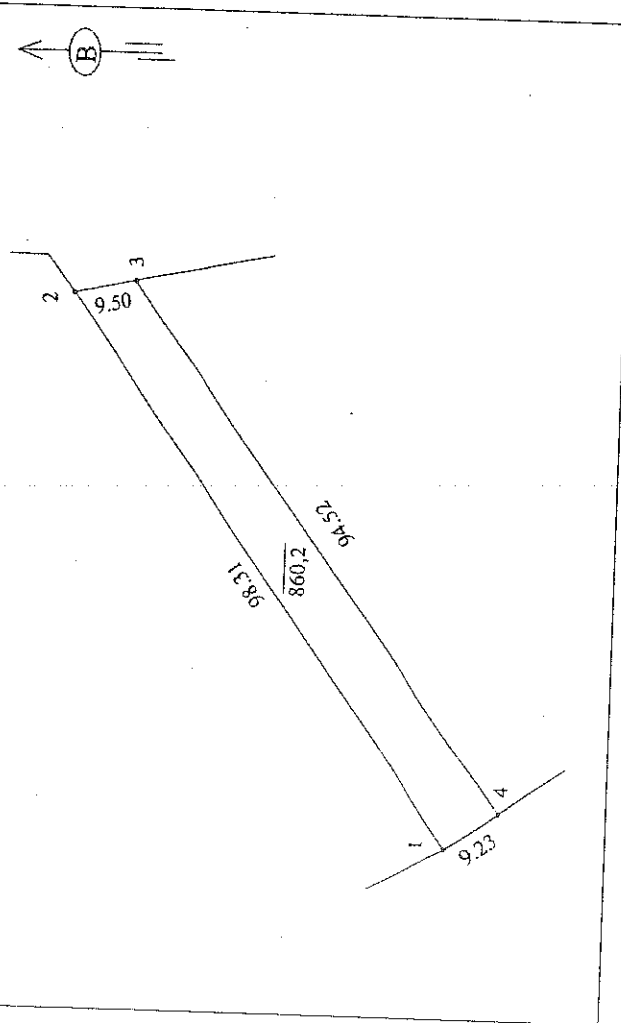
HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Thửa đất số: 20 Thửa đất công: B21-43 Số: HI/2019 - HSKT

Thị trấn: Đông Hưng Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

5. Lập tháng 6/2019. Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

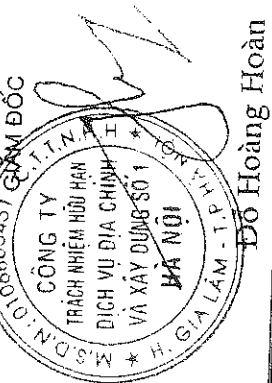
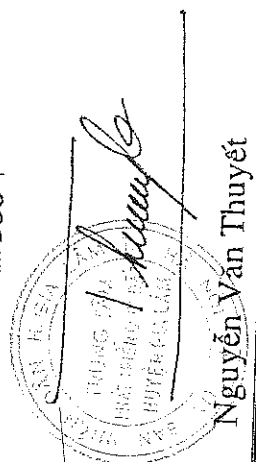
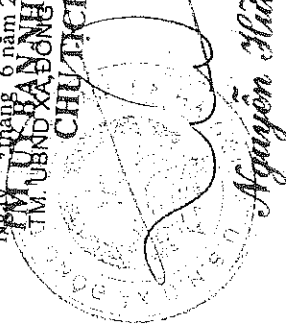
TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321819.06	594612.97	98.31
2	2321877.41	594692.09	9.50
3	2321868.10	594693.99	94.52
4	2321811.51	594618.28	9.23
1	2321819.06	594612.97	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUẾ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
CHỦ TỊCH

Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019
CÔNG TY TNHH DVBC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn

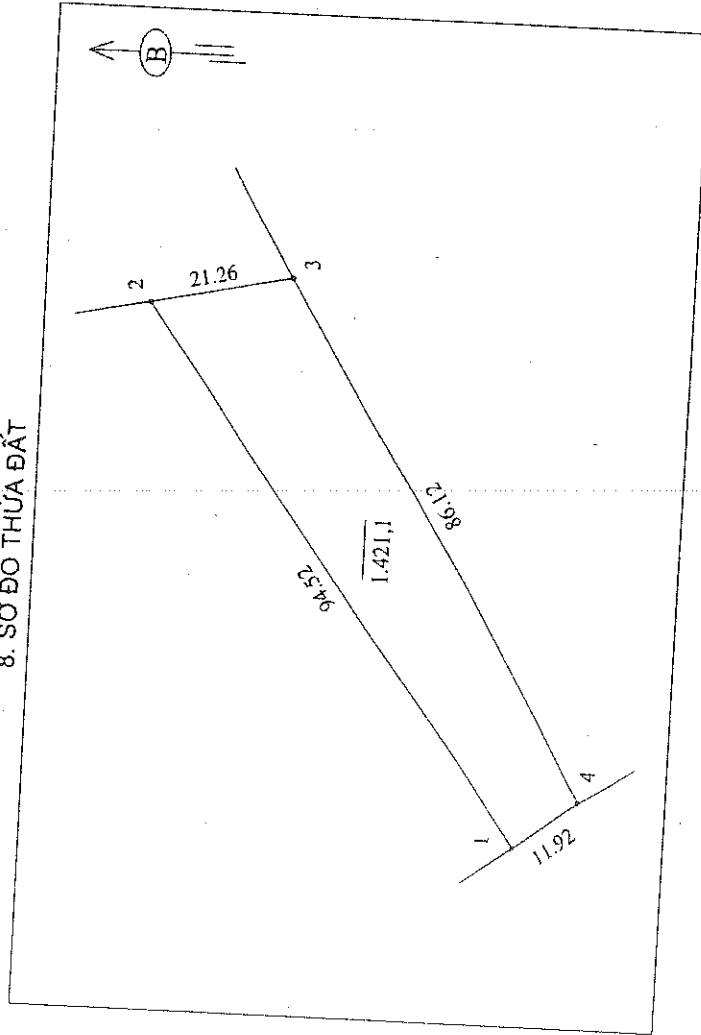


HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II
2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):
3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng
4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 1.421,1 m² (Một nghìn bốn trăm hai mươi mốt mét vuông).
5. Lập tháng 6/2019.
6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Thửa đất số: 19
Ký hiệu đất công: B21-44
Xã: Đông Dư
Huyện: Gia Lâm
Thành phố: Hà Nội
Số: HI/2019 - HSK.1
Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KẾ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321811.51	594618.28	94.52
2	2321868.10	594693.99	21.26
3	2321847.27	594698.24	86.12
4	2321801.76	594625.13	11.92
1	2321811.51	594618.28	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH
Nguyễn Hữu Nhật

Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019
CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC
HÀ NỘI
GIA LÂM - T. H. H. T.
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 DỊCH VỤ ĐỊA CHÍNH
VÀ XÂY DỰNG SỐ 1
H. GIA LÂM - T. H. H. T.

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II
2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):
3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng
4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 1.201,3 m² (Một nghìn hai trăm linh một phẩy ba mét vuông).
5. Lập tháng 6/2019.
6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Thửa đất số: 18

Ký hiệu đất công: B21-45

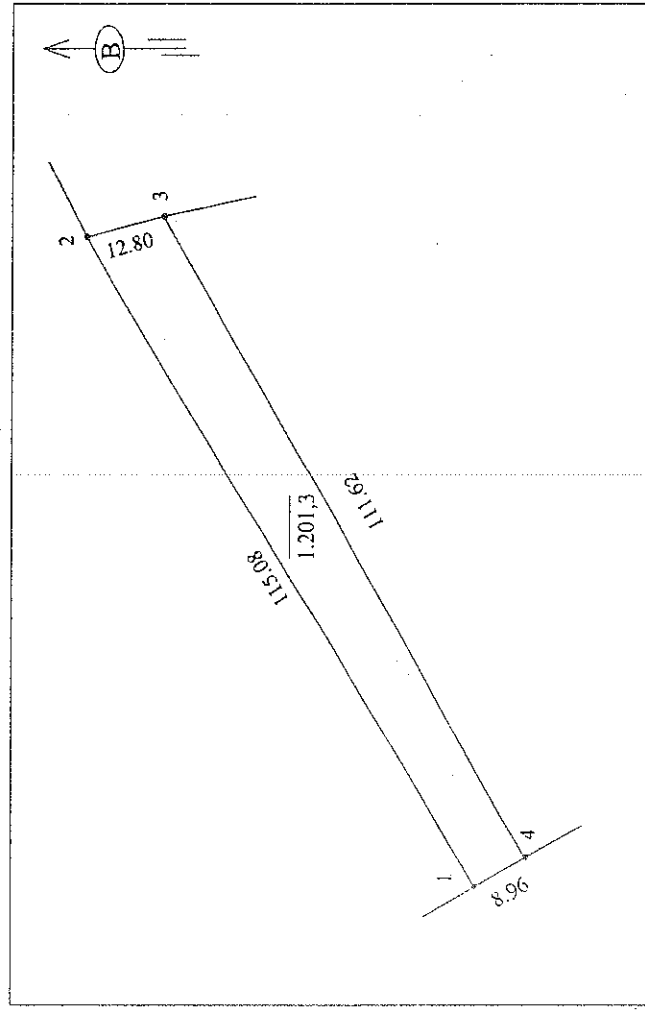
Xã: Đông Dư

Huyện: Gia Lâm

Thành phố: Hà Nội

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321799,68	594626,36	115,08
2	2321860,45	594724,09	12,80
3	2321848,04	594727,22	111,62
4	2321791,88	594630,76	8,96
1	2321799,68	594626,36	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019
CÔNG TY TNHH DVBC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

TỈNH ỦY HÀ NỘI
CHI TỊCH

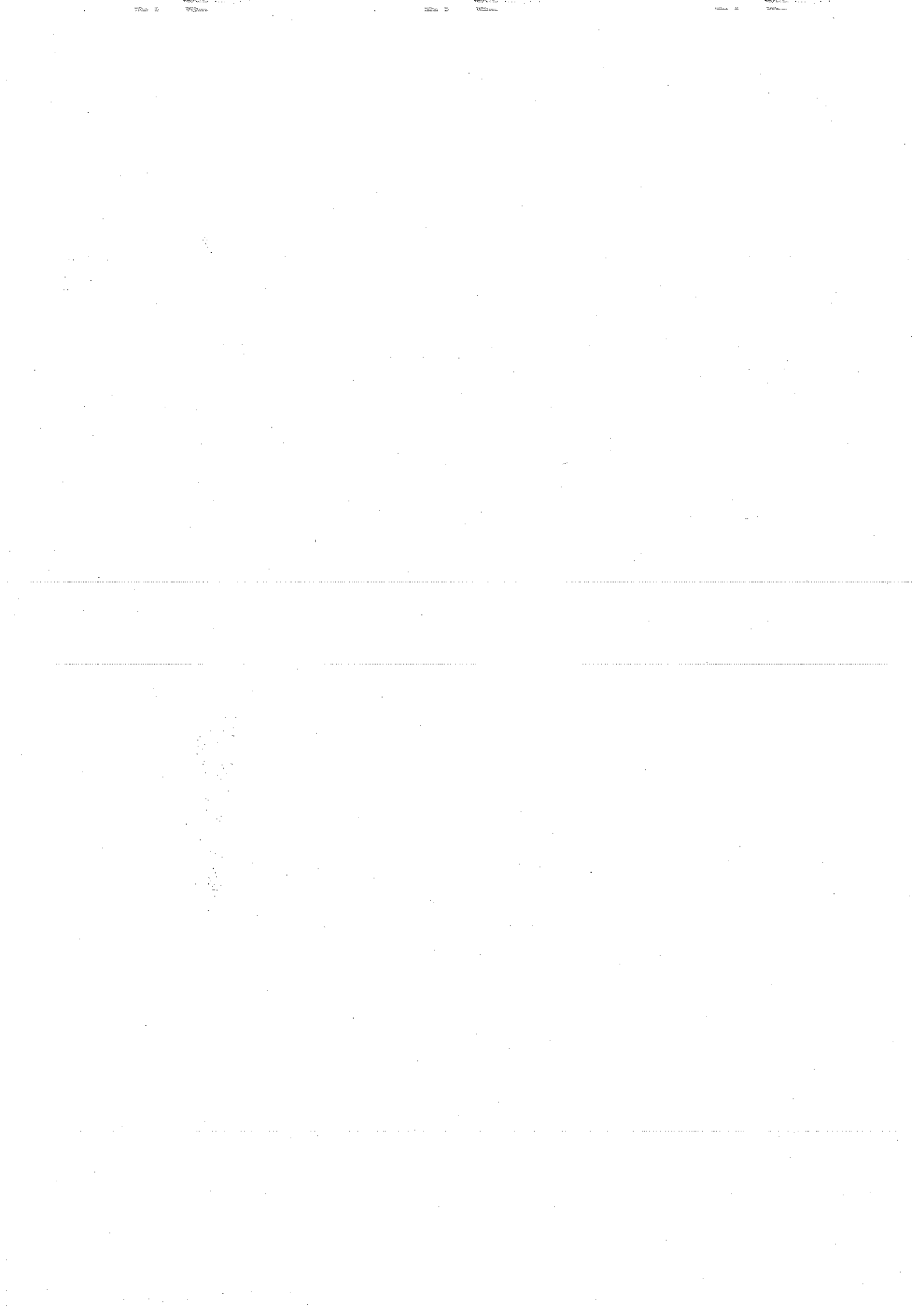
Nguyễn Hữu Nhật

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thuyết

CÔNG TY TNHH DVBC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Hoàng Hoàn



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: 17 Ký hiệu đất công: B21-46

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 963,0 m² (Chín trăm sáu ba phẩy không mét vuông).

Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 1.

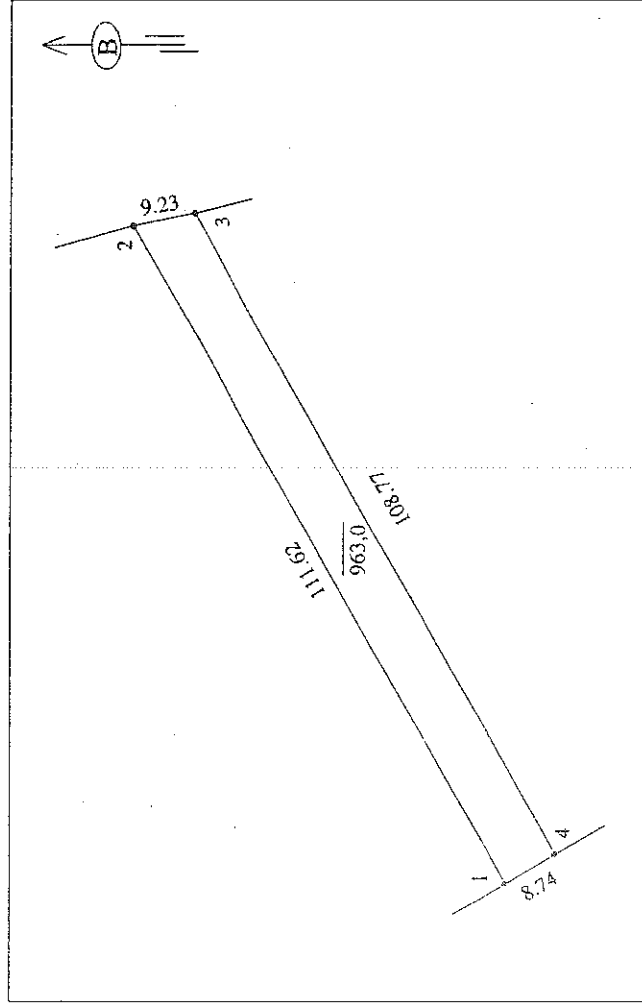
6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

5. Lập tháng 6/2019.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



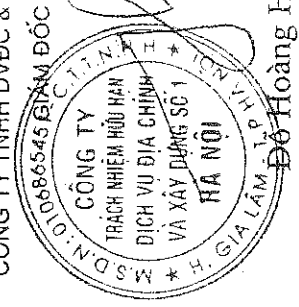
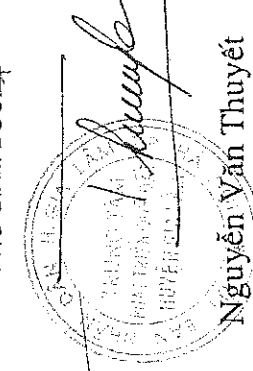
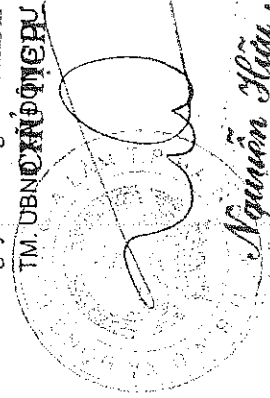
9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321791.88	594630.76	111.62
2	2321848.04	594727.22	9.23
3	2321839.00	594729.06	108.77
4	2321784.27	594635.06	8.74
1	2321791.88	594630.76	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT H.GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019
CÔNG TY TNHH DVBC & XD SỐ 1 HÀ NỘI



Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

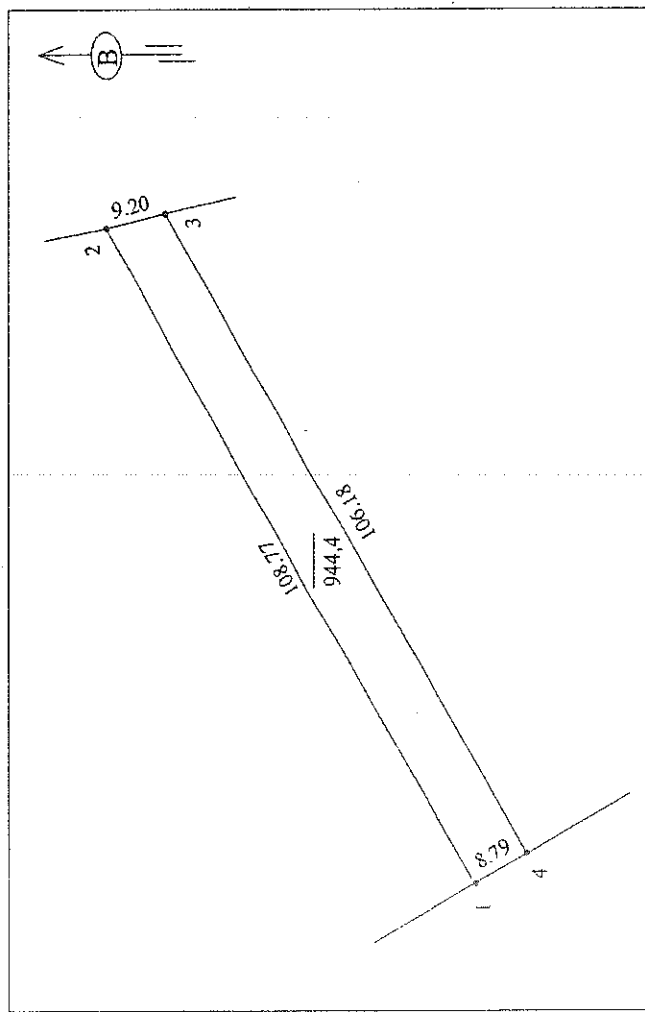
Số: HI/2019 - HSKT

- Tờ bản đồ số: 20-D-II Thửa đất số: 16 Ký hiệu đất công: B21-47
- Tên người thuê đất: Ông (Bà):
- Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội
- Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 944,4 m² (Chín trăm bốn mươi bốn phẩy không mét vuông).
Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 1.
- Hố sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
- Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Theo phương án: Trích đo

5. Lập tháng 6/2019.

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321784,27	594635,06	108,77
2	2321839,00	594729,06	9,20
3	2321830,04	594731,14	106,18
4	2321776,62	594639,38	8,79
1	2321784,27	594635,06	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng 6 năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H.GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

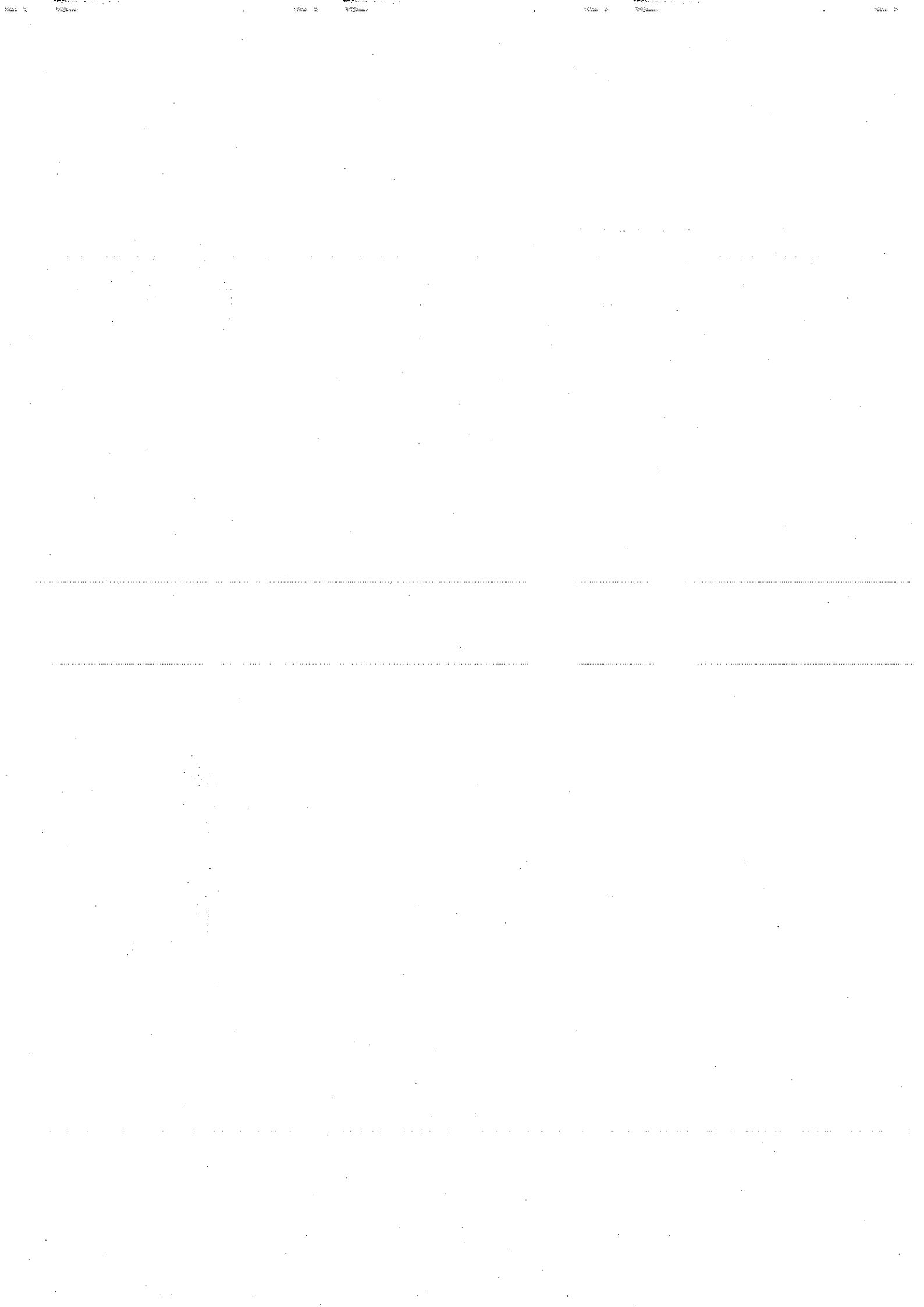
Ngày tháng 6 năm 2019

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H.GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Văn Thuyết

CÔNG TY TƯ VẤN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ ĐỊA CHÍNH
VÀ XÂY DỰNG SỞ
HÀ NỘI
H. GIA LÂM - T.P. HÀ NỘI

Đỗ Hoàng Hoàn



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

Thửa đất số: 10

1. Từ bản đồ số: 20-D-II

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

3. Địa chỉ: Khu Bãi bồi ven Sông Hồng

Xã: Đông Dư

Huyện: Gia Lâm

Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 2.607,2 m² (Hai nghìn sáu trăm linh bảy phẩy hai mét vuông).

Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 1.

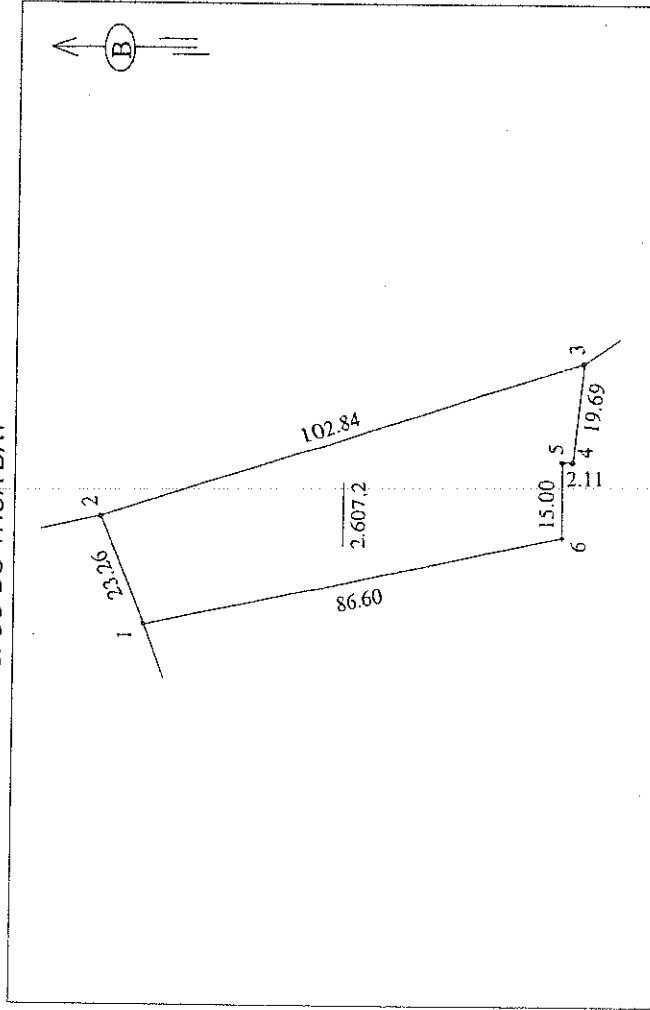
6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

5. Lập tháng 6/2019.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321810,24	594712,12	23,26
2	2321819,46	594733,47	102,84
3	2321721,33	594764,23	19,69
4	2321723,44	594744,65	2,11
5	2321725,55	594744,66	15,00
6	2321725,43	594729,66	86,60
1	2321810,24	594712,12	

Ngày tháng năm 2019

NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Ngày tháng năm 2019

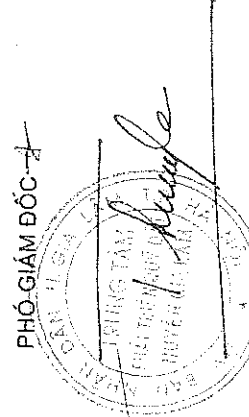
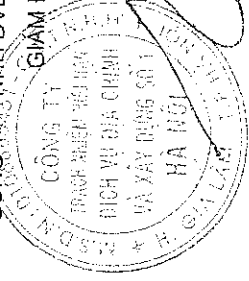
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT H. GIA LÂM

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

CÔNG TY TNHH DVDC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

Ký hiệu đất công: B21 - 53

Thửa đất số: 11

1. Tờ bản đồ số: 20-D-II

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

Xã: Đông Dư

Huyện: Gia Lâm

Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 2.905,8 m² (Hai nghìn chín trăm linh năm phẩy tám mét vuông).

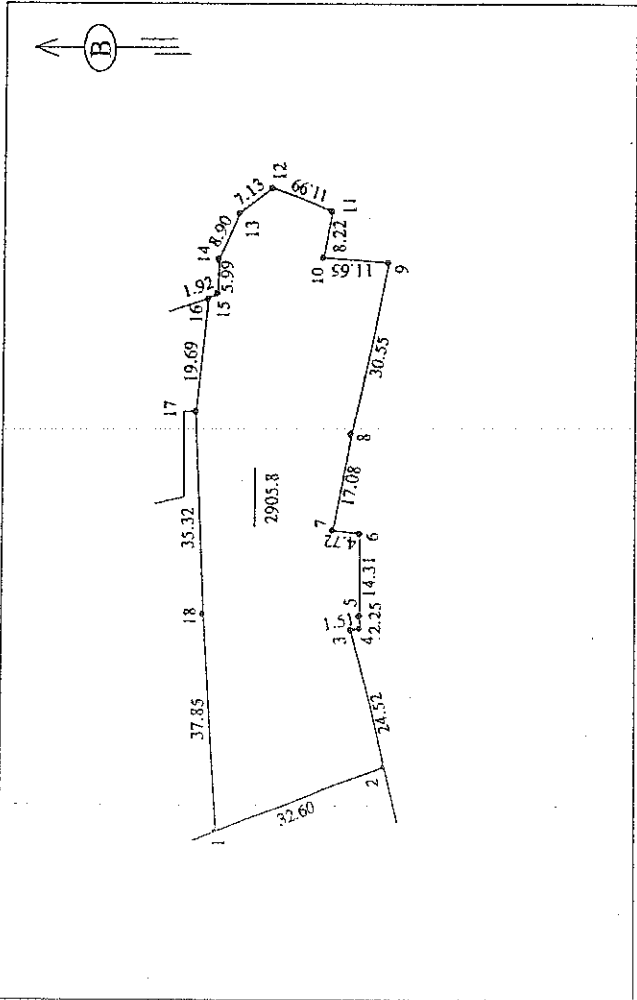
Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 1.

6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2321719.37	594671.60	32.60
2	2321688.80	594682.91	24.52
3	2321694.79	594706.69	1.51
4	2321693.29	594706.88	2.25
5	2321693.38	594709.13	14.31
6	2321693.43	594723.44	4.72
7	2321698.12	594723.99	17.08
8	2321695.00	594740.78	30.55
9	2321688.56	594770.64	11.65
10	2321700.18	594771.49	8.22
11	2321698.62	594779.56	11.99
12	2321709.94	594783.52	7.13
13	2321715.61	594779.20	8.90
14	2321719.52	594771.21	5.99
15	2321719.69	594765.22	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
TM. ỦY BAN QUẢN LÝ VÀ CHỈ DẪN
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019
CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

Nguyễn Hữu Nhật
CHU THỨC

Thuyet
Đỗ Hoàng Hoàn

Nguyễn Văn Thuyết

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

(Bổ sung)

Số hiệu thửa đất

Tờ bản đồ địa chính số:

Số hiệu mảnh bản đồ gốc:

6.BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

6.BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
16	2323397.58	593864.26	10.92
17	2323482.20	593724.86	69.69
18	2321721.83	594709.37	35.32
1	2321719.37	594671.60	37.85

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

Số: HI/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 9 Thửa đất số: 99 Ký hiệu đất công: C3

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà): Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

3. Địa chỉ: Xã: Đông Dư

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 3.232,5 m² (Ba nghìn hai trăm ba mươi hai mét vuông).

Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4.....25,26,27,1.

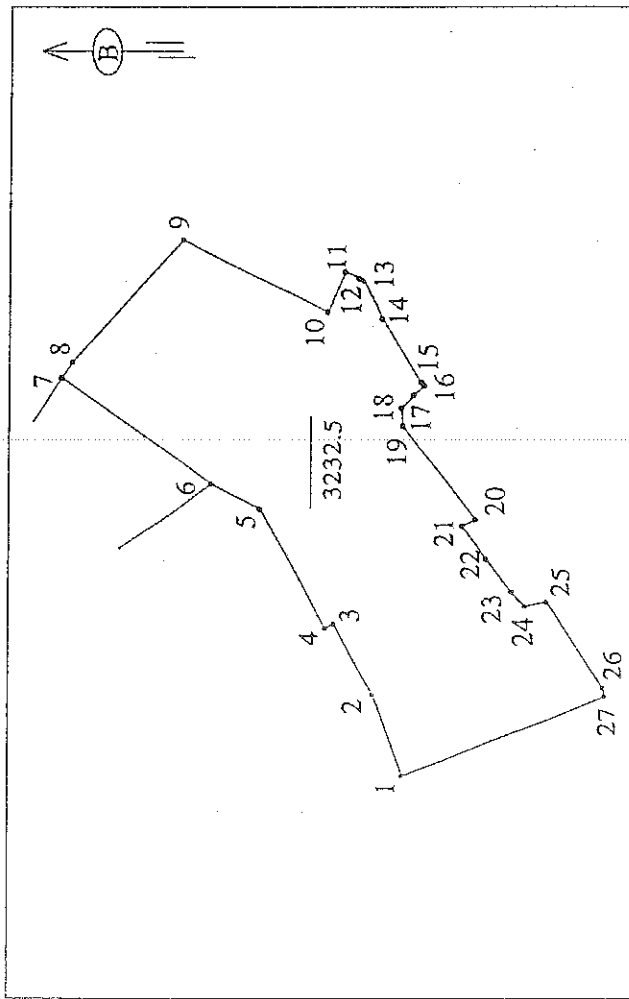
5. Lập tháng 6/2019.

6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322883.50	594665.64	14.22
2	2322888.60	594678.91	13.52
3	2322895.19	594690.71	1.83
4	2322896.81	594689.86	22.74
5	2322908.09	594709.60	9.20
6	2322916.34	594713.67	31.48
7	2322942.56	594731.10	3.18
8	2322940.71	594733.69	27.77
9	2322921.56	594753.80	27.73
10	2322896.50	594741.92	7.33
11	2322893.31	594748.52	2.51
12	2322891.03	594747.47	0.83
13	2322890.31	594747.06	6.95
14	2322887.26	594740.82	12.51
15	2322880.41	594730.35	

Ngày tháng năm 2019

NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng 6 năm 2019

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng 6 năm 2019

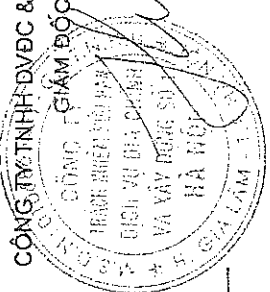
CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Signature)
 NGUYỄN HỮU NHẬT

(Signature)
 NGUYỄN VĂN THUYẾT

(Signature)
 ĐỖ HOÀNG HOÀN



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

(Bổ sung)

Số hiệu thửa đất

Tờ bản đồ địa chính số:

Số hiệu mảnh bản đồ gốc:

6.BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

6.BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

Số hiệu gốc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
16	2322879.98	594729.75	0.74
17	2322881.69	594728.25	2.27
18	2322883.81	594726.12	3.01
19	2322883.56	594723.21	2.92
20	2322871.14	594707.77	19.82
21	2322873.41	594706.65	2.53
22	2322869.19	594701.24	6.86
23	2322864.97	594695.82	6.87
24	2322862.84	594693.41	3.22
25	2322859.24	594694.19	3.68
26	2322849.29	594680.09	17.26
27	2322848.96	594678.61	1.52
1	2322883.50	594665.64	36.89

Số hiệu gốc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
------------------	-------	-------	-------

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

- Tờ bản đồ số: 10
- Tên người thuê đất: Ông (Bà): Nguyễn Hữu Việt
- Địa chỉ: Xã: Đông Dư
- Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 703,2 m² (Bảy trăm linh ba phẩy hai mét vuông).
- Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 1.
- Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.
- Ranh giới do chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Thửa đất số: 6

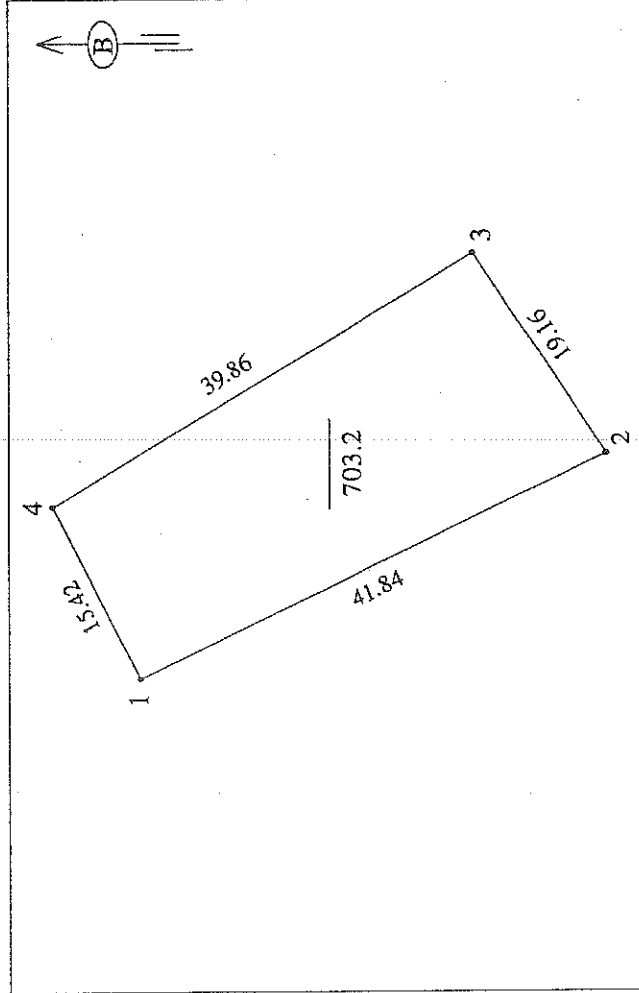
Huyện: Gia Lâm

Thành phố: Hà Nội

5. Lập tháng 6/2019.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2323021.26	594939.11	41.84
2	2322983.35	594956.82	19.16
3	2322994.02	594972.74	39.86
4	2323028.49	594952.73	15.42
1	2323021.26	594939.11	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
TM. UBND XÃ ĐÔNG DƯ
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

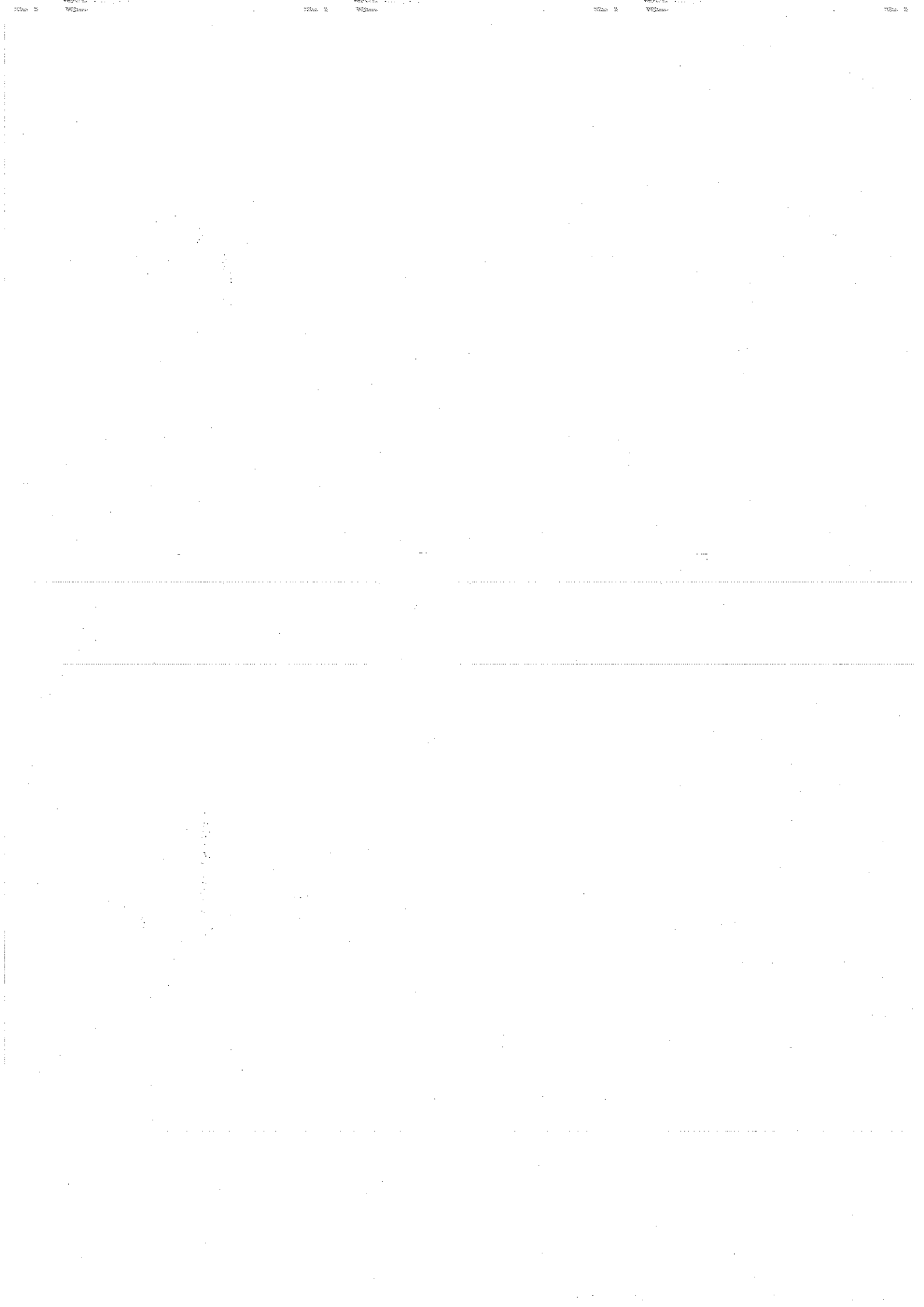
Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUYẾ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019
CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC

CHỨC TỊCH
Nguyễn Hữu Nhật

Đỗ Hoàng Hoàn

Nguyễn Văn Thuyết



HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

1. Tờ bản đồ số: 13

Thửa đất số: 111

Ký hiệu đất công: C52

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

3. Địa chỉ:

Xã: Đông Dư

Huyện: Gia Lâm

Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 5.897,5 m² (Năm nghìn tám trăm chín mươi bảy phẩy năm mét vuông).

Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 43, 44, 45, 1.

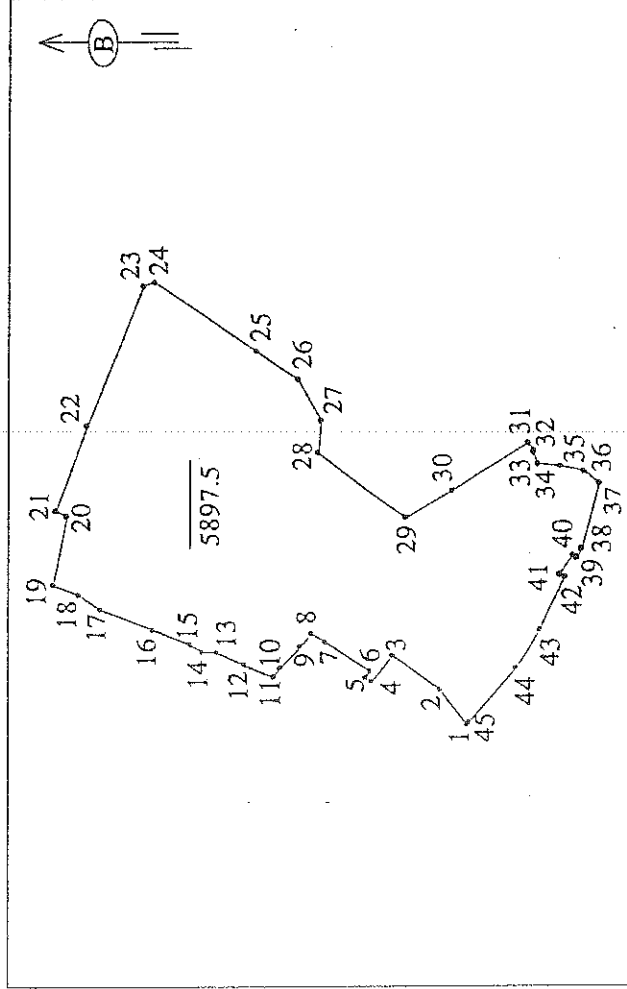
6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới đo chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

5. Lập tháng 6/2019.

Theo phương án: Trích đo

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322530.21	594902.15	9.96
2	2322536.46	594909.90	12.96
3	2322547.16	594917.22	7.20
4	2322551.62	594911.57	1.70
5	2322553.06	594912.47	1.80
6	2322551.94	594913.88	12.31
7	2322562.51	594920.19	3.66
8	2322565.68	594922.02	3.83
9	2322568.29	594919.22	6.27
10	2322572.46	594914.54	2.45
11	2322574.02	594912.65	6.64
12	2322580.12	594915.28	6.93
13	2322586.49	594918.02	3.22
14	2322589.71	594918.10	3.14
15	2322592.40	594919.72	

Ngày tháng năm 2019

NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019

Ngày tháng 6 năm 2019

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng 6 năm 2019

GIÁM ĐỐC

Ngày TM: UBND XÃ ĐÔNG DƯ
 TM: UBND XÃ ĐÔNG DƯ

Ngày tháng 6 năm 2019
 CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI

Nguyễn Hữu Nhật

Nguyễn Văn Thủy

Đỗ Hoàng Hoàn

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

(Bổ sung)

Số hiệu thửa đất

Tờ bản đồ địa chính số:

Số hiệu mảnh bản đồ gốc:

6. BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

6. BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
16	2322600.74	594922.82	8.90
17	2322612.75	594927.30	12.82
18	2322617.74	594930.36	5.85
19	2322623.61	594932.56	6.27
20	2322620.54	594947.52	15.27
21	2322623.04	594948.54	2.70
22	2322615.83	594966.95	19.77
23	2322603.06	594997.13	32.77
24	2322600.56	594997.97	2.64
25	2322577.67	594982.95	27.38
26	2322568.88	594976.93	10.65
27	2322563.55	594967.98	10.42
28	2322564.14	594960.96	7.04
29	2322544.23	594946.94	24.35
30	2322533.50	594952.75	12.20
31	2322516.81	594963.00	19.59
32	2322515.56	594961.22	2.18
33	2322515.66	594961.00	0.24
34	2322514.59	594958.34	2.87
35	2322509.43	594957.87	5.18
36	2322504.42	594956.77	5.13

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
37	2322501.16	594954.20	4.15
38	2322505.03	594940.00	14.72
39	2322505.99	594938.07	2.16
40	2322506.80	594938.72	1.04
41	2322509.64	594934.51	5.08
42	2322508.51	594933.98	1.25
43	2322514.15	594922.62	12.68
44	2322519.46	594914.43	9.76
45	2322529.72	594902.82	15.49
1	2322530.21	594902.15	0.83

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT

Số: H1/2019 - HSKT

Ký hiệu đất công: C53

Thửa đất số: 15

1. Tờ bản đồ số: 16

2. Tên người thuê đất: Ông (Bà):

3. Địa chỉ: Xã: Đông Dư Huyện: Gia Lâm Thành phố: Hà Nội

4. Diện tích khuôn viên hiện trạng là: 6.241,4 m² (Sáu nghìn hai trăm bốn mươi mốt phẩy bốn mét vuông).

Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,.....24,25,26,27,28,29,30,1.

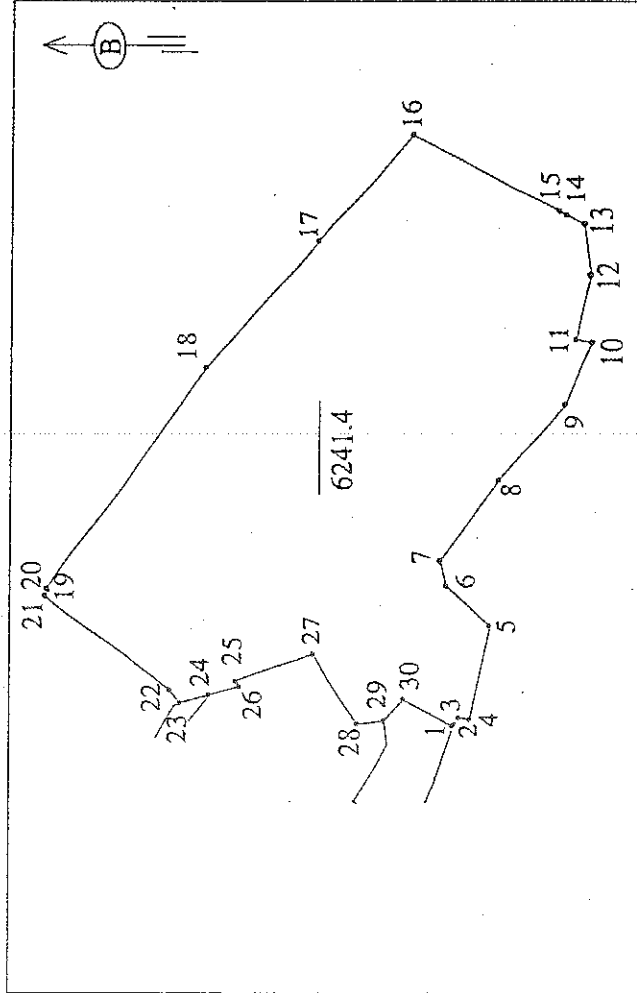
6. Hồ sơ này có giá trị xác định vị trí và diện tích hiện trạng thửa đất không xác định quyền sử dụng đất.

7. Ranh giới đo chủ sử dụng chỉ dẫn và chịu trách nhiệm.

Theo phương án: Trích đo

5. Lập tháng 6/2019.

8. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT



9. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2322496.13	595017.98	0.48
2	2322495.72	595018.22	1.55
3	2322494.93	595019.55	2.10
4	2322492.85	595019.26	17.50
5	2322488.86	595036.30	11.31
6	2322497.48	595043.62	4.74
7	2322498.61	595048.22	18.62
8	2322487.17	595062.91	18.47
9	2322474.94	595076.75	12.61
10	2322469.61	595088.18	3.21
11	2322472.79	595088.63	12.18
12	2322469.92	595100.47	9.28
13	2322471.01	595109.69	4.12
14	2322474.73	595111.45	1.64
15	2322476.21	595112.15	

Ngày tháng năm 2019
NGƯỜI THUÊ ĐẤT

Ngày tháng năm 2019
T.M. ỦY BAN NÔNG BÀO DÂN CHỦ QUÊ

Ngày tháng năm 2019
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. GIA LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC - A

Ngày tháng năm 2019

CÔNG TY TNHH DVĐC & XD SỐ 1 HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC



(Signature)

Nguyễn Văn Thuyết

Đỗ Hoàng Hoàn

(Signature)

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

(Bổ sung)

Số hiệu thửa đất

Tờ bản đồ địa chính số:

Số hiệu mảnh bản đồ góc:

6.BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

6.BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
16	2322503.85	595126.00	30.92
17	2322521.90	595106.62	26.48
18	2322543.05	595083.49	31.34
19	2322573.18	595043.02	50.45
20	2322572.79	595042.77	0.46
21	2322573.56	595041.69	1.33
22	2322549.75	595024.65	29.28
23	2322547.81	595022.24	3.09
24	2322542.18	595023.70	5.82
25	2322536.44	595025.20	5.93
26	2322537.19	595026.26	1.30
27	2322522.78	595031.23	15.24
28	2322514.31	595018.44	15.34
29	2322509.34	595019.04	5.01
30	2322505.35	595022.98	5.61
1	2322496.13	595017.98	10.49

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)



